

BACH KHOA

G I A I P H Ầ M



*Từ chiến tranh Trung
Đông đến chiến tranh
tái phát ở V.N * Cuộc
vận động bất khuất của Sakharov
và Solzhenitsyn * Đông y và Lão
Trang * Đông y qua nét chữ * Khoa
học không gian và đời sống con
người * Võ Phiến đọc Nguyễn M.
Giác * Nguyễn H. Lê đọc Quách Tấn*



MỤC LỤC TỪ SỐ 205 ĐẾN 404

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG

1.300đ.

MỘT NĂM

2.500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung thêm cước phí máy bay một năm : 360đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 600đ

* Ngoại quốc đường hàng không, từ 6-8-73, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia	: 35đ.	
— Ai-lao	: 50đ.	— Âu-châu, Bắc Phi Trung
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 100đ.	Đông-Đại-dương-châu Úc,
— Nhật-bản, Đại-hàn,		Tân-Tây-Lan v.v... : 275đ
Ấn-độ, Hồi-quốc	: 150đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại : 325đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	8000đ
1/2 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Bách Khoa, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon. D.T. 25.539.

BÁCH KHOA

V:

HOÀNG VĂN ĐỨC từ chiến tranh Trung Đông đến chiến tranh tái phát ở Việt nam	05
ĐÀO TRƯỜNG PHÚC Sakharov, Solzhénitsyn, cuộc vận động bất khuất	14
TRẦN VĂN TÍCH tư tưởng Lão Trang trong Y thuật Đông phương	23
KIM DỊCH Đông Y qua nét chữ	29
VÂN ANH khoa học không gian và đời sống con người	35
VÕ PHIỄN nhân đạo truyện Nguyễn Mộng Giác	39
NGUYỄN HIỂN LÊ thi sĩ Quách Tấn, hai tập thơ và một chứng bệnh	45
TRƯƠNG VĂN THANH góp ý với bài « Tủ sách xã thôn » của Toan Ánh	51
MINH ĐỨC HOÀI TRINH lá thư nước ngoài	55
VÔ ƯU những vòng hoa xương rồng (truyện)	59
MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH mây bay — lại mây bay (thơ)	70
BÙI KHIẾT tình yêu tiền kiếp (thơ)	71
BÁCH KHOA đàm thoại với Phạm Thế Mỹ nhạc sĩ của « tình yêu », nhạc sĩ của « tình thương »	73

SINH HOẠT

TRÀNG THIÊN — THU THỦY thời sự văn nghệ
MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ SỐ 395 (P) ĐẾN SỐ 401 (V)

Chủ trương: LÊ NGỘ CHÂU

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG

21 Nguyễn Thiện Thuật — Saigon

Địa-chỉ: 160, Phan Đình Phùng Saigon

Giá: 120\$ Công sở: 240\$

Điện thoại: 25.539

Cao Nguyên và Miền Trung

H.T. 339 Saigon

cước phí máy bay 15\$ mỗi số

Sách nhận được trước 15-12-73

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc:

— Kim Túy Tình Từ (tức Truyện Kiều chánh gốc) của Nguyễn Du cho chính Nguyễn Du chú giải, Phạm Kim Chi phiên âm, Tri Tân xuất bản lần nhì và G.s. Thuần Phong gửi tặng. Sách dày trên 230 trang, Dẫn nhập của Phạm văn Tươi, lời báo dẫn của Phạm Kim Chi, Tựa của Tấn sĩ Nguyễn Mai (cháu cụ Nguyễn Du), Sự tích ông Nguyễn Hầu (Nguyễn Du) v.v... Bản đặc biệt. Giá 580đ.

— Tổ Như thi trích dịch, bản dịch của Quách Tấn do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 250 trang, gồm 30 bài thơ ở tập Thanh Hiên, 20 ở tập Nam Trung, 22 ở tập Bắc Hành, mỗi bài thơ đều có bản phiên âm, bản chữ Hán, bản dịch nghĩa và bản dịch thơ. In rất công phu và đẹp trên toàn giấy tốt. Giá 800đ.

— Túp lều của Chú Tom nguyên tác «La case de l'oncle Tom» của Harriet Beecher Stowe, Minh Quân và Mỹ Lan dịch, do Đất Sống xuất bản và dịch giả gửi tặng. Tác phẩm nổi tiếng trên thế giới, dày trên 490 trang, phiên dịch công phu. Giá 900đ.

— Tên tài xế Suzuki lý tưởng truyện dài của Minh Quân, do Minh Đăng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 156 trang, nội dung lôi cuốn, rất hợp với tuổi trẻ, bìa do Vi Vi vẽ. Giá 310đ.

— Trong Đục, tập truyện của

Trần-văn-Minh, Cửu Long KQ xuất bản, do tác giả và nhà phát hành gửi tặng. Tác phẩm thứ 2 của tác giả dày 190 trang gồm 8 truyện, in đẹp, bìa do Nguyễn Nam Tiến minh họa theo ý của tác giả. Bản đặc biệt.

— William Faulkner, cuộc đời và tác phẩm, của Doãn Quốc Sỹ và Nguyễn văn Nha, do Hiện Đại xuất bản và gửi tặng. Sách dày 220 trang khổ lớn, gồm 3 phần: Con người và nghệ thuật (tiểu sử và vị trí tiểu thuyết của Faulkner); Phân tích tác phẩm (25 tác phẩm); Dịch văn (4 truyện ngắn). Giấy trắng đẹp. Giá 300đ.

— Văn học và tiểu thuyết của Doãn Quốc Sỹ do Sáng Tạo xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 390 trang gồm 2 phần lớn: I) Phê bình văn học và II) Tiểu thuyết trong văn học (Định nghĩa, phân loại, những yếu tố chính của tiểu thuyết, phong trào tiểu thuyết mới, vấn đề Dân tộc tính w...) Phụ lục: Bảng Đồ-biểu văn xuôi V.N. Bản đặc biệt. Giá bán thường 800đ.

— Du Sỹ Ca thơ của Nguyễn Đức Sơn do An Tiêm xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 11 của tác giả được ấn hành dày 46 trang in trên giấy trắng ngà. Giá 300đ.

— Về phía trời xanh tập thơ của Trần Thị Huệ Mai do Văn Chương xuất bản và gửi tặng. Tác phẩm thứ 6 của tác giả dày 90 trang, gồm 24 bài thơ, Bạt của Mộng Tuyết Thất tiểu muội in trên giấy Ngọc Lan. Giá 320đ.

— Truyền say tập thơ nguyên tác của Rimbaud, Hoa Tường Dung chuyển ngữ. Sách in ronéo dày 44 trang, khổ 20×31 gồm 29 bài thơ được chuyển ngữ in trên giấy Croquis

Từ chiến-tranh Trung-Đông đến chiến-tranh tái-phát ở Việt-Nam

1.

Sáng sớm ngày 22 tháng 10 năm 1973, Hội-đồng Bảo-an LHQ đã nhóm họp, và, sau hai giờ thảo-luận, đã quyết-định yêu-cầu hai phe ngưng chiến ngưng bắn để chấm dứt chiến tranh tại Trung-Đông. Ngay tức-khắc, Do-Thái đã đồng-ý; và Ai-Cập, sau tám giờ do-dự, hay đúng hơn, sau tám giờ yên-lặng, cũng đã chấp-thuận. Như thế, nghĩa là thêm một lần nữa, những quốc-gia Ả-Rập đã phải nếm mùi chiến-bại, dù là có thể chiến-bại «tạm thời».

Có một điều thiết tưởng ai cũng cần đặt câu hỏi là tại sao những quốc gia Ả-Rập đã gây ra chiến-tranh lần này, lại chịu đầu-hàng một cách trá-hình khi chấp-thuận ngưng bắn, sau 17 ngày kịch-chiến. Để hiểu rõ tình-hình, ngõ hầu sau đó rút tĩa ra được một bài học lịch-sử trong vấn-đề VN, và trong bài học lịch-sử đó có một điều rất quan-trọng là mối liên-hệ giữa sự thất-bại của những quốc-gia Ả-Rập và sự tái-phát chiến-tranh tại VN đang manh-nha một cách rõ-rệt và gay-cấn, chúng-ta nhất thiết phải tìm hiểu những lý-do gây-chiến của những quốc-gia Ả-Rập là sự tất-nhiên, song chúng-ta còn phải tìm hiểu thêm về những nhược-điểm hiển-nhiên của họ mà chính-họ, một khi chiến-tranh đã diễn ra, mới khám-phá được để rồi phải tự bắt buộc

chấp nhận đầu-hàng qua sự dàn-xếp của LHQ, và, sau cùng, tìm-hiểu mối liên-quan giữa cuộc chiến-tranh Trung-Đông này và chiến-tranh đang tái-phát tại VN.

2.

Đề có thể nắm vững vấn-đề, cũng như đề có-thể hiểu được hết chiều sâu của vấn-đề, nhằm mục-đích hội đủ dữ-kiện để phân-tích những biến-cổ khác sẽ xảy ra sau này một cách vững-chãi và tránh sai-lầm, chúng-tôi sẽ xin khởi-đầu bằng sự kết-thúc (tạm-thời của chiến-cuộc Trung-Đông vừa xảy ra, nghĩa là từ quyết-định của Hội-đồng Bảo-an LHQ nói trên để dần-dần đi ngược dòng thời-gian mà đến cái nguồn-gốc, hay đến những nguồn-gốc (vì chúng cũng khá nhiều) đã khiến cho những quốc-gia Ả-Rập lần này đã khởi-chiến trước. Một suy-luận chặt-chẽ sẽ cho phép chúng ta thấy rằng mọi việc chẳng qua chỉ là những bài toán đổ, việc chính-trị, việc chiến-tranh, hòa-bình cũng như tất cả mọi việc khác. Am hiểu vấn-đề, nắm vững được vấn-đề thì sẽ giải-quyết được vấn-đề.

Nếu không nắm vững được vấn-đề, nghĩa là không hội được đủ điều-kiện thành-công mà đã phóng tay hành-động, thì lẽ tất-nhiên sẽ phải thất-bại. Và, mặt khác, nếu hội đủ điều-kiện mà không biết khai-

* Bác sĩ Hoàng Văn Đức, tác giả bài này là Chủ tịch sáng lập Phong trào Đông-nam-Á.

thác thì thắng cũng sẽ chuyển thành bại, đó là một điều tiên-quyết dĩ-nhiên.

Vậy nên, nếu bắt đầu xét về cái kết-quả của quyết-định (tạm-thời) của Hội-đồng Bảo-an LHQ sáng ngày 22-10-73, trước hết chúng ta sẽ nhận thấy rằng : trong số 15 hội-viên của Hội-đồng Bảo-an, (gồm 5 hội-viên thường-trực, và 10 hội-viên không thường-trực), thì 14 hội-viên đã biểu-quyết chấp-thuận giải-pháp do Nga và Mỹ đề-nghị, và chỉ có một hội-viên là không biểu-quyết mà thôi, không biểu-quyết chống mà cũng không biểu-quyết thuận : hội-viên đó là Trung-Cộng. Lý-do, là vì đây lại là thái-độ cố-hữu của Trung-Cộng từ khi được vào Hội-đồng Bảo-an thay Trung-hoa Dân-quốc cho đến nay. Bỏ ra ngoài Trung-Cộng đã không biểu-quyết, và Mỹ đã bênh-vực Do-Thái, 3 hội-viên thường-trực còn lại của HĐBA là Nga, Pháp và Anh, cả ba đều thiên Á-Rập, và 10 hội-viên không thường-trực tất cả đều cũng thiên Á-Rập. Irak, một trong hai phe tham-chiến, lại sẽ là 1 trong 10 hội-viên không thường-trực của HĐBA vào năm 1974. Cái quyết-định của HĐBA mong muốn chấm dứt chiến-tranh Trung-Đông chỉ xảy ra có 6 tiếng đồng-hồ sau khi Brejnev vừa nghe Kossygine ở Le Caire về tường-trình kết-quả cuộc tiếp-xúc với Tổng thống Ai-Cập Sadate, liền mời ngay Kissinger qua Moscou hội-đàm đề kiển cách ngưng chiến, chứng tỏ rằng ngay sau khi Kossygine đi Le Caire về, nhận-thức rõ ràng tại chỗ

tất cả cái yếu-thế kém-cỏi của phe Á-Rập, tại Nga-xô đã bắt buộc phải quyết-định kiển giải-pháp ngưng chiến vì không thể làm gì khác được nữa. Phải ngỏ lời mời Kissinger sang Moscou là Nga-xô đã xuống nước rõ ràng.

Và, song-song với cuộc vận-động ngưng chiến này của Nga-xô, lẽ dĩ-nhiên là điện Kremlin cũng đã hội-ý và đồng-ý với khối Á-Rập, và giữa những quốc-gia Á-Rập với nhau cũng có những sự hội-ý và đồng-ý như thế. Chúng ta không thể suy-luận một cách khác được.

Mà đã không thể suy-luận một cách khác được, thì sự đồng-thanh nhất-chí của những hội-viên thường-trực và không thường-trực của HĐBA đưa ra quyết-định ngưng chiến một cách vội-vàng như trên đã nói, chỉ càng chứng-tỏ rằng sự thất-trận của phe Á-Rập trong trận chiến-tranh nay là một sự dĩ-nhiên không cần phải chứng-minh hơn nữa.

3.

Bây giờ trận chiến sắp kết-liệu, (chúng-tôi viết bài này trong ngày 22-10-1973), chúng ta có thể chia nó ra làm thành 3 giai-đoạn :

— 1) *Giai-đoạn I : Phe Á-Rập chủ-trương đánh chớp nhoáng, tốc chiến tốc thắng.* Những lợi-khí của họ là khí-giới vô-cùng tối-tân của Nga-xô và được Nga-xô cung-cấp rất thừa-thãi : hỏa-tiến Sam 6, phi cơ Mig 25, xe tăng hạng nặng kiểu tối-tân và những thứ hỏa-tiến tối-tân chỉ nặng mỗi cái 10 ki-lô nhưng mỗi phát bắn

đi đủ để phá-hủy một xe tăng cỡ nặng nhất một cách rất chính-xác; và sự ủng-hộ vô-điều-kiện của những nước được gọi là không-liên-kết. Ai Cập và Si-Ri đã tung ra trận ngót 5.000 xe tăng Nga-xô, không kể đủ các loại xe các cỡ khác và súng-đạn, và trên 4.000 phi-cơ cũng của Nga-xô. Hậu-thuần của họ là Nga-xô và những lời hứa-hẹn viện-trợ vô-điều-kiện của cường-quốc cộng-sản này.

Ngược-lại, để có đủ súng-đạn và các khí-giới tối-tân cùng xe tăng, phi-cơ, hỏa-tiến của Nga-xô để mưu-cầu một cuộc rửa hận cho sự thất-trận năm 1967 (trong trận chiến 6 ngày) và lấy lại những đất-đai do Do-Thái chiếm được trong trận chiến đó, và cũng là để chứng-minh cho thái-độ thụ-động của họ từ ngày thất-trận 1967 cho đến giờ, Ai-Cập và Si-Ri đã hứa-hẹn với Nga-xô rất-nhiều: dầu hỏa của Irak, Si-Ri, các nhà máy lọc dầu mới do Nga-xô được phép xây cất lần này, và, *nhất* là sự mở-lại sông đào Suez để cho phép tàu thủy của Nga tự-do di-chuyển từ eo-biển Dardanelles (Hắc-Hải), xuyên qua Hồng-Hải vào Ấn-Độ-Dương (nghĩa là vào Đông-Nam-Á); và, ngược lại, để tung-hoành tại Địa-Trung-Hải, rồi tại Đại-Tây-Dương, làm một vòng vây kín không kẽ hở suốt từ Thái-Bình-Dương sang đến Đại-Tây-Dương bao vây tất cả các nước Á-Châu bao gồm cả Trung-Hoa, Ấn-Độ và các nước Âu-Châu. Bấy lâu thất thế tại Đông-Nam-Á vì thái-độ của Trung-Cộng, và bởi vì Bắc-Việt đã "thua trận" trên thực-

tế khi bắt buộc phải ký hiệp-định Paris tháng Giêng năm 1973 do chính Nga-xô chúc-sử tại Paris, lại bị thất-thế cả tại Trung-Đông và Ai-Cập, Nga-xô đã cố thúc-dẩy Ai-Cập và Si-Ri khai-chiến với Do-Thái và đánh thành-linh chớp-nhoáng vào Do-Thái đúng ngày Kippour, để lấy lại chân đứng tại Ai-Cập và tại Trung-Đông, và, từ đấy, ngay tại cả Đông-Nam Á-châu. Từ mấy năm nay Nga-xô nhượng-bộ Mỹ đã quá nhiều, âu cũng là một cách cố chối giậy để nói cho thế-giới biết rằng Nga-xô vẫn bình-đẳng với Mỹ, hoặc đã trở lại lấn Mỹ.

Nga-xô chuẩn-bị tái vũ-trang cho Si-Ri và Ai-Cập đã từ 2 năm nay, một cách rất kín đáo. Và *đồng-thời*, cũng đã tái-vũ-trang cực-độ cho Bắc-Việt, từ ngày hiệp-định ngưng bắn được ký-kết tại Paris vào tháng Giêng năm nay; (Bắc-Việt hiện có đủ thứ như Ai-Cập và Si-Ri, từ hỏa-tiến Sam 6, cho đến hỏa-tiến Frog bắn xa được 70km, nặng 500kg, và những hỏa-tiến 10kg «bách phát bách trúng» nói trên). Độ trước, hỏa-tiến Sam của Bắc-Việt được bắn đi từ những dàn hỏa-tiến cố-định cho nên phi-cơ Hoa-Kỳ còn dễ mà phá-hủy được. Bây giờ tại Ai-Cập và Si-Ri Nga-xô đã cung-cấp những hỏa-tiến lưu-động rất khó phá-hủy, cho nên Nga đã tin chắc rằng thế nào Ai-Cập và Si-Ri cũng sẽ toàn thắng chớp-nhoáng. Nga đã tiên-định rằng, ngay sau «chiến-thắng chớp-nhoáng» này của Ai-Cập và Si-Ri, sẽ đồng-thời thúc-dẩy BV ồ ạt tấn-công Nam-V.N. để chiếm trọn Nam-V.N., đặt

Hoa-Kỳ trước một sự đã rồi khiến cho Hoa-Kỳ không còn cách nào trở tay kịp nữa, dù cho có muốn cứu Nam-VN cũng không được. Bấy lâu Nga-xô tái- võ-trang BV là nhằm mục-tiêu đó. Những tin-tức cho biết rằng Bắc Việt hiện có tại Bắc-Việt, Lào, Cam-Bốt và tại Nam V.N. trên 500 hỏa-tiến Frog, có tầm xa 70km, và có hàng chục hỏa-tiến địa-địa có tầm xa 700km.

Nga-xô, Ai-Cập và Si-Ri đã tin chắc thế nào Do-Thái cũng sẽ sớm thua trận, cho nên đã chuẩn-bị việc mở lại kênh đào Suez. Bằng có cụ thể là Nga đã giúp phương-tiện cho Ai-Cập mời Hội-xã Tây-Đức Ulrich Harms ở Hambourg, hiệp cùng với một xí-nghiệp Nam-tur để thực thi việc khai-thông kênh Suez. (Sở dĩ Nga kéo công-ty Nam-Tur vào là cốt để làm vui lòng Nam-Tur đã về bè với Nga trong vụ này, cho nên sau khi cuộc chiến-tranh chớp-nhoáng của Ai-Cập và Si-Ri thất-bại, bắt-buộc phải biến-thể sang một cuộc chiến-tranh tiêu-hao, tàu-bay Nga-xô thiết-lập cầu hàng-không để tiếp-viện cho Ai-Cập Si-Ri đã được phép bay qua lãnh-thổ Nam-Tur). Công-ty Nam-Tur này, công-ty Brodospas, là một công-ty chuyên-môn đi vớt những tàu bè đã bị đánh đắm trong kênh Suez.)

Chỉ xem cái số xe tăng Ai-Cập và Si-Ri (nghĩa là xe tăng Nga) tổng-cộng trên 5.000 chiếc, và máy bay trên 4.000 chiếc, được tung vào trận chiến, thì đủ rõ cái quyết-tâm của

Nga, Ai-Cập và Si-Ri ra làm sao. Họ tin chắc rằng sẽ thắng trận vì những lý-do sau đây :

— Về quân-sự và dụng-cụ chiến-tranh, Ai-Cập Si-Ri hơn Do-Thái gấp 6 lần ;

— về nhân-số họ hơn Do-Thái gấp 50 lần,

— về chính-trị, những cường-quốc Âu Châu Anh, Pháp, Đức, đều ủng-hộ họ ;

— Về phương-diện kinh-tế : Âu-Châu tiêu-thụ 70% tổng-số tiêu-thụ quốc-gia về dầu hỏa của Trung-Đông; Mỹ cũng mua dầu-hỏa Trung-Đông, nhất là của Ả-Rập Sa-U-Đi. Họ lại còn có thể đe dọa sẽ cúp dầu hỏa nữa, trong trường-hợp chiến-tranh chớp-nhoáng thất-bại mà phải trở lại chiến-tranh tiêu-hao. Họ sẽ dùng khí-giới dầu hỏa để làm áp-lực đối với các quốc-gia Âu-Châu, mượn tay Âu-Châu làm áp-lực với Mỹ, trong khi mà chính Mỹ cũng cần dùng đến dầu hỏa của họ thì tất-nhiên họ sẽ thắng-lợi.

Về phương-diện chính-trị, phe Nga-Ai cập-Si Ri còn được mạnh thế ở 2 điểm khác nữa :

— 1) Phe Nga và phe thiên-cộng (gauchiste) còn có nội-công ở Mỹ; nếu cần đến, chúng sẽ làm khơi dậy vụ Watergate, hô hào truất-phế Nixon để khóa tay Nixon, khiến cho Nixon sẽ không sao rảnh tay để mà bay đến cứu Do-Thái được;

— 2) Và sự ủng hộ của các nước

không liên-kết đã hứa-hẹn tháng trước tại hội-ngại Alger bênh vực quan-diểm của các quốc-gia Ả-Rập.

Và đồng-thời với sự ủng-hộ tuyệt đối này của các quốc-gia không liên-kết, Nga-xô, nhằm mục-đích quyết-định Ai-Cập Si-Ri tấn-công Do-Thái vào ngày Kippour, đã vận-động với Bắc-Cao gửi 20 phi-công Bắc-Cao, và với Bắc-Việt gửi 18 xạ-thủ hỏa-tiến Bắc-Việt đến tăng-cường cho quân-đội Ai-Cập Si-Ri. Con số 18 xạ-thủ hỏa-tiến BV này đã được chính Tham-mưu-trưởng quân-đội Si-Ri tiết-lộ cho biết trong khi cao hứng tuyên-bố «sẽ chính-thức mời Đại-tướng Võ-Nguyên-Giáp qua Damas duyệt-bình mừng chiến-thắng chung» «Ngày duyệt-bình đó sẽ là một ngày rực-rỡ cho những quốc-gia tiến-bộ từ Trung-Đông đến Đông-Nam-Á và toàn-thê Á-Châu». Lời tuyên-bố lóng này của Tham-mưu-trưởng Si-Ri bắt-buộc ta phải hiểu rằng khi vận-động (ra chỉ-thị thì đúng hơn) để cho các phi-công Bắc-Cao và các xạ-thủ hỏa-tiến Bắc-Việt tham-gia vào chiến-trận Trung-Đông, chính Nga-xô đã âm-mưu làm quan thầy trên chiến trường cả quân-sự lẫn chính-trị tại Đông-Nam-Á và Trung-Nam-Á Ai-Cập Si-Ri, Bắc-Cao Bắc-Việt chỉ là những dụng-cụ tình-nguyên hay bắt-ưng của Nga-xô mà thôi. Chiến-tranh do Nga muốn đã bùng nổ ở Trung-Đông, ắt cũng đã được nung-nấu tại Nam-VN, nếu không thì lời tuyên-bố đã ghi lại ở trên của Tham-mưu-trưởng quân-lực Si-Ri đã không có nghĩa-lý gì. Chiến-tranh tại Nam-VN chắc chắn đã được

chuẩn-bị cho tái-phát, bằng có là sự hiện-diện của những hỏa-tiến Sam 6 và Frog, vào khoảng 500 chiếc, ở Nam-VN, Lào và Cam-Bốt, là những vũ khí CSBV không có trước hiệp-định ngưng bắn Paris. Nay Ai-Cập Si-Ri đã bại trận rồi, chiến-tranh đã được chuẩn-bị cho tái-phát tại Nam VN sẽ phải tạm hoãn lại. Chiến-tranh tại Nam-VN chắc-chắn đã bột-phát trở lại cực kỳ mãnh-liệt nếu Ai-Cập đã cả thắng chớp-nhoáng trong trận chiến Trung-Đông vừa qua, hay là trong trường-hợp xảy ra một trận chiến tiêu-hao lâu-dài giữa Ai-Cập Si-Ri và Do-Thái để làm khó dễ Hoa-Kỳ. Nay thì chính Nga-xô đang bị khó-dễ, chiến tranh tại Nam-VN có thể tạm nguôi, nhưng cũng có thể đột-phát bất thành linh.

HOÀNG VĂN ĐỨC

...2

Kỳ tới: Một sự-kiện bí-mật ở Ai CẬP...

XIN SỬA LẠI

Trên Bách Khoa số trước, trong bài đầu của Đặng Trần Huân «Cuộc chiến Tam quốc Trung Đông...» trang đầu, cột 1, hàng 15 đã in lầm số: «17.000 chiến xa» (của Do Thái). Xin bạn đọc sửa giùm cho là: » 1.700 chiến xa» và xin cảm ơn quý bạn.

B.K.

Sakharov, Solzhenitsyn

cuộc vận động bất khuất



Ngay giữa lòng thủ đô Mạc Tư Khoa, bất chấp gọng kìm khe khắt của chế độ cộng sản, bất chấp màn lưới đe dọa của mật vụ KGB, bất chấp cái chết rình rập ngày đêm — hai tiếng nói cất lên, mạnh mẽ và dũng cảm, hướng về thế giới Tây phương. Hai người cất lên tiếng nói đó là những công dân Nga chính gốc; hơn thế nữa, họ còn được xếp vào thành phần ưu tú của xã hội Nga. Một người là Andrei Sakharov, khoa học gia, cha đẻ của bom H tại Nga, từng được coi như một thứ Oppenheimer của nền khoa học Xô viết. Người kia là Aleksandr Solzhenitsyn, tiểu thuyết gia, giải Nobel văn chương 1970. Tiếng nói mà họ gởi đến thế giới Tây phương là một lời cảnh giác quan trọng, một lời báo động khẩn thiết. Cuộc vận động của họ đặt ra cả một tranh luận gắt gao về vấn đề tạo lập tình trạng hòa hoãn (détente) giữa hai khối chính trị trên thế giới, về những điều kiện thiết

yếu đề cho sự hợp tác kinh tế giữa Đông và Tây, giữa tư bản và cộng sản, có thể đạt được hay không, mục đích giải phóng con người toàn diện. Bởi vì Sakharov và Solzhenitsyn không hề chống đối sự hợp tác đó. Hơn ai hết, họ là những người thiết tha mong mỗi một lý tưởng hòa bình thực sự và trường cửu. Nhưng họ có lý do để đặt câu hỏi đối với một thứ hợp tác nửa vời, bất ổn cố, vô hình chung tạo cơ hội cho cộng sản (kể lãnh đạo quốc gia họ) khai thác những thủ đoạn bóp nghẹt quyền sống con người, bóp nghẹt tiếng nói công chính của những ai còn bị mắc kẹt trong màn lưới đỏ.

Sakharov: Chúng tôi đòi hỏi một nước Nga dân-chủ-hóa

Ngay từ năm 1958, Sakharov đã bắt đầu thẳng thắn bày tỏ những ý kiến chống đối của ông trong các bức thư gởi cho Thủ tướng Khrushchev, đề cập đến vấn đề thử bom nguyên tử. Sự chống đối mỗi lúc một trở nên sắc bén và mạnh mẽ hơn, nhất là từ sau năm 1962. Những nhà lãnh đạo Cộng sản Xô viết, mặc dù vẫn bắt buộc phải duy trì sự kiêu ngạo đối với người vừa phát minh thứ vũ khí nguyên tử quan trọng nhất của Nga, đã dần dà tỏ vẻ bực bội vì sự chống đối rõ

rệt đó. Năm 1964, Khrushchev quyết định ra lệnh thu thập tất cả các tài liệu dẫn chứng để trừng trị Sakharov về tội dẫm chân lên địa hạt chính trị, gây rối loạn nội bộ. Nhưng trước khi Khrushchev kịp thực hiện biện pháp đó, chính ông ta đã bị hạ bệ. Và Sakharov tiếp tục con đường chống đối một cách mãnh liệt hơn bao giờ hết. Nhân kỳ đại hội Cộng đảng thứ 23, Sakharov đứng tên chung trong một bản kiến nghị nhằm phản kháng ý định của nhà cầm quyền muốn phục hồi danh dự cho Staline. Sau đó, ông hợp tác với một ký giả để viết một bài báo (không được đăng tải) trong đó ông chính thức đề cập đến vai trò giới trí thức trong thế giới hiện đại. Bài báo này mở đường cho những bức giác thư gây sôi nổi của ông. Bức thư nhất gửi tới các nhà cầm quyền Nga xô năm 1968. Bức thư hai gửi đích danh Brezhnev, Kosygin và Podgorny, tháng 3 năm 1970. Bức thư ba, gửi đích danh Brezhnev, tháng 3 năm 1971. Tất cả những bức giác thư này, trước khi gửi đi, đều được luân lưu trong vòng bí mật đến các khoa học gia và học giả Nga để tham khảo ý kiến. Người ta thấy trong bức số 2 năm 1970, ngoài chữ ký Sakharov, còn có chữ ký của sử giả Roy A. Medvedev và của chuyên viên máy tính điện tử V.F. Turchin. Điều làm cho nhà cầm quyền Nga Xô bối rối nhất chính là, đồng thời với bản chính của những bức giác thư đó đến tay họ thì bản sao của chúng cũng được phổ biến, bằng một cách nào đó, tới những

ký giả của Tây phương, và lẽ dĩ nhiên chỉ cần một thời gian ngắn sau, chúng đã được đăng tải đầy đủ trên khắp các mặt báo trong khối tự do. Và như thế có nghĩa là, mặc dù mọi âm mưu bưng bít, mặc dù sự thanh trừng không thương tiếc mà họ đã áp dụng để bóp nghẹt phong trào đòi quyền sống do Sakharov và các bạn đề xướng ! — Giới lãnh đạo Cộng sản Nga vẫn không thể ngăn được tiếng nói của những người đó bay vượt khỏi biên giới Nga Xô để vang vọng trên khắp thế giới.

Nhưng trước hết, những bức giác thư ấy nói gì ?

Chúng nói lên hai điều : sự thật về tình trạng kinh tế chính trị hiện tại của Nga Xô ; và sự công phần của giới trí thức đối với nhà cầm quyền Cộng sản. Đây cũng chính là những yếu tố chỉ đạo của cuộc vận động do Sakharov, Solzhenitsyn, Tchalidzé, Tverdokhlebov, Chafarevitch v.v... chủ xướng, cuộc vận động nhằm dân chủ hóa một nước Nga đang mỗi lúc một tiến gần đến cực điểm của nền độc tài đảng trị, hay nói đúng hơn đang có khuynh hướng trở lại với giai đoạn khủng bố thanh trừng dẫm máu thời Staline. Nhóm Sakharov tìm thấy hai giả thiết lạc quan làm nền tảng cho cuộc vận động của họ : thứ nhất, họ chờ mong một sự kết hợp dung hòa giữa hai hệ thống xã hội của hai đại cường, hiểu theo nghĩa Nga Xô sẽ được dân chủ hóa hơn và Hoa Kỳ trở nên xã hội hóa hơn ; — thứ hai, họ cho rằng Nga

Sô sẽ bắt buộc phải đi theo đường hướng trên đây vì áp lực của nhóm kỹ thuật gia tru tú, và do đó, sẽ phải chấp nhận cho nhóm kỹ thuật gia này nói riêng cũng như tập thể dân chúng nói chung, một sự tự do rộng hơn ; nếu quả Nga Sô muốn gia tăng mức sản xuất lao động hiện đang quá thấp, và giải quyết những vấn đề càng ngày càng khó khăn trong lãnh vực kinh tế hiện đại.

Sở dĩ nhóm Sakharov dám đề cập đến một thứ «áp lực», là vì hơn ai hết họ có những bằng cứ chính xác về tình trạng kinh tế của nước họ. Trong bức giác thư số 2 năm 1970, họ nói thẳng : «Chúng ta hơn Hoa Kỳ về số sản xuất than đá, nhưng kém Hoa Kỳ về số sản xuất dầu hỏa, hơi đốt và điện năng, kém gấp mười lần về kỹ nghệ hóa học và thua quá xa về kỹ thuật điện tử. Chính sự thua kém sau cùng này mới là quan trọng, bởi lẽ việc áp dụng kỹ thuật máy tính điện tử vào nền kinh tế quốc gia đã trở thành thiết yếu đến độ có thể thay đổi hẳn cục diện của nền kinh tế đó... Vậy mà khả năng của tất cả những máy tính điện tử ở Nga hiện còn đang thua sút Hoa kỳ đến hàng trăm lần, và nếu nói đến việc áp dụng những máy này vào lãnh vực kinh tế thì sự so sánh sẽ cho thấy một khoảng cách biệt khổng khiếp, tưởng chừng như nước Nga chúng ta còn đang lẻo đẻo ở một kỷ nguyên nào khác».

Về khoa học, tình trạng cũng chẳng khá gì hơn. Nhóm Sakharov thú nhận ; «Trong thập niên 50 chúng

ta là quốc gia đầu tiên phóng vệ tinh Sputnik và đưa người lên không gian. Vậy mà đến cuối thập niên 60 chúng ta đã đánh mất sự dẫn đầu trong lãnh vực này (cũng như trong vô số lãnh vực khác). Người thứ nhất đặt chân lên mặt trăng là người Hoa Kỳ. Đây chính là một trong những dấu hiệu cho thấy chúng ta càng lúc càng bị bỏ rơi lại sau lưng họ».

Vậy thì do đâu gây nên một sự thoái hóa trầm trọng đến như thế ? Nhóm Sakharov tự đặt câu hỏi, và tự trả lời ngay : Nguyên nhân chẳng phải nằm trong cơ chế chủ nghĩa xã hội, mà là nằm trong «những truyền thống phản dân chủ và những tiêu chuẩn ấn định đường hướng chỉ đạo, bắt rễ từ thời Staline và mãi đến ngày nay vẫn chưa được phá hủy». Thuở trước người ta còn đem việc vận động kỹ nghệ hóa ra để lấy cớ áp dụng những biện pháp cưỡng chế này nọ (dù rằng trên thực tế chính những biện pháp đó cản trở không ít cho cuộc sinh hoạt kinh tế tiền chiến) ; — nhưng đến bây giờ thì, theo nhóm Sakharov, rõ rệt như 2 với 2 là 4, «kể từ cuộc cách mạng kỹ nghệ thứ nhì, chính những đường lối cứng rắn của nhà cầm quyền đã làm chậm đà tiến của việc phát triển kinh tế Nga Sô». Bởi lẽ «những vấn đề quản trị và tổ chức trong lãnh vực kinh tế không thể nào lại được giải quyết bởi một hay hai cá nhân cầm quyền, những kẻ tự cho rằng mình biết tất cả. Trái lại, những vấn đề đó đòi hỏi sự hợp tác của hàng triệu

người thuộc mọi tầng lớp trong cơ chế kinh tế. Chúng đòi hỏi một sự trao đổi tin tức và tham khảo ý kiến sâu rộng.»

Chính vì thế, Sakhorov đặt hy vọng rằng nhà cầm quyền sẽ chấp nhận nói rộng quyền tự do thông tin và ngôn luận, ngõ hầu mở đường cho nước Nga bắt kịp đà tiến của thế giới Tây phương. Nhưng thực tế cho ông thấy một dấu hiệu trái ngược. Giới lãnh đạo Nga có bắt tay với Hoa Kỳ thật, nhưng sự bắt tay đó ngầm chứa một thủ đoạn nguy hiểm. Họ muốn thực hiện một cuộc trả giá nào đó, đề họ «mua» cái kỹ thuật tân tiến của Hoa Kỳ, và bù lại, sẽ chấp thuận cho Hoa Kỳ: thứ nhất, đầu tư vào việc khai thác nguồn năng lực và tài nguyên khoáng chất tại Nga; thứ hai, mở những đường lối «hòa bình trong danh dự» tại chiến cuộc vùng Đông Nam Á. Cuộc trả giá trên đây có thành công hay không thì người ta chưa biết, vì nó còn tùy thuộc ở sự cân nhắc lợi hại thực sự về phía Hoa Kỳ, trước khi tiến tới một cuộc trao đổi chính thức. Nhưng lâm thời, ít nhất nó cũng cho nhà cầm quyền Nga Xô một dấu hiệu để họ tự cho rằng có thể gỡ mình ra khỏi cái áp lực tinh thần của giới chuyên viên trí thức của nước họ. Và chỉ cần một dấu hiệu như thế, cũng đủ để họ yên tâm đối phó với giới trí thức ấy — đối phó, hiểu theo nghĩa ít hòa nhã nhất. Chẳng hạn, đúng 4 tháng trước cuộc hội nghị thượng đỉnh Nixon-Brezhnev, sở mật vụ KGB đã mở

hắn một chiến dịch, mang tên «Chiến dịch số 24», nhằm vào những phong trào chống đối. Trước hết là tờ báo «Thời Sự», phổ biến bằng máy chữ trong vòng lén lút từ 1968. Chỉ nội vài tháng, tờ báo được chiến dịch làm biến mất. Một tờ báo khác, tờ «Ukrain thời đàm», cũng mang số phận tương tự.

Lẽ dĩ nhiên KGB không ngừng ở đó. Hai lãnh tụ phong trào chống đối, sử gia Roy Medvedev và nhà vật lý Valery Tchalidzé, cùng một số người khác bỗng nhiên được cấp giấy phép xuất ngoại. Và họ vừa bước chân ra khỏi lãnh thổ là lập tức chính quyền Nga Xô ra lệnh tước bỏ quốc tịch của họ. Ngay sau đó, KGB quay mũi dùi sang một khuôn mặt nổi bật khác, Pyotr Yakir, con trai một tướng lãnh Nga và cựu nạn nhân của chế độ Staline. KGB được lệnh dùng mọi cách để bắt Yakir, một người bệnh hoạn, rượu chè, phải thú nhận những hành động chống đối. Yakir bị đối xử ra sao không ai biết, chỉ biết sau khi qua tay KGB, ông ta thú nhận vanh vách mọi điều, và lớn tiếng buộc tội những kẻ chống đối khác là «làm gián điệp cho Tây phương để phản kháng chính quyền Xô Viết».

KGB chỉ còn việc xử dụng trường hợp Yakir như một khí cụ đe dọa những khuôn mặt còn lại, trong số đó đáng kể nhất là Sakharov và Solzhenitsyn, mà họ thường xuyên mệnh danh là những «công dân không trung thành», bắt tay với gián điệp Tây phương.

Màng lưới kiểm soát của KGB mỗi ngày một siết chặt quanh hai «công dân không trung thành» đó. Nhưng lần này quả thật KGB đã phải đương đầu với những địch thủ xứng đáng.

Solzhenitsyn : ngòi bút bất khuất



«Nếu một ngày nào đó quý vị nghe người ta tuyên bố rằng tôi bị giết hay tôi chết một cách bất ngờ và bí mật, thì quý vị cứ việc kết luận rằng đây là một vụ ám sát đã được sỏ mọt vụ KGB cho phép, hoặc đã được thực hiện bởi chính bàn tay của những người thuộc cơ quan đó... Nhưng cái chết của tôi chắc chắn sẽ không làm vừa lòng những kẻ nào muốn sử dụng nó với hy vọng cắt đứt các hoạt động của tôi trong lãnh vực văn chương. Bởi vì sau khi tôi chết đi... cũng chính là lúc đề những tác phẩm quan trọng nhất, những tác phẩm mà mấy năm nay tôi chưa muốn cho xuất bản, được tung ra trước công luận...»

Trên đây, chúng ta vừa trích dẫn lại một phần những lời tuyên bố này của Aleksandr Solzhenitsyn,

nhân cuộc phỏng vấn dành cho hai ký giả Frank Crepeau của hãng thông tấn AP, và Alain Jacob của báo *Le Monde*. Cuộc tiếp xúc giữa Solzhenitsyn và hai ký giả nói trên đã diễn ra mấy tháng trước đây trong căn nhà của ông ở vùng phụ cận thủ đô Mạc Tư Khoa, căn nhà mà ông tuyên bố nhất định không rời bỏ mặc dù đã có lệnh của nhà cầm quyền cấm ông cư trú tại Mạc Tư Khoa. Cũng như Sakharov, bấy lâu nay Solzhenitsyn sống trong màng lưới kiểm soát chặt chẽ của KGB : «... từ nhiều năm qua, không một cú điện thoại, không một cuộc đàm thoại nào của tôi và vợ con tôi, dù rằng chỉ liên quan đến đời sống hàng ngày, thoát khỏi đôi tai nghe lén của họ qua hệ thống thâu âm. Riết rồi chúng tôi cũng quen đi : ngày và đêm chúng tôi cứ việc ăn nói, với sự hiện diện của KGB ở đâu đó. Khi nào đang theo dõi chúng tôi mà cuộn băng thâu âm bỗng chạy vừa hết vòng, tức thì họ cúp ngay cuộc điện đàm để nối một cuộn băng khác, trong khi đó chúng tôi quay lại số máy đã gọi».

Solzhenitsyn đề cập đến Sakharov như một người bạn thân của ông, và mặc dầu không đồng ý với Sakharov trên một số quan điểm, ông luôn luôn mô tả Sakharov như « người đã và đang đứng lên chiến đấu một cách can cường, bất khuất và kiên trì, cho quyền sống của những kẻ bị áp bức và khủng bố ». Sakharov cũng như các bạn đồng chí hướng trong cuộc vận động hiện tại, theo Solzhenitsyn, là những thành phần chủ yếu trong việc tạo lập một nền hòa bình công chính trên bình diện quốc tế

bởi vì « sống chung hòa bình cần phải được quan niệm không phải chỉ là cuộc sống không bóng dáng chiến tranh ; như thế chưa đủ ; mà còn là cuộc sống không bóng dáng bạo lực, không có những mệnh lệnh bắt chúng ta phải sống ra sao, phải nói cái gì, nghĩ cái gì, phải biết cái gì và không được biết cái gì »... (1)

Tuy nhiên, Solzhenitsyn cũng không quên nói thêm, nhân đề cập đến trường hợp Sakharov, rằng chính vì Sakharov quá nổi tiếng, nên nhà cầm quyền bắt buộc phải đối phó với cuộc chống đối của Sakharov bằng những biện pháp công khai, những thủ đoạn hăm dọa và bôi lọ v.v.; thế nhưng còn biết bao nhiêu kẻ khác, không nổi tiếng như Sakharov, họ và những cuộc chống đối của họ đã bị đè nát trong câm lặng, trong những xó xỉnh tăm tối, bí mật nào đó. Có bao nhiêu kẻ như vậy, chẳng ai nói đến họ, trong khi họ đang chết dần mòn trong những bệnh viện thần kinh ở những vùng xa xôi hẻo lánh : Nào là Youri Chikanovitch, toán học gia; Niki Perlov, thi sỹ; hay những cái tên khác như Serge Pirogov, David Choumouk, Vladimir Boukovski, Leonid Plouchitch v.v...

Solzhenitsyn cho biết, thế giới Tây phương, qua các cuộc vận động can thiệp, đã giúp đỡ và cứu sống một số người thuộc trường hợp nêu trên. Nhưng đó chỉ là những thành công tạm thời và giới hạn. Đề đối phó với cả một chính sách độc tài đảng trị đầy thủ đoạn xảo quyệt và không còn nhân tính, khối tự do

cũng phải hoạch định một chính sách rõ rệt và thích ứng.

Cuộc trả giá tương xứng

Vậy thì nói một cách vắn tắt, cuộc vận động của Sakharov, Solzhenitsyn và những thành phần trí thức chống đối tại Sô Viết hiện tại đã chuyển hẳn sang một chiều hướng thực tiễn : cuộc vận động ấy nhằm mục đích gọi đến thế giới Tây phương lời cảnh giác quan trọng về một cuộc trả giá tương xứng.

Cho đến bây giờ, ai cũng nhận thấy rằng về phía Hoa Kỳ cũng như về phía Nga Sô, đều đang có những tính toán kỹ lưỡng. Nga Sô, đề kịp thời cứu vãn và phục hồi một nền kinh tế thoái bộ, hiện rất cần sự hỗ trợ về trang bị và kỹ thuật từ thế giới Tây phương. Điều rõ rệt là đề đòi lấy sự hỗ trợ ấy, tuy họ sẽ không thể chấp nhận những thay đổi từ nền tảng xã hội, nhưng ít ra họ cũng phải nhượng bộ một cách nào đó và đến một mức độ nào đó. Hơn hai tháng trước đây, người dân Mạc Tư Khoa bỗng nhiên nhận thấy các tần số của đài VOA phát thanh Nga-ngữ, từ bao lâu nay vẫn bị « phá » một cách lộ liễu và cố ý, đã trở lại bình thường. Đồng thời, vào đầu tháng 10, những người cầm quyền Sô viết tuyên bố rằng họ vừa phê chuẩn hai bản hiến ước của Liên hiệp quốc về nhân quyền. Nhưng, những dấu hiệu trên đây liệu đã đủ được coi như những dấu hiệu chứng tỏ thiện

(1) Trích trong bài viết đề nghị phát giải Nobel về hòa bình cho Andrei Sakharov

chỉ của điện Cẩm Linh hay chưa, khi mà luôn luôn đi kèm theo đó là những lời rào trước đón sau, hay những biện pháp nội bộ chỉ thay đổi về hình thức còn nội dung thì vẫn y nguyên ? Người ta khó quên lời cảnh cáo của Sakharov : « Thế giới Tây phương cần hiểu rằng, chừng nào quốc gia chúng tôi chưa đi theo chiều hướng dân chủ hóa, khi đó tất cả những lời cam kết đều chỉ có giá trị nhất thời. Những người cầm quyền tại đây chỉ tôn trọng những lời cam kết ấy nếu một nhu cầu kinh tế và chính trị cấp bách thúc đẩy họ, và chỉ trong cái giới hạn ngăn ngại của nhu cầu ấy mà thôi. » (1)

Có lẽ cũng chính từ quan điểm trên đây, Sakharov đã không ngần ngại cho rằng cuộc hội nghị Nixon-Brezhnev cùng những thỏa ước bán chính thức bắt nguồn từ cuộc hội nghị đó, chỉ làm mất đi phần ưu thế trong tay những người hiện đang tranh đấu vận động cho việc dân chủ hóa nước Nga. Sakharov muốn nói rằng bất cứ một lời cam kết dễ dãi nào của Hoa kỳ cũng có thể tạo cơ hội cho những kẻ lãnh đạo tại Nga khai thác thủ đoạn của họ, lợi dụng sự hỗ trợ từ Tây phương để quay lại giáng lưỡi búa trên đầu những phần tử chống đối trong nước. Do đó, Sakharov cho biết những phần tử chống đối này chỉ còn biết trông mong vào một may mắn cuối cùng nhằm giải phóng họ khỏi gọng kìm của chính quyền Cộng sản : may mắn đó là tu chính án của Thượng Nghị Sĩ Henry M. Jackson, một khuôn

mặt quan trọng vào bậc nhất trong Quốc hội Hoa Kỳ. Tu chính án của Jackson nhằm đặt một điều kiện với Nga Xô : Nếu Nga Xô không thừa nhận quyền tự do di trú cho toàn thể công dân Liên bang Xô Viết, thì Hoa Kỳ sẽ phủ quyết đối với việc chấp thuận quy chế tối-huệ-quốc (2) cho Nga Xô, cũng như việc nhập cảng hàng hóa do Nga Xô sản xuất. Điều kiện nêu trên có thể mở một lối thoát cho tất cả những thành phần trí thức đối lập hiện đang sống trong sự thanh trừng hay đe dọa gắt gao của mật vụ KGB ; đồng thời, nhìn theo một chiều hướng khác, điều kiện đó cũng đẩy nhà cầm quyền Nga Xô đến một thái độ lựa chọn hợp lý, bởi lẽ sự tự do di trú nếu được thừa nhận, sẽ có thể tạo nguy cơ cho một nước Nga khô cạn tài nguyên nhân lực, và do đó, để đối phó, nhà cầm quyền Nga Xô chỉ còn một cách duy nhất là cải thiện những điều kiện sinh hoạt trong nước hầu giữ chân những kẻ muốn ra đi.

Tu chính án của Jackson chính là một trong những dấu hiệu biểu lộ sự suy tính lợi hại của giới trí thức và lãnh đạo tại Hoa Kỳ, đáp ứng lời cảnh giác của giới trí thức đang bị đàn áp tại Nga Xô, đồng thời phản ánh một khía cạnh thực tiễn trong cuộc trả giá đang đi những bước quyết định.

(1) Trả lời cuộc phỏng vấn của Ký giả Edouard Dillon, hãng thông tấn AFP.

(2) Statut de la nation la plus favorisée—Most-favoured-nation status

Ngoài ra, người ta cũng chú ý tới quan điểm của một số chuyên viên và tài phiệt Hoa Kỳ; những người này mở xẻ cuộc hợp tác nếu có về phương diện kinh tế cũng như kỹ thuật giữa Hoa Kỳ và Nga Sô, đề đi đến những kết luận và giả thiết liên hệ, tựu trung nêu ra một vấn đề thiết yếu: Sự hợp tác ấy sẽ đem đến cho Hoa Kỳ những lợi điểm gì, và tới một mức độ nào, so sánh với những lợi điểm rõ rệt về phía một nước Nga Sô đang ở trên bờ vực thẳm của nền kinh tế thoái bộ? Trong mấy tuần lễ vừa qua, khi mà chiến cuộc Trung Đông đã lắng dịu (và do đó đã làm giảm hẳn áp lực chính trị quốc tế đối với Hoa Kỳ) — người ta bắt đầu nhận thấy rằng vấn đề hợp tác và hòa giải giữa hai khối thế lực cần phải được xét lại trên một căn bản thực tế và cân trọng hơn. Sự tách rời (hay chiết giảm) ảnh hưởng chính trị của một biến cố đối với lãnh vực kinh tế, chắc chắn chỉ là một khúc quanh tạm thời để sửa soạn cho sự xuất hiện luồng ảnh hưởng mới của một biến cố mới; và vì thế thái độ thích ứng của những nhà lãnh đạo trong cục diện thế giới hiện đại hẳn phải là tìm cách giải quyết cấp thời những vấn đề hiện hữu trước khi chúng bị chi phối và biến thái bởi luồng ảnh hưởng sắp tới đó. Một trong những bình luận gia uy tín của Hoa Kỳ, I. F. Stone, không ngần ngại cho rằng sự đáp ứng thực tiễn hơn cả về phía giới trí thức Hoa Kỳ đối với lời kêu gọi của những Sakharov và Solzhenitsyn

chẳng phải là trông cậy ở một tu chính án Jackson, mà là tự phát động cấp thời một cuộc vận động nội bộ, một phong trào «tẩy chay», từ chối mọi liên hệ trong lãnh vực chuyên môn, và «đình công» đối với mọi sự hợp tác về khoa học. Bối lẽ, người ta có thể có nhiều phương cách ngăn trở một tu chính án Jackson nhưng người ta không thể làm cách nào ngăn trở sự quyết tâm bất hợp tác của những khoa học gia Hoa Kỳ với giới chuyên viên Nga Sô, nhằm mục đích gây áp lực mạnh mẽ trên tập thể lãnh đạo quốc gia đó. Hàn Lâm Viện Khoa Học Quốc Gia tại Hoa Kỳ đã chính thức cảnh cáo Hàn Lâm Viện Nga Sô rằng nếu xảy ra bất cứ sự bắt bớ hay đàn áp nào đối với Sakharov, tức khắc sẽ có ngay một sự cắt đứt hợp tác về khoa học. Đồng thời, hai vị bác sỹ tên tuổi: Alfred M. Freedman, chủ tịch hội nghiên cứu tâm lý học tại Hoa Kỳ, và Paul Chodoff, đã lên tiếng phản đối Mạc Tư Khoa về việc tiếp tục áp dụng những sự tra tấn thần kinh đối với các phần tử chống đối; và nhân đó đã kêu gọi tất cả những y sỹ chuyên khoa tâm lý bệnh học Hoa Kỳ cắt đứt liên lạc với các đồng nghiệp Nga Sô, nếu chính quyền Nga không chịu tỏ một thái độ thích đáng.

Tất cả những phản ứng trên đây chắc hẳn ít ra cũng chứng minh được cho nhà cầm quyền Mạc Tư Khoa thấy rằng, dầu họ có xoay xở bằng mọi thủ đoạn gì đi chăng nữa, họ cũng không thể bùng bít những

sự thật đang diễn ra trong nước ; và họ càng không thể phủ nhận tầm quan trọng của những sự thật ấy đối với cuộc sinh hoạt chính trị quốc tế, trong đó họ không ngớt tìm cách khai thác những mảnh khoe xảo quyết và phi nhân bản, một cách lộ liễu và vô hiệu. Bởi vậy, trước sau họ cũng sẽ phải thay đổi thái độ, và người ta đang chờ đợi theo dõi những dấu hiệu thay đổi này.

Trong khi đó, giữa lòng thủ đô Mạc Tư Khoa, Sakharov cùng các bạn vẫn đang tiếp tục cuộc chiến đấu cam go của họ. Sakharov cho biết ông rất muốn tạm thời rời khỏi bãi chiến trường ấy để thực hiện

một cuộc du lịch, chẳng hạn sang Hoa Kỳ để phụ trách giảng huấn trong một niên khóa theo lời mời của viện đại học Princeton. Nhưng đồng thời ông cũng tỏ ý băn khoăn về những người bạn của ông còn ở lại. Trả lời câu hỏi của ký giả Jay Axelbank (tạp chí Newsweek) về dự định ra đi này, ông đưa ra một lời giải thích : "Thật ra tôi không nghĩ đến chuyện rời bỏ quê hương tôi, một khi tôi đã bắt tay khỏi đầu biết bao nhiêu công việc, và những công việc đó cho đến nay vẫn còn thực hiện đang dở."

ĐÀO TRƯỜNG PHÚC

11-1973

thuốc ho viên

Pectal
FORT



trị các chứng **HO**



ho gà, ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm - suyễn
sưng cuống phổi

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

thuốc ho viên

PECTAL
FORT

trị các chứng HO

ho gà ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm suyễn
sưng cuống phổi

Bán tại các nhà thuốc tây.

Tư-tưởng Lão Trang trong Y thuật Đông-phương

« bất Đạo, tảo dĩ » (1)
LÃO TỬ (Đạo Đức Kinh, chương 30)

PHẦN I.— TAM GIÁO VÀ ĐÔNG Y

Sự phát-triển của văn-hóa, những bước tiến của các nền văn-minh ở những thời đại xưa cũ thường không vượt quá giới-hạn của một số quốc gia, một số vùng nhất định, tạo thành những cái nôi văn-hóa, những trung tâm văn-minh. Vì thế những nhân-vật ưu-tú, những người « không lỗ » trong văn-hóa phần nhiều cũng từ những nước, những nôi ấy phát sinh và vươn mình. Dĩ nhiên chúng ta không nói đến những trường-hợp cá-biệt mà chỉ nêu một nhận xét chung, hầu như đã trở thành một quy-luật phổ-biến. Lão-Tử là một người không-lỗ của triết-học Đông-Á, và tầm ảnh hưởng của tác giả Đạo Đức Kinh còn vươn dài qua rất nhiều địa-hạt, chẳng hạn Y-học.

Thực ra thì ở thời nào và ở đâu y-khoa cũng không thoát nổi ảnh hưởng của triết-học, của tôn-giáo. Vấn-đề sôi bỏng ngày hôm nay của chính chúng ta, vấn-đề hạn-chế sinh-sản là một chứng-dẫn cụ-thể : giáo lý đảng Cứu-Thế đang đè nặng trên chủ-trương kế-hoạch-hóa gia-đình ở Việt-Nam.

Nhưng Lão-Tử không hề độc chiếm thị-trường triết-học và tín-ngưỡng Đông-phương, mà cùng chia sẻ thể đứng tôn-quý với hai vĩ-nhân khác : Khổng-Tử và Phật-Tổ. Cả ba nền tôn-giáo đó, Khổng-giáo, Đạo giáo và Phật-giáo, đều cùng để lại những dấu ấn trong di-sản y-học Đông-Nam-Á. Tuy vậy, dấu triện

sâu nhất vẫn là dấu triện do bàn tay Lão tử áp.

Lề-lối đào-tạo trí-thức phong-kiến ngày xưa ở phương Đông có một vài nét đặc-biệt. Trong nhà trường phong-kiến, không hề có dạy khoa-học tự nhiên, khoa-học ứng-dụng và khoa-học thực-nghiệm (dĩ-nhiên là hiểu theo ý-nghĩa hiện-đại của danh-từ). Những kiến-thức toán-học tối-thiểu cần-thiết cho bộ máy Nhà nước trong việc quản-lý kinh-tế, tài-chính, quân-sự thực ra cũng có được dạy, nhưng chủ-đích chỉ là nhằm đào-tạo những kẻ lại viên thừa-hành chứ không phải để bồi-dưỡng nhân-tài. Nhân-tài được rèn luyện trong chiều

(1) trái Đạo (thì) mất sớm

hướng lao-khồ dùi mài kinh điển của nho-gia. Nhưng mục-đích chủ-yếu của việc sôi kinh nấu sử đối với nho sinh lại là đề viết văn cho giỏi, làm thơ cho hay. «Văn hay chữ tốt» là hoài-bảo của người đi học, là ưu-tư của người đi thi. Trong những đợt chọn lựa nhân-tài, từ thi hương, thi hội đến thi đình. Nhà nước lấy việc thuộc sách giỏi văn làm tiêu-chuẩn và cử-tử cũng tranh sức đua tài ở chỗ lời hay ý đẹp.

Tuy nhiên, người y-sĩ Đông-phương của những thời vàng son cũ, dẫu sống trong khung-cảnh thái-bình thịnh-trị âu ca của nền *Pax sinica* hay trong những tháng năm tao-loạn hỗn-mang của các trận nội-chiến, kháng-chiến dai-dẳng, tuy cũng là nho-sinh, tuy cũng là sĩ-phu, nhưng lại chịu ảnh-hưởng họ Lý nhiều hơn họ Thích và nhất là họ Khổng.

Hơn thế nữa, lúc ban đầu, ảnh-hưởng Đạo-giáo gần như là độc-tôn đối với người thầy thuốc: ta không nên quên rằng bộ y-thư gối đầu của giới Đông y-sĩ, bộ *Nội-Kinh Tổ-Văn*, có tác-giả là *Hoàng-Đế*, mà *Hoàng-Đế* là thánh-tổ Đạo-giáo, thường có khi còn gọi là đạo *Hoàng-Lão*. Ngay từ thời viễn-cổ ấy, nếu chúng ta tin theo niên-lịch Trung-Hoa và ngay từ trang đầu tiên của cuốn *Nội-Kinh Tổ-Văn*, *Hoàng-Đế* đã vạch cho người y-sĩ, trong phạm-vi bộ môn nhiếp-sinh, rằng «bậc thánh-nhân» phải biết sống sao cho «trong lòng điềm đạm hư vô». Và lại, từ Hán-văn đề chỉ khoa dùng thuốc chữa bệnh, tức là chữ y, thuở nguyên-thủy, đã hàm

ý pháp-sur trong lối viết.

Đến những đời sau, với sự xuất-hiện của Khổng-giáo, với sự du-nhập của Thích-giáo, ảnh-hưởng tam giáo mới bắt đầu chi-phối y-học.

Chính vì chịu ảnh-hưởng của Khổng-giáo cho nên Đông-Y đã rất thiếu-sót và gần như không biết đến khoa cơ-thể-học, giải-phẫu-học và thủ-thuật mổ xẻ: vì thân-thể ta là của cha mẹ, không được hủy-phá, bất cứ vì lý-do gì và dưới hình-thức nào, nên Đông-Y không dám sử-dụng dao kéo đối với thân người, kể cả lúc thân-xác đã trở thành thi-hải. Cho nên *Vương-Mãng*, *Hoa-Đà*, *Vương Thanh-Nhiệm* được xem là những nhà cách-mạng trong Trung-Y chỉ vì đã dám hoặc chủ-xương, hoặc thực-hành phẫu-thuật.

Cũng chính vì tuân theo chữ hiếu, chữ từ của đức Vạn-thế sư mà nhiều nho-sĩ đã tự-nguyện đầu quân dưới trướng *Hiên-Kỳ*. Đề chữa bệnh cho các đảng sinh-thành, *Vương-Đào*, một trong những khuôn mặt lớn của y-học đời Đường, đã miệt-mài học thuốc, và còn lưu-danh qua tác-phẩm *Ngoại đài bí yếu*, ra đời vào khoảng + 752. *Chu-Chấn-Hanh* vì mẹ già mà theo nghiệp lương-y: trong lúc phụng dưỡng đảng từ-mẫu bị tý-bệnh, *Chu Đan-Kê* đã học thuốc lần hồi, rồi sau gặp *Văn-Ý tiên-sinh* khuyến-kích tác-giả *Thương-hàn biện-nghi* đã trở thành một cây quý của rừng Hạnh, hơn nữa, còn là một trong y-giới tứ đại-gia. *Hải-Thượng Lân-Ông*, khóc cho cái chết oan khiên của cậu con trai mắc bệnh đậu mùa, vì mấy chữ «phụ từ tử hiếu», đã «khuy vọng

Hiên-Kỳ trấp tải dư», (1) đã trước-tác những tập *Ma chần chuẩn thăng*, *Mộng trung giác đầu* trong bộ *Y-tông tâm-linh* và trở thành Y-tồ Việt-Nam. Những ví-dụ loại này kể ra không xiết.

Trong kỹ-thuật điều-trị và nhất là chẩn-đoán, cũng thấy dư-âm lời dạy của kinh-diễn Nho-gia. Chẳng hạn, do nơi sự kiện tiếp-xúc nam nữ bị ngăn-cấm, nên nhiều phương-pháp khám bệnh độc-đáo đã được sáng tạo. Trong các gia-đình quyền-quý, nhất là trong cung vua phủ chúa — phú quý sinh lễ nghĩa! — nếu các đấng mệnh-phụ ốm đau thì người thầy thuốc chỉ được biết bệnh qua một hình-nhân bằng ngà voi hoặc bằng ngọc-thạch, và vị phu-nhân làm dấu ghi rõ vùng bị đau lên thân mình hình nhân ấy. Nếu cần ấn mạch, thì sự ngăn-cách vẫn phải giữ: y-sĩ chỉ thấy được bàn tay và cổ tay người bệnh mà thôi, trong khi một tấm màn che khuất phần còn lại của thân thể nữ bệnh nhân. Có người cho rằng kỹ-thuật đặc biệt này đã góp phần tinh luyện thêm khả năng chẩn mạch của các ngự-y!

Chủ-nghĩa từ bi bác ái, lý-thuyết luân-hồi nhân-quả của nhà Phật cũng là nguyên-động-lực của một số công-nghiệp Y-khoa. Phần lớn các vị cao-tăng đều phải « minh y phương » nên nắm rất vững nghệ-thuật dùng thuốc châm kim. Cho nên các đấng thiền-sư, chư vị ni-cô đã rất tích-cực trong công-đức chữa bệnh cứu người, và hơn thế nữa, một số cơ-

sở điều-trị và nhà nuôi trẻ đã được đệ-tử đấng Thế-tôn điều-hành, phụ trách.

« Dù xây chín đợt phù đồ,
Không bằng làm phúc cứu cho
một người ».

Cứu người có thể là chia xẻ một bát cơm Phiếu-mẫu, có thể là san sẻ một mảnh áo nâu sồng, nhưng nhất là bằng nghệ-thuật thang-phương được-liệu. Vì vậy các danh-tính tiền-phong lẫy lừng trong quá-trình y-sử Việt Nam là những bậc chân tu: sư *Nguyễn-Minh Không* cứu chữa vua Thần-Tông nhà Lý khỏi bệnh điên là một y-sĩ khoác cà-sa, *Tuệ Tĩnh* thiền sư trước-tác *Nam dược thần hiệu* v.v...

Này nở trong bóng râm của rừng cây giáo-lý đức Thế-tôn, y-học ô-truyền còn kết một thứ quả đặc biệt khác: vì luận-thuyết bình-đẳng giữa muôn loài và nhất là vì chủ trương cấm sát sinh của nhà Phật, y-lý phương Đông đã không hề nghĩ đến sử-dụng loài vật vào mục đích thực-nghiệm, và do đó, đã chịu một sự thiệt thòi ghê gớm, không làm sao bù-đắp nổi; trong khi Tây-Y, qua *Francis Bacon* rồi *Claude Bernard*, với những tư-liệu cỡ *Instauratio magna*, đã bước những bước vĩ-đại trên đồng vạn cốt khô của các súc vật dùng trong phòng thí nghiệm.

Về phương-diện dược-học cũng

(1) (Hơn hai mươi năm làm nghề thuốc) Hải Thượng Lãn Ông. Cảm Hứng. Y lý thâm nhân (Y-tông tâm linh),

với sự trao-đổi kinh sách nhà Phật các phái-đoàn thỉnh kinh từ Tây-trúc về cũng mang theo nhiều dược-phẩm *Phan-tả-diệp*, *Hồ-hoàng-liên Mạn-sà-la*, *Nhũ-hương*, *Một-dược* v.v... Có những bộ sách chỉ đề-cập đến những vị thuốc, cây thuốc từ Tây-vực tới, mặc dầu tác giả không bắt buộc núp bóng cửa Thiền : cuốn *Hồ bản-thảo* chẳng hạn.

Đời vua Đường Túc-tông (+ 756 đến + 762), cuốn *Hải dược bản-thảo* gồm hai phần, phần một đề-cập đến các dược-thảo thổ-sản của những vùng biển phía Nam (*Nam hải bản thảo*), phần kia ghi chép rất nhiều *phiên-dược* (thuốc có nguồn gốc Ấn-độ). Tài-liệu này nay đã thất-truyền nhưng còn được đan-cử trong bộ *Chứng loại bản-thảo* của Đường-Thận-Vi đời Huy-tông nhà Bắc-Tống (+ 1108) (1). Các thang phương từ Tây-vực truyền vào Trung-Hoa hường được gọi là *Hồ-phương*. Còn có những dược-phẩm tuy không xuất-xứ từ đất Phật, mà từ những miền đất xa-xôi hơn, nhưng cũng mượn các con đường thỉnh-kinh đề cùg vào Trung-Quốc : ví *A-ngũy* là đại-biêu.

Ngoài ra, sự trao-đổi thư-tịch chuyên-môn cũng rất thịnh-vượng : bộ *Nhãn-khoa mộc long luận* đã được dịch từ Phạn-ngữ ra Trung-văn vào đời Đường. Ngược lại, các tăng-lữ người Ấn khi về nước cũng mang theo các tiêu-bản và hạt giống dược-liệu Trung-Hoa, cho nên trong dược-diễn Ấn-độ hiện-đại, có rất nhiều

cây thuốc nguyên xứ Trung-Quốc.

Tại vùng Lạc-dương thuộc tỉnh Hà nam, có một miền thạch-động rất nổi-danh, gọi là động *Long-môn*, cũng có tên là *Dược-p hương-động* vì trên các bia đá mà dân chúng quen gọi là *Long-môn dược-phương* bi có ghi những dược-phương giá-trị. Vị thần được thờ trong thạch-động là một đức Phật, được mô-tả như là đấng hộ-mệnh cho quần-chúng trong vùng : đây là *Dược-sư Phật*.

Cũng vẫn dưới triều nhà Đường, nhiều cao-tăng am-tường y-thuật đã qua Nhật-bản truyền-giáo, chẳng hạn *Giám-chính Hòa-thượng*. Mỗi giao-lưu tín-nguỡng này đã góp phần quảng-bá y-thuật Trung-Hoa qua xứ Mặt Trời, nhất là vì các phái-đoàn tăng-lữ thường mang theo rất nhiều sách thuốc.

Hơn nữa, một số sách y-học cũng được chính quý vị cao-tăng trước-tác, mà nhiều bộ nổi tiếng. Chúng tôi chỉ đan-cử một số làm ví-dụ như bộ *Châm cứu kinh* của *Thích Khuông*, bộ *Hàn thực tán đối liệu* của *Thích Đạo-Hồng*, ba mươi cuốn *Dược phương* của *Thích-Thâm*, bộ *Khẩu-xi vương trì luận* của *Thích-Phồ-Tế*, tập *Lĩnh-nam vệ-sinh-phương* của *Thích-Kế-Hồng*, bộ *Thanh-Hoa y-thu-mục* của *Thích-Thanh-Hoa* v.v.

Riêng đối với Lão-giáo, thì ảnh-hưởng hết sức sâu rộng của đạo Lão

(1) Trần-Văn-Tích.— Các bản-thảo do Minh. *Phương-Đông* số 28 tháng 10-1973 số 29 tháng 11-1973 và số 30 tháng 12-1973.

vào y-thuật cổ-truyền có nhiều lý-do. Trước hết, vì đây là hệ thống tín-ngưỡng có thể xem là xưa nhất của Trung-Quốc, bởi Hoàng-Đế, thủy-tổ của đạo Hoàng-Lão, là một nhân-vật ít nhiều huyền-thoại, được mô-tả sống hơn 2 600 năm trước Công Nguyên. Thuở bấy giờ, nền văn-minh nguyên-thủy không phân-biệt y-sĩ và thuật-sĩ, trái lại, yêu-pháp pha-trộn gần như hoàn-toàn với trị-pháp. Cho nên những phương-sĩ thường được xem là có khả-năng trị bệnh rất thần-diệu. Nói cách khác, người thầy thuốc đã xuất-sinh từ tập-thể thầy pháp, vào khoảng đệ nhị thiên-niên-kỷ trước TCGS. Rồi lần hồi, cũng người phương-sĩ, thuật-sĩ, đạo-sĩ ấy «chuyên-môn-hóa» và trở nên những người luyện đan, những bà cốt, những ông đồng, những thầy cúng, những dược-sư, những nhà thiên-văn-học, những cán-bộ bốc-phệ, những thầy thuốc chữa bệnh súc-vật và nhiều hạng người khác nữa.

Vào thời Khổng-tử, tức là vào khoảng thế-kỷ thứ sáu trước Công-Nguyên, người thầy thuốc đã xuất-hiện trọn vẹn trong nghiệp-vụ của mình. *Tả truyện* trong kinh *Xuân-Thu*, nói về sứ nước Lỗ (- 722 đến - 481), có đề-cập đến người y-sĩ của những thời viễn cổ ấy. Hơn bốn mươi lăm y-án và bệnh-án đã được trình-bày trong tác-phẩm bất-hủ của đức Ny-phủ, mà nổi danh nhất là những trường-hợp Y-Hoãn khám bệnh cho Tấn-Cảnh-Công (-580) và Y-Hòa chẩn-đoạn bệnh-trạng và thuyết-giảng về y-lý bên long-sàng

của Tấn-Bình-Công.

Thành ra phương-sĩ và y-sĩ thoát đầu chỉ là một, và ý-kiến đề-nghị dịch từ *phương-sĩ* ra Anh-ngữ là «*gentlemen possessing magical recipes*» không phải là không đúng hân. (1)

Trong loạt bài này đề thử cố gắng mô-tả tầm mức chi-phối của tư-tưởng Lão Trang vào Đông-Y, chúng tôi sẽ bắt đầu bằng cách nhắc lại rất sơ lược về triết-học Lão-tử, Trang-tử rồi kế-tiếp sẽ lần lượt đề-cập đến các khía-cạnh khác nhau thuộc phạm vi ảnh-hưởng của đạo học huyền-đồng trong y-khoa như Lão-giáo và căn-bản hệ-thống lý-luận y-học, Lão-giáo và phương-pháp tu-đưỡng nhiếp-sinh, Lão-giáo và các qui-tắc trị-liệu dụng dược, Lão-giáo và phương-cách xử-thể của bậc lương-y, Lão-giáo ứng-dụng vào phép khí-công, vào thuật luyện đan v.v.

oOo

Học-thuyết Lão-tử đặt nền móng trên quan niệm phức-tạp, huyền diệu siêu-hình về Đạo. Đạo là cái tổng nguyên-lý do đó trời đất vạn vật sinh sống. Từ nguyên-lý ấy phát sinh những trạng-thái mâu-thuẫn như: có không, cao thấp, dài ngắn, phải quấy v.v... Đạo có tính-cách phổ-biến, vĩnh-cửu (*thường*), tự nó thì bất biến, nhưng lại là động-lực biến-hóa của vạn-vật mà không cần hoạt-động (*vô vi*). Đức của Đạo sinh ra vạn vật trời đất.

(1) J. Needham - Clerks and craftsmen in China and the West. Cambridge University Press. London 1970. (p. 283)

Phương-cách xử-thế được Lão-tử rút ra từ Đạo để áp-dụng vào chính-trị, nhân-sinh. Kẻ nắm trong tay trọng-trách trị nước phải biết áp-dụng thuật *vô vi nhi trị*, phải biết theo cùng đạo trời, *tồn hữu dư, bổ bất túc*, đề bớt chỗ dư, thêm chỗ thiếu. Vô vi dĩ nhiên không phải là không làm gì cả, trái lại, Đạo thường *vô vi nhi vô bất vi*, tuy không làm, nhưng không có gì là không làm. Có vô vi chẳng chỉ là đừng làm những gì phản lại với tự-nhiên.

Vương-Bật (+226 đến +249) trong những bài chú thích Chu-Dịch và bình-luận Đạo-Đức-Kinh, khẳng-định rằng không thể có định-nghĩa tích-cực về Đạo, mà chỉ có thể nói rằng Đạo chẳng phải là cái gì hết, rằng có thể diễn đạt Đạo bằng khái-niệm « hư vô ». Vương-Bật chủ-xướng khái-niệm « hư vô » là khái-niệm cơ bản, còn khái-niệm « tồn-tại » là thứ-yếu, từ hư vô mà ra.

Trang-Chu và các môn-sinh Hưóng-Tú (thế-kỷ III) Quách-Tượng (thế-kỷ III — đầu thế-kỷ IV) cho rằng Đạo là giới tự-nhiên, tất cả các sự vật đều từ Đạo mà ra, nghĩa là đều xuất-hiện từ bản-thân nó. Trong bộ Nam-Hoa-Kinh, nhất là ở hai thiên Tề-Vật-Luận, Tiêu Diêu Du, Trang-Tử đề cao Trực-giác, cho đấy là một thứ đại tri (biết một cách rộng-rãi), còn Lý-trí chỉ là tiểu tri (biết một cách vụn-vặt).

Học-thuyết Lão Trang, vốn tự căn-bản là một thể-loại « huyền-học »,

tức là cái học làm cho Người (Nhân) hôn-hợp với Trời (Thiên). Tình-trạng hôn-hợp ấy mệnh danh là « huyền đồng ».

Môn-sinh của phái Đạo-gia — bao, gồm các đạo-sĩ, phương-sĩ, thuật-sĩ ăn-sĩ — hiểu lời lẽ Đạo-Đức-Kinh và Nam-Hoa-Kinh theo một nhân-quan siêu-thoát, gần như huyền-diệu, nhất là xuyên qua những từ mà Lão Trang rất ưa dùng như *chí-nhân*, *chân-nhân*, *thần-nhân*; hoặc những lối mô-tả hành-vi như *hấp phong ẩm lộ*, *ngự phong nhi hành* v.v.

Cho nên Lão-tử được tôn vinh là Thái-Thượng Lão-Quân, Trang-tử được xưng-tụng là Nam-Hoa Lão-Tiên.

Kết-quả, trong đám tín-đồ Đạo-giáo, đã có những kẻ chủ-trương sống ăn-dật, khoáng-đạt như Hà-Án, Vương-Bật, Trúc-lâm thất hiền; đã có những người suốt đời chỉ mơ-tưởng chuyện luyện đan và đi tìm thuốc trường-sinh như Lư-sinh, Hầu-sinh, Cát-Hồng; đã có những thầy thuốc dùng bùa trị bệnh như Trương-Đạo-Lãng; đã có những nho-gia hoặc y-sĩ như Khuông-Hành, Cung-Thăng, Vu-Kiệt, Quách-Phác, Đào-Hoảng-Cảnh rất tin-tưởng sấm vi bốc phệ...

Những điểm này là những điểm chúng tôi sẽ bàn rộng trong các phần tới.

TRẦN VĂN TÍCH

Saigon 27-10-1973

Đông-y qua nét chữ

« Pour perfectionner son esprit, il faut moins apprendre que méditer ».

DESCARTES

Trong những buổi ban sơ của nền văn-minh Trung-Hoa, Hán-tự đã phân-chia các cơ-quan trong cơ-thể thành hai loại khác và đối nhau : tạng và phủ.

Chữ tạng 臟 có đến năm yếu-tố cấu-thành dị-biệt.

Bên trái là bộ nhục 月 (thịt). Bộ này là biểu-tượng của cơ-quan.

Bên phải ngự-trị trên cùng là bộ thảo 艸, với hàm ý thiên về đời sống thực-vật.

Phía dưới, ta có, từ trái qua phải ;

bộ tường 月 ý chỉ một cây chống vững chãi ;

bộ thần 臣 tương-đương với kẻ thừa-hành ;

bộ qua 戈 tức là một loại binh-khí thời xưa.

Tổng-hợp lại ta có thể đi đến định nghĩa sau : tạng là một cơ-quan (bộ nhục) thuộc đời sống thực-vật (bộ thảo) giữ vai-trò căn-bản (bộ tường) của hiện-tượng sống, chỉ-huy và đảm-trách (bộ thần) đời sống thuộc cơ-quan, và giữ vai-trò tự-vệ (bộ qua) nơi hậu-cứ. Hơn nữa, bộ — và chữ — qua (vì qua vừa là bộ vừa là chữ) thường dùng chỉ giáo, mác, độc,

là những loại vũ khí dùng để ném (arme de jet) ; nghĩa là những loại vũ-khí ở hậu-tuyến (trong khi vũ-khí dùng nơi tiền-tuyến phải là gươm, kiếm, vốn là vũ-khí cận-chiến).

Xuyên qua lối định-nghĩa này, ta có thể đoán được một cách dễ-dàng rằng tạng là linh-thồ hoạt-động của vinh khi, bởi vinh vốn là năng-lượng của bên trong, của đời sống thực-vật.

Chữ phủ 腑 hàm một ý-nghĩa khác hẳn.

Bên cạnh bộ nhục 月 — bộ nhục hiện diện thường-xuyên trong các danh-từ chỉ cơ-quan như não (óc) hung (ngực), phúc (bụng), cốt (xương), bối (lưng), uyển (cổ tay), trửu (khủy tay), cơ (thịt) — ta có, về phía phải, một phức-hợp gồm ba ý-niệm :

bộ nghiệm 冫 hàm ý mái hiên ;

bộ nhân 亻 (nhân đứng) chỉ người ;

bộ thốn 寸 chỉ một đơn-vị chiều dài (thốn là tắc), nhưng với ần-ý nhỏ bé, bởi thốn là đối-lập của lý (dặm)

Bộ nhân đứng thì đã quá hùng-bien, khi dùng hai nét mô-tả hai hạ chi đề chỉ con người, vì lẽ trong thế giới động-vật, con người là sinh-vật duy-nhất đứng vững-vàng trên phần

sau. Con người ở trên hạ chi là con người hoạt-động, di chuyển, giao-tiếp với ngoại-giới. Vậy là chúng ta có một loại cơ-quan gọi là *phủ*, chuyên-trách về giao-tiếp với bên ngoài nhưng lại tương-đối ở bên trong (cùng là mái, nhưng mái hiên mở ra bên ngoài, không giống như mái nhà che-phủ bùng-bít) nhưng quan trọng hơn (chỗn, bé nhỏ) nếu so-sánh với *tạng*. Đây tức là các cơ-quan chuyên lo về hấp-thụ thức ăn, tiêu hóa thức ăn và bài-tiết cặn-bã.

Nói tóm lại, *tạng* là những cơ-quan cốt-yếu của đời sống — chúng ta hãy nhớ đến bộ *tường* trong chữ *tạng* — và nếu mất một *tạng* thì ta khó lòng tiếp-tục chuỗi ngày tàn trên cõi đất. *Tạng* là tâm, can, tỳ, phế, thận. *Phủ* chỉ những cơ-quan ít quan-trọng hơn: thủ-thuật-viên hiện đại có thể cắt bỏ vị, trường, bàng-quang và đảm cho bệnh-nhân, nhưng bệnh-nhân vẫn sống. Còn đối với tâm, thận, thì chỉ có cách thay, ghép mà thôi.

Phế 肺 gồm bộ *nhục* bên trái và bộ *thị* 市 bên phải. *Thị* là chợ, là nơi trao đổi hàng-hóa. Tiền-nhân Phương Đông hiểu thực rất rõ-ràng chức-năng trao-đổi dưỡng-khí của phổi,

Can 肝 trình-bầy bộ *nhục* bên cạnh chữ *can* 干, cái mộc. Cái khiên ấy, cái mộc ấy là một tuyến phòng-vệ rất hữu-hiệu để bảo-trì nội-môi chống các dị-chất vào máu, chống các độc-tổ xâm-chiếm huyết, giữ vững quân-bình bên trong. Chính can chỉ-huy hệ-thống ổn-định các phân-xuất của rất nhiều chất trong máu, chính can

là cơ-quan tiết-chế, là organe-tampon theo lời dạy của Tây-Y.

Thận 腎 chứa ba ý-niệm rõ-rệt. Phía dưới vẫn là bộ *nhục*, phía trên bên trái là bộ *thần* mà ta đã biết, phía trên bên phải là bộ *hựu*, có nghĩa lặp lại. Chỉ cần nói sơ qua rằng từ *thận* là một từ được cấu-tạo theo lối hình-thanh (thần → thận). Chúng ta thử đi sâu hơn dưới khía cạnh biểu-ý của từ liên-hệ. Trước hết bộ *thần* cho phép ta hiểu rằng đây là một cơ-quan đứng vào hàng cao cấp trong hệ-thống tổ-chức và điều-hành cơ-thể, một VIP. Bộ *hựu* khiến ta liên-tưởng đến chức năng sinh dục của thận, theo nhãn-quan Đông-Y: sinh-sản là gì nếu không là ta lặp lại chính ta? Cho nên, qua danh từ thận, cần phải hiểu các mô đặc biệt mà thuật-ngữ y-học hiện-đại gọi là *mesonephros*, tức là các *néphrons*, hai tuyến thượng-thận và hai tuyến phó tinh-hoàn.

Tỳ 脾 là một danh-từ tượng-thanh vì bên cạnh bộ *nhục* ta có chữ *tỳ*. Ngoài ra, phần phải của từ này còn hàm ý bề chứa, bình đựng. Một từ khác, rất gần gũi với *tỳ* là *tụy* mà nghĩa ần-tàng là cơ quan thu-nạp, gom góp. Chỉ cần duyệt-xét sơ lược những chức-năng mà y-học tân-tiến gán ghép cho *tỳ*: mô chôn huyết cầu, kho chứa tế-bào máu, thành-phần trung-ương của hệ thống nội-võng-mạc, là ta thấy ngay tất cả sự trùng phùng của những tư tưởng lớn trong y-khoa.

Tâm 心 tượng-hình quả tim và các mạch máu đến tim và từ tim đi

ta, , là một ví-dụ cụ thể

nhất về chữ Nho gọi-hình.

Trường 腸 là ruột. Đây là cơ-quan được xếp vào loại phủ, tức là thuộc dương. Ta thấy ngay bên cạnh bộ *nhục* là phần hàm ý mặt trời rọi lửa sáng. Phần này ta đã từng gặp rồi.

Đảm 胆 là một phủ khác, mà ta thường tạm gán với túi mật của khoa cơ-thể học tân-tiến. Phần bên phải của *đảm* chỉ khác phần tương dương của *trường* ở chỗ không có những tia mặt trời bên dưới. Đây có lẽ là biểu-tượng của một loại *dương* đặc biệt, vì *đảm* không chỉ biểu thị túi mật, chất, mật, mà còn hàm ý sự xông xáo, tính quả cảm, tính dạn dĩ (can đảm).

Bọng đái là bàng quang 膀胱. Trong từ *quang*, cạnh bộ *nhục* cổ tri, ta có chữ *quang* là sáng ở phía bên phải. Đây là cơ quan làm sáng máu, làm sạch máu, tức là *lọc* máu. Phần phải chữ *bàng* cũng vẫn là chữ *bàng* 旁 với ý-nghĩa một bên : *bàng quang* là một phủ lẻ, trong khi thận và các ống dẫn tiểu đều có từng đôi. Vì chữ *thận* đã là *mesonéphros*, chữ *bàng* có thể xem như là tương-dương với *metanephros*, và một mình chữ *quang* có thể là biểu-trưng của bọng đái.

Cuối cùng, vị 胃 là kho chứa các phẩm vật của mặt đất. Cho nên không có gì lạ khi trên bộ *nhục* là chữ *điền* 田 ruộng, biểu-hiệu của

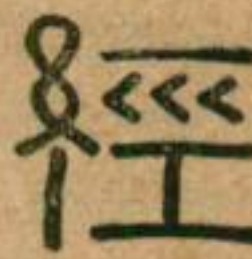
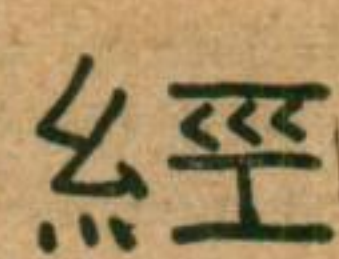
nghề nông, với khung vuông địa-bộ và các đường dẫn thủy bên trong.

oOo

Cho đến lúc này, chúng ta đã thám-sát thế-giới sinh lý của các tạng phủ, từng được *Nội-Kinh* (1) mô-tả rất rõ-ràng, gần như không kém gì y-học hiện-đại. Có điều những tri-thức *Phương Đông* đã ra đời trước từ rất lâu, ít nhất là những tri-thức tổng-quát, đại-thể.

Giờ đây, chúng ta bước vào một thái-ấp riêng tây của y-lý cổ-truyền *Đông-Phương*, rất đặc-biệt, rất độc-đáo vì chỉ có *Đông-Y* biết đến và mô tả, còn ngoài ra, tuyệt-nhiên ta không hề tìm thấy những lý-luận tương-tự trong bất cứ một nền y-học nào khác. Đây là hệ-thống tư duy về *kinh mạch*, vốn là căn-bản của khoa châm-cứu.

Kinh là một từ hết sức hàm súc chứa đựng tất cả học-thuyết châm-thuật.

Lỗi chữ cổ Lỗi chữ khai

Trước hết, bên phía trái, ta có ý-niệm một sợi tơ, tức là một vật-thể mảnh-mai và kéo-dài. Tượng-hình ý-niệm ấy là cuộn chỉ trên ống suốt, là bắp sợi trên con quay. Về từ-học

(1) Tên sách *Nội Kinh* cũng rất có ý-nghĩa : *Nội Kinh* có thể được diễn-dịch là các quy-luật (*kinh*) về bên trong (*nội*), tức là, hiểu theo Tây-Y, khoa sinh lý học

Hán, thì phía bên trái là bộ (hay chữ) *mịch* 𣎵 nghĩa là sợi tơ nhỏ. Bên phải, phía trên, ta có bộ *xuyên* 川 (sông) tương-ứng với dòng nước luân-lưu, nhưng không phải chảy tràn lan, trái lại ở hai bên là hai bờ đê song-hành. Bờ đê phía dưới trùng hợp với nét ngang trên của chữ *công* 工 (người thợ), tức là sự làm việc. Vả chăng, về phương-diện tượng-hình, chữ *công* có hình cái thước thợ, phù hiệu của lao-động.

Vậy thì *kinh* là một vật-thể dài và mảnh (bộ chuy, sợi tơ) chứa đựng (bờ đê) một triều-lưu (bộ xuyên) nhưng triều-lưu ấy làm việc (thước thợ) nghĩa là tiêu-thụ năng-lượng (công).

Nhưng năng-lượng vận-hành trong các *kinh* (tức là *khí*) không phải luôn luôn ở một mức bất biến. Và nếu ta so-sánh — để cho dễ hiểu — khí với dòng điện, thì ta thấy rằng dòng năng lượng cũng giống như dòng điện ở một vài điểm : chẳng hạn khí tuy bất biến về cường-độ, về điện-thế, nhưng thay-đổi công suất tùy theo cơ-quan sử-dụng năng lượng. Sự thay-đổi ấy nhịp-nhàng, đều-đặn, trong các điều-kiện sinh-lý chính-thường (1). Và dĩ nhiên, nếu xảy ra hỗn-loạn bên ngoài hay bên trong thì sự vận hành năng-lượng trong các *kinh* sẽ thay-đổi, lệch-lạc. Cho nên cần phải có một hệ-thống điều-chỉnh ổn cố, tức là các *mạch*. (lạc mạch, đốc mạch, nhâm mạch và kỳ mạch).

Bên trái chữ *mạch* 脉 vẫn là bộ *mục*, bên phải là bộ *thủy* 水, dưới

một vạch ngang : mạch là một ống dẫn, chứa một chất nước, mấp mé một bờ đê. Khi nước chỉ có một bờ đê trấn giữ, thì dĩ nhiên nước sẽ tràn ra khỏi hay rút trở về lòng sông một cách dễ dàng : đây chính là vai trò sống-động của dòng năng-lượng trong lòng các *mạch*, có nhiệm-vụ tiếp cứu, tăng cường cho ngoại biên, những khi tiền-tuyến cầu viện. Nói cách khác, năng-lượng vận-hành trong các mạch là loại năng-lượng thuộc lực-lượng tổng trừ bị của quân lực, di-động tính rất cao và luôn luôn ở tư thế ứng trực.

oOo

Đứng đằng sau chủ nghĩa tượng-trung của Trung-Y, ta thấy tiềm-ẩn những ý niệm hoàn-toàn phù-hợp với y-học khoa-học, dĩ nhiên là với điều-kiện phải đào sâu cuộc bầm đề đi tìm. Khi áp-dụng vào thực-tế cũng vẫn vậy : mỗi một chủ trương, mỗi một đường-hướng của Đông-Y luôn luôn bao-hàm những luận-cứ và nghĩa-lý rất sâu-sắc, tế-nhị. Một thang thuốc của Đông-Y không phải chỉ là một phức-hợp nhiều hay ít vị thuốc. Một vị thuốc của Đông Y cũng không phải chỉ là một hay vài hóa-chất tương-đương. Trong Đông-Y, không thể có phương trình với hai vế, xếp hai bên một dấu «bằng» (=) vô tri vô giác. Nếu thang Tứ quân có bốn vị, thì điều ấy không hề có nghĩa là tác-dụng dược-lý của thang liên hệ bắt-buộc phải là tổng-

(1) Xin xem Bách Khoa số 397 (Kim Dịch : Khoa học thực nghiệm và y lý cổ truyền).

số tác-dụng được-lý của bốn vị cầu thành thang phương !

Những bộ óc đúc khuôn trong lò luyện phân tích của khoa-học hiện-đại, quen lý-luận cứng nhắc, quen suy-tư một chiều, bị lác xệch vì nhìn mãi một hướng, bị tật nguyên vì những dư-chứng tê-liệt tư duy, thực không bao giờ có thể hiểu nổi Đông Y. Nếu không chịu tái tập luyện. Nếu không có rehabilitation. Nếu không

nghiên-ngẫm, suy-tư, nghĩ ngợi, trầm-tưởng. Một cách linh động uyển-chuyển, mềm dẻo, rộng rãi. Vì vậy, loạt bài này mới phải nhờ Descartes ghi giúp tiêu-đề. Và chắc sẽ còn phải nhờ tác-giả *Discours de la methode* ghi lại tiêu-đề ấy nhiều lần nữa.

Tây đô 3-9-1973

KIM DỊCH Đông y-S

**hãy
hút...**



BASTOS **miến**



ĐẦU LỘC
truyện hảo

SỐ KHÔNG VỚI VÔ TẬN

của ARTHUR KOESTLER

- *Sự thực về những vụ án Mạc Tư khoa dưới thời Staline,*
- *Tâm trạng của một lãnh tụ là tác nhân, trở thành nạn nhân của Lịch Sử được phân tích tinh vi sâu sắc,*
- *Một tổng hợp nghệ thuật tiểu thuyết hiện đại với bi kịch Hy Lạp.*

THẠCH TRUNG GIẢ Dịch

An Tiêm xuất bản
Đồng Nai tổng phát hành

Muốn thấy tài nghệ siêu việt của Người Cha Già Tóc Trắng qua hồn thơ ca Việt Nam, dĩ nhiên phải đọc *Đoạn Trường Tân Thanh* và *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh*. Nhưng muốn rõ tâm sự của Ông gửi vào thiên cò, không thể không đọc

TỔ NHƯ THI

gồm phần lớn những bài Thất ngôn luật trong các tập *Thanh Hiên*, *Nam Trung* và *Bắc Hành* mới được sao lục ở Thư viện Ba Lê lần đầu tiên xuất hiện ở Miền Nam được chuyển sang quốc âm bởi nhà thơ cũng mang nhiều hệ lụy :

QUÁCH TẤN

*Sách in công phu trên toàn giấy tốt, có kèm
bản hán tự, nghĩa thơ và điển tích.*

AN TIÊM xuất bản, thượng tuần tháng 11/73

Đồng Nai phát hành

Khoa học không-gian và *đời sống con người*

Người ta tự hỏi việc đồ bộ mặt trăng, ngoài một số đá do các phi-hành-gia mang về, còn đem lại những lợi ích thiết thực nào khác cho đời sống con người trên trái đất? Cho tới nay con người nhờ Khoa-học không gian đã có thêm nhiều kỹ-thuật mới, sản phẩm mới. Một nền giáo dục hoàn mỹ, phẩm chất cao của các sản phẩm kỹ nghệ, sự phát-triển kinh-tế mau lẹ cũng là con đẻ của Khoa-học không gian. Mọi người đều được hưởng lợi ích khi nhờ những sự quan sát từ ngoài không gian, người ta có thể đo lường tài nguyên trên trái đất, sử dụng tài nguyên này một cách thích đáng hơn, và nhất là giúp ta giải quyết vấn đề ô-nhiễm môi-sinh và tạo ra một cuộc cách-mạng vĩ-đại trong địa-hạt viễn-thông và khí tượng.

Phẩm chất cao của các sản phẩm kỹ nghệ

Hồi đầu kỷ-nguyên không-gian, hỏa-tinh và vệ-tinh thường trực trực. Điều này đưa đến nhận xét là kỹ nghệ cần bảo đảm cho sản-phẩm của mình có phẩm chất cao hơn. Các công-ty cộng tác với cơ-quan không-gian trong việc đóng phi-thuyền cũng chế tạo cả sản-phẩm dùng trên địa-cầu như máy bay, xe hơi, và kết quả là mọi sản-phẩm kỹ-ngệ đều trở nên bền bỉ tốt đẹp hơn.

Sản phẩm mới

Nhiều sản phẩm mới xuất hiện do sự đòi hỏi của Khoa-học không-gian. Một trong những sản phẩm đó là máy tính điện-tử. Từ những máy tính cũ người ta đã làm được những máy tính điện-tử đầu tiên vào thập niên 1940 và 1950. Đến 1960 máy tính điện-tử với khả năng 40.000 chữ giúp phi-hành-gia làm rất nhiều công việc tính toán giải quyết nhiều vấn đề. Trong những năm 1960 máy tính điện-tử đạt được hai tiến-bộ rất quan trọng. Máy tính điện-tử loại nhì giúp các phi-hành-gia Walter Schirra và Thomas Stafford thực hiện cuộc hội-ngộ không-gian trong phi-thuyền Gemini năm 1965, và máy điện-tử loại 3 đã thực-hiện cuộc đồ bộ mặt trăng năm 1969.

Để thực hiện chương-trình Apollo, máy tính điện-tử từ 40.000 chữ đã tăng lên 1.000.000 chữ. Năm 1970 để bảo đảm sự trở về an toàn của phi-hành-đoàn, máy tính điện-tử đã hoạt động 72 phút. Công việc này một người phải mất 1 triệu năm mới làm xong.

Chính-phủ và các cơ-sở kỹ nghệ càng ngày càng dùng nhiều máy tính điện-tử hơn. Kết quả là kỹ-ngệ máy tính điện-tử trở thành một trong những kỹ-ngệ phát-triển mau nhất, trả lương cao nhất và dùng tới hơn 80.000 người.

Ngoài máy điện-tử, hàng ngàn sản phẩm khác xuất hiện trên thị-trường cũng nhờ các công cuộc khảo-cứu không-gian như loại sơn có đặc tính rất bền, sản phẩm bằng nhựa, các hợp kim, keo dính, và nhiều dụng-cụ kỹ nghệ.

Việc kiểm-soát phản-ứng của phi-hành-gia trong khi bay cũng đem đến cho y-khoa nhiều dụng cụ mới. Những máy đề theo dõi sức khỏe của họ nay được dùng trong bệnh viện. Với một máy nhỏ cột vào tay bệnh nhân người ta sẽ có những dữ-kiện về áp-xuất máu, nhiệt-độ, hơi thở cùng nhiều dữ-kiện khác. Nhờ máy này một y-tá có thể coi sóc 64 bệnh nhân cần sự săn sóc đặc biệt. Máy điện-tử còn giúp Y-khoa thực hiện nhiều tiến bộ khác. Một nhóm khoa-học-gia thuộc Đại-học Stanford và của cơ-quan không-gian NASA đã nghiên cứu tim bệnh-nhân bằng cách chích một thứ thuốc nhuộm đặc biệt và quay phim bằng tia quang-tuyến X từ hai chiều, một máy điện-tử tổng-hợp kết quả và một hình 2 chiều được chiếu lên cho các bác-sĩ nghiên-cứu. Một nhóm khoa-học-gia khác cộng tác với các bác-sĩ của một bệnh-viện ở Cleveland, Ohio, thực hiện được một máy điện-tử nhỏ dùng trong việc giải phẫu mở tim. Máy điện-tử ghi sự biến chuyển của cơ-thể và cho ra tình trạng tổng-quát của bệnh nhân. Máy điện-tử còn được dùng trong lãnh vực khác đề gia-tăng hiệu-năng.

Vệ-tinh viễn-thông

Chỉ trong một thời gian ngắn, máy

điện-tử đã gây nên một sự thay đổi lớn trong ngành viễn-thông. Kể từ 1960 nhu cầu điện-đàm và điện-tín cứ 5 năm lại tăng lên gấp đôi ở Mỹ. Nhu cầu còn tăng mau hơn nữa ở các nơi khác. Giấy cáp xuyên đại-dương không thể nào thỏa-mãn nhu cầu gia-tăng gấp bội đó; nhưng với vệ-tinh viễn-thông, vấn-đề này được giải-quyết dễ-dàng. Từ hàng ngàn cây-số trên cao, vệ-tinh viễn-thông nhận tin từ bên này trái đất, gửi tín hiệu đó thẳng qua bên kia trái đất. Vệ-tinh viễn-thông bắt đầu được sử dụng năm 1965. Ngày nay nhờ sự vận-chuyển tín-hiệu bằng vệ-tinh viễn thông, giá các cuộc điện-đàm, điện-tín, truyền-hình giảm xuống một nửa. Khi trước, truyền-hình xuyên đại-dương là một giấc mộng, nhưng vệ-tinh đã thực hiện giấc mộng này. Đại hội điện-kinh ở Đông-kinh năm 1964 đã được truyền hình đi khắp thế giới. Hơn 500 triệu người đã theo dõi Neil Armstrong bước những bước đầu tiên của nhân loại trên mặt trăng. Những hình ảnh quan trọng đang được truyền đi đến mỗi người trên thế giới. Vệ-tinh viễn thông càng ngày càng hoàn hảo hơn. Intelsat 4 phóng tháng giêng năm 1971 có khả năng truyền 5.000 tín hiệu điện thoại và viễn-ký cùng 12 chương-trình truyền hình cùng một lúc trong khi giấy cáp xuyên đại-dương chỉ truyền được 250 tín-hiệu.

Một cuộc hội-ng nghị về Y-khoa hậu đại-học đã được vệ-tinh truyền đến những người Mỹ muốn tham dự ở Houston, San Antonio, Texas, bên

Âu châu đến Thụy sĩ, Đức, Áo. Trên màn ảnh truyền hình, 30.000 bác-sĩ đã thấy và nghe đồng nghiệp của họ bên kia bờ đại-dương trong 3 giờ. Thư-viện Y-khoa quốc gia Mỹ đang nghiên cứu một màng lưới viễn thông cho Y-khoa. Người ta dự tính trang bị các phòng mổ bằng máy vô tuyến truyền hình mạch kín để có thể hỏi ý kiến các nhà chuyên môn ở những nơi cách xa đó.

Giáo-dục sẽ được truyền đi qua vệ tinh đến các nước đang mở mang. Năm 1974 truyền-hình trực tiếp qua vệ tinh sẽ giúp sức cho cuộc chiến chống nghèo đói, bệnh tật và dốt nát.

Chẳng hạn như đến năm 1974, Ấn-độ sẽ sử-dụng vệ-tinh truyền-hình đến 5.000 làng mạc xa xôi mỗi ngày từ 4 đến 6 giờ. Đài vô-tuyến truyền hình duy nhất không có khả-năng thực hiện việc này. Vì 500 triệu người Ấn nói 12 ngôn ngữ và hàng trăm thổ ngữ khác nhau, nên người ta phải sử dụng nhiều băng tần nói nhiều thứ tiếng.

Trên màn ảnh truyền-hình văn-đề tăng gia sản xuất, văn đề hạn chế sinh sản sẽ được trình bày. Đài truyền-hình Ấn-độ sẽ gửi chương-trình này lên vệ-tinh quỹ-đạo 53.900km và vệ tinh sẽ truyền trở xuống các làng mạc xa xôi. Với hệ thống truyền-hình viễn-thông, hầu hết người Ấn-độ sẽ biết đọc biết viết. Nhờ các phương pháp canh nông tân tiến, số sản xuất và phẩm chất nông sản sẽ được nâng cao hơn, đồng thời Ấn-độ sẽ hoàn tất mục tiêu kiểm soát dân số.

Năm 1971 cơ quan không gian Ba-Tây dự định dùng vệ tinh Mỹ truyền hình các bài diễn giảng của Đại-học Stanford, California, đến các giảng đường ở Ba-Tây. Chính phủ Ba-Tây còn định truyền hình trực-tiếp chương-trình giáo-dục từ vệ-tinh phóng năm 1974 tới 5.000 trường học sau khi chương-trình giáo-dục thí-nghiệm ở Ấn-độ hoàn tất.

Sau này bất cứ quốc-gia nào cũng có thể sử dụng vệ-tinh vào việc giáo dục.

Vệ-tinh khí-tượng

Vệ-tinh khí-tượng đã giúp việc tiên-đoán thời tiết khá chính xác. Nhờ báo động kịp thời, tính mạng tài-sản sẽ khỏi bị bão lụt cuốn đi. Các chuyên-viên ước tính đã có 50.000 người được di-tàn kịp thời trong trận cuồng phong Camille tháng 8 năm 1969 ở Mỹ. Năm 1970 vệ-tinh đã khám phá ra trận bão lớn ở Đông Hồi, song các phương tiện viễn-thông ở đây không đủ để loan báo đến khắp mọi người.

Trước khi có vệ-tinh, các quốc-gia trên thế-giới đã trao đổi với nhau các tin tức khí-tượng, song phần nhiều là tin khí-tượng trên đất liền còn thời tiết của 3/4 diện-tích trái đất bao phủ bởi đại-dương người ta biết rất ít, mà nơi đây mới chính là nơi phát xuất bão lụt.

Tới thập niên 1980 mọi người khắp nơi trên thế-giới sẽ nhận được bản tin khí-tượng chính-xác và sớm ít nhất là hai tuần hoặc hơn nữa. Khi

đó các nông gia sẽ biết được khi nào nên gieo hạt, bỏ phân, gặt hái và bảo vệ mùa màng. Các nhà xây cất sẽ tính toán thời-biểu xây cất chính xác hơn. Thời-biểu chuyên chở trên không, dưới biển, trên bộ, cũng được sắp xếp để giảm thiểu sự thiệt hại đến tối đa. Mọi người sẽ được hưởng lợi-ích do vệ-tinh mang lại. Thiệt hại về tài-sản nhân-mạng sẽ giảm rất nhiều. Riêng nước Mỹ con số đó có thể tới 2.500 Mỹ-kim mỗi năm.

Vệ-tinh quan sát tài-nguyên

Qua các không-ảnh, các khoa học-gia ở Đại-học Purdue, California, đã khám phá ra một loại nấm đang tàn phá mau lẹ mùa màng ở Mỹ. Ở Iceland nhờ vệ-tinh khám phá được sự thay đổi vị-trí, nên các ngư-phủ đã dễ dàng tìm lại địa-điểm đánh cá. Phi-thuyền Gemini đã chụp được ở Ả-rập Sê-út những ngọn đồi giống hệt loại đồi báo hiệu có dầu lửa và hơi đốt. Dầu hiệu này cũng được tìm thấy trong

các không-ảnh do phi-thuyền Mercury chụp được ở Úc châu. Từ ngoài không-gian người ta còn vẽ được bản đồ của sự ô-nhiễm nước. Một dụng cụ ở Trung-tâm NASA còn đo được mức ô-nhiễm dầu trên biển.

Với sự tiến bộ không ngừng của khoa-học không-gian, người ta tin tưởng rằng vệ-tinh sẽ giúp ta hiểu biết rõ ràng tận môi-sinh ta ở trong thập niên 1970. Hệ-thống vệ-tinh sẽ giúp ta trong việc dự-trù và phân-phối các nguồn cung cấp thực phẩm, tìm kiếm các khoáng chất còn tiềm ẩn trong đất, bảo vệ môi-sinh hữu hiệu, theo dõi các băng-hà và băng-sơn, báo động kịp thời các thiên-tai, tổ-chức công cuộc tìm kiếm trợ giúp nạn nhân vào thập niên 1980. Tóm lại các kiến-thức về không-gian sẽ mang lại cho mọi người trong mọi quốc-gia một mức sống cao hơn.

VÂN ANH

THẾ-GIỚI-NGŨ

Thế-Giới-Ngũ không phải tiếng nói của một nước nào. Thế-Giới-Ngũ là ngôn-ngữ của mọi chủng-tộc, là mộng-ước của triết-gia Descartes, là sáng-kiến của nhà bác-học Zamenhof, là cơn thống-khoái của văn-hào Tolstoi...

Học-khoa Thế-Giới-Ngũ học từ 4 giờ mỗi chiều Chúa-nhật tại 386/43 Trương-minh-Giang, Sài-gòn 3. Sau một khóa học ba tháng, Quý-vị có thể hiểu rành ngôn-ngữ duy-lý đó, rất phổ-biến ở ngoại-quốc. Nhận học-viên mới mỗi tuần; ghi-danh ngay trước giờ học. Có dạy hàm-thụ cho người ở xa.

Nhân đọc truyện Nguyễn Mộng Giác

Nguyễn Mộng Giác với tôi cùng một quê, nhưng tôi lưu lạc đã lâu, thỉnh thoảng gặp nhau, tôi có nhiều điều đề hỏi thăm anh : tình hình an ninh ở làng này quận nọ, cảnh sinh hoạt độ này so với độ trước, những chuyện buồn vui đã xảy đến cho ông nọ bà kia v.v... Cứ thế chúng tôi lần lần cùng nhau đi vào những nghĩ ngợi lan man về chỗ quê hương.

Xưa kia, tồ phụ chúng tôi đã đến lập nghiệp tại Bình định trong những điều kiện không biết khác biệt ra làm sao mà tự dưng tách rời hẳn các đồng bào xứ Quảng về nhiều phương diện như thế. Tiếng nói khác nhau : những tiếng *răn, rứa, chừ mô* v.v... từ Quảng bình tiến vào đến Quảng Ngãi, bỗng dưng tắc một cái, dừng lại tất cả ở châu đèo Bình đê. Kể từ Bình định vào Nam : một giọng nói khác, một loạt tiếng nói khác.

Nhà ở khác nhau : người Bình định đã đem từ đâu đến cái kiểu nhà lá mái ? và tại sao kiểu nhà ẩm cúng đẹp đẽ ấy rồi không hề được đi đâu cả, không ra ngoài tỉnh ?

Thế rồi đến cái khác nhau trong tâm hồn. Nói về đất cách mạng ngoài Trung, người ta thường nhắc đến hai vùng : Nghệ Tĩnh và Nam Ngãi. Sát bên cạnh bà con Nam Ngãi lúc nào cũng sẵn sàng phản kháng, đứng lên, vùng dậy v.v..., người Bình định tính tình bỗng dưng "thần hậu" (1) hẳn đi. Mặt khác, người

Quảng thiên về lý trí, có tài biện luận, «hay cãi» : Phan Khôi, Phan Thanh, Phan chu Trinh v.v... ; người Bình định dường như thiên về tình cảm, tưởng tượng nhiều hơn, trong văn học có nhiều thơ hơn là văn.

Ngoài chuyện người Bình định khác người các nơi, lại còn có chuyện người Bình định khác người Bình định.

Hai thế kỷ trước, lớp người của Nguyễn Huệ, Bùi thị Xuân, Võ văn Dũng v.v... ngang tàng lắm liệt; cuối thế kỷ này, tục ngữ địa phương xác nhận rằng người Bình định «hay lo», nói cách khác là an phận thủ thường, không hay tranh hơn tranh thua, là chín bỏ làm mười.

Từ lập quốc tới giờ, nước ta có bao nhiêu là vua, vua nào rồi cũng chết; vậy mà chỉ có một nhà vua chết được vợ lưu lại hậu thế tiếng than khóc nỉ non : tức vua Quang Trung. Từ hồi nào tới giờ, tướng lãnh vẫn chịu thưởng thức 'cái hồng nhan lắm; vậy mà chỉ có mấy ông tướng Tây sơn ra Thăng long chơi bời được thi hào Nguyễn Du khen là có cốt cách. Hai thế kỷ trước, vua quan nhà Tây Sơn không biết đã đối xử ăn ở với phụ nữ ra sao mà được yêu đương, thương tiếc, được ngợi khen như thế, cuối thế kỷ này, người Bình định dường như không còn cái tình tứ ấy : trong vòng bốn năm mươi năm nay văn học nước ta từng

trải qua những thời kỳ thật mộng mơ lãng mạn, chưa có bao giờ Bình định đóng góp được một tác giả nổi tiếng về tình yêu, như Xuân Diệu, như Nguyễn Bính chẳng hạn, hay một tác phẩm nào ướt át, ướt át như «Vòng tay học trò», «Hình như là tình yêu» chẳng hạn.

Mất đi cả khí phách ngang tàng (tức cái đáng trọng) lẫn phong cách tình tứ (tức cái đáng yêu) : sự mất mát thật là lớn lao. Không biết cái gì đã xảy đến trong đời sống của người dân Bình định trong vòng hai trăm năm ấy : có người đã nghĩ đến cuộc trả thù, đến chính sách trấn áp của triều đình nhà Nguyễn Gia miếu đối với vùng quê quán của họ Nguyễn Tây sơn. Dẫu sao, đó mới chỉ là một giả thuyết.

oOo

Người của địa phương này không giống người địa phương khác, đó là cái dị biệt qua không gian, người của thời nay khác người thời xưa, đó là cái diễn biến theo thời gian. Chuyện ấy không có gì lạ thường, đáng nói.

Nhất là khi sự diễn biến lại đưa đến những mất mát thua thiệt thì lẽ ra tôi không dám nói : Phải tránh sự nổi giận của người đồng hương chứ ! Khi cả lớp người hiện tại cảm thấy bị chạm tự ái mà quyết hỏi tội thì các lớp tiền nhân được xưng tụng đâu có hiện về để che chở cho mình được.

Tuy nhiên, sở dĩ dám nói là vì chúng tôi không nghĩ trong khoảng

hai thế kỷ chỉ có giản dị một sự mất mát : thực ra, trong đời sống tinh thần của người địa phương sự diễn biến thật phức tạp. Và sự diễn biến cũng đã đưa tới những kết quả đáng quý. Chẳng hạn, Quách Tấn.

Trong cuốn «Thi nhân Việt nam» ông Hoài Thanh có lần thử chia các nhà thơ ra từng xóm. Trong cái «Xóm Bình định», ông kể vài tên : Hàn mặc tử, Chế lan viên.

Cả hai vị được kể tên đều không phải là người Bình định, họ chỉ lớn lên ở Bình định. Đối với các văn thi sĩ gốc địa phương họ có mối giao tình thâm thiết, có những kỷ niệm sâu đậm, kể cả những kỷ niệm về văn chương nghệ thuật, có thể họ chia xẻ quan điểm sáng tác v.v... Đối với cảnh vật và sinh hoạt địa phương, họ có lòng quyến luyến, lòng quyến luyến đã khiến cảnh vật ấy và sinh hoạt ấy lưu lại nhiều hình ảnh đẹp để trong tác phẩm của họ... Tuy nhiên, trong tâm hồn họ không đồng hóa với địa phương.

Hàn mặc tử với Chế lan viên, đó là những hiện tượng kỳ dị của một thời. Họ chủ trương trường thơ điên loạn ; họ đi tới tận cùng những say mê tôn giáo, siêu hình ; họ tác bạo, cực đoan ; hoặc họ là :

«Ta còi trường ra, ta còi trường ra :
Ngoài kia trắng sáng chảy bao la»

(Chế lan viên)

hoặc họ kêu :

«*Đương cầu nguyện ọc thơ ra
đường sửa
Ta ngất đi trong khoái lạc hồn đan*
(*Hàm mặc Tử*)

Ở những nhà thơ người Bình định, đồng thời với họ, bạn thân của họ, như Quách Tấn, như Yến lan, tôi không gặp những hò hét lớn lối ấy, những cái làm kinh động sững sờ. Và có lẽ cảm tưởng của ông Hoài Thanh cũng không khác. Ông bảo :

«*Xem thơ Yến lan tôi mơ màng như đi trong mây mù (...) Chỉ thấy mờ mờ những con đường chảy, êm như những dòng sông, và nhất là cái vùng trắng vẫn thường ám ảnh các nhà thơ Bình định*». Ông lại bảo : «*Theo gót nhà thơ (Quách Tấn), tôi đi dần vào một thế giới huyền diệu. Ở đây người ta nói rất khẽ, bước rất êm. Những tiếng khóc rộn ràng, những lời reo vui về đều kiếng (...) Rồi tất cả lại trở lại trong mờ mờ.*»

Mờ mờ, êm êm, khe khẽ : thế giới thi ca ở đây như vậy đó.

Không thể bảo Quách Tấn hay Yến lan không có xôn xao, tha thiết : làm gì có những nhà thơ đứng đưng, bình thản. Tuy nhiên, ở đây bao nhiêu xôn xao đều bị dần xuống, hãm lại. Quách Tấn cũng sâu cũng nhớ ghê gớm, nhưng :

«*Sầu mong theo lệ khôn rơi lệ
Nhớ gửi vào thơ nghĩ tội thơ.*»

«*Nghĩ tội thơ !*», cái nhân ái đến rụt rè ấy, ở địa phương gọi nó là đức

tĩnh «*thần hậu*» (1). Con người thần hậu vốn dè dặt, kín đáo, âm thầm trong sự sâu đau thương nhớ ; chính con người ấy mới càng «*tội*» đa !

Ngày Quách Tấn còn là một thanh niên trong tuổi đôi mươi mà ông đã như thế, đã yêu hồ ghét bề (theo lời Chế lan Viên); càng về già ông càng lặng, càng kín. Trong mấy mươi năm làm thơ ông ngại, ông tránh thể ngũ ngôn vì nó là thứ «*âm đoản*» không «*dễ rung cảm lòng người nghe*» (2), thế mà sau này ông làm rất nhiều thơ ngũ ngôn, lại chuyên về thơ tuyệt cú : tình cảm chỉ gói ghém trong hai mươi chữ. Hai tập «*Mộng Ngân Sơn*» và «*Giọt trắng*» toàn một loại thơ ấy : nhỏ nhắn, tinh vi như những hạt cú Nhật bản. Lúc ông về già, tâm hồn ấy và thể thơ ấy đâm ra hợp nhau. Thơ vẫn tắt, người ít lời; thơ cô đọng, người kín nhem :

«*Nhân thế người tình thương
Ôm thu nằm Khánh Dương
Rừng trắng đôi lá rụng
Lạnh lạnh gió đem hương.*»

Sao mà dịu hịu, se sắt, tịch mịch, cô quạnh quá chừng. Sao mà «*tội thơ*» tội người quá trời !

Ấy, Quách Tấn là vậy, xóm thơ Bình định là vậy : là tình cảm lịm vào trong, là bề ngoài dè dặt, lìm lìm, nhưng bên trong chất chứa u tình.

Gặp Quách Tấn, rồi gặp những

(1) L. T. S, Tiếng địa phương có nghĩa là : thật thà, hiền lành

(2) Quách Tấn, tựa «*Nộng Ngân Sơn*».

con người hơn hồ tưng bừng, ra rít yêu đương, hô hào om sòm như Xuân Diệu, không khỏi chắt lưỡi ao ước: «Sao mà họ sung sướng vậy?»

oOo

Thế rồi, non nửa thế kỷ sau Quách Tấn, cũng vẫn không gặp được những người Bình định sung sướng.

*« Theo mây đi một buổi
Trời đất nhẹ phieu phieu
Va đầu tưởng đụng núi
Chỉ đụng bóng sương chiều
Một mặt trời lăm lăm
Trên trần gian tiêu điều.»*

(Đường vô núi)

Võ Chân Cửu, người thi sĩ đồng hương với ông Quách, viết ra những lời thơ ấy cũng trong tuổi đôi mươi. Và cũng như ông Quách giữa thời thanh xuân, Võ Chân Cửu không mấy khi đề cập tới chuyện yêu đương hạnh phúc trong suốt hai thi phẩm đã xuất bản, và dường như cũng không hề hứa hẹn một đề tài như thế trong các thi phẩm tương lai. Tiếng chuông vọng trong mây, chùa cồ bên sông, sương trắng trước thềm, đời như ảo mộng, sinh tử hai bên còn lộn lạo v.v... những cái đó chìm người thanh niên này vào những suy tư triền miên.

Ở Nguyễn Mộng Giác cũng vậy. Ngay từ những thiên truyện ngắn đầu tiên, anh đã có cái phong độ

chín chắn, mực thước, đã có cái kín đáo, âm thầm, anh đã lim lim vào những suy nghĩ lo lắng.

Tuổi trẻ nào mà không có ái tình? «Tiếng chim vườn cũ» cũng có tình đấy, nhưng tình, ở đây chỉ là cái cớ cho bao nhiêu vất vả tru tư. «Bão Rớt» cũng có tình nữa, nhưng cũng là cái cớ cho bao nhiêu ần ức éo le...

Từ văn đề nạn đến văn đề kia, Nguyễn Mộng Giác khổ tâm tìm hiểu, nghiên cứu, phân tích, rồi dựng truyện: không có bao giờ anh được thành thạo ung dung viết một câu truyện tùy hứng. Anh không có cái sung sướng đó...

Ờ! Nhưng tôi đang làm gì thế này? Bắt đầu nêu lên nào những anh hùng hào kiệt trong lịch sử, đề rồi cuối cùng tôi đi đến... một người bạn! Bất cứ là đề chứng minh điều gì, sự hỗn xược ấy cũng không thể tha thứ được. Nếu không dừng lại kịp thời.

Và lại, tôi đâu cần phải dài dòng thêm nữa: Những đặc điểm địa phương, những điều tôi cùng nói với anh Nguyễn Mộng Giác (như đã thuật lại trên đây) cũng là những điều nói về anh rồi. Không phải vậy sao?

VÕ PHIẾN

10-1973.

TIN MỪNG

Được hồng thiếp báo tin trẻ Thành Hôn

*của Anh **TRẦN-HỮU-TỐ**
và Chị **NGUYỄN-THỊ-EM***

*Kính mừng Anh Chị, Kính chúc Tân lang và Tân Gái-nhân
trọn đời hạnh phúc.*

— **TRẦN THỊ KIM-PHÚ** và **NGUYỄN XUÂN HÒA**
— **TRẦN THỊ KIM-VINH** và **NGUYỄN THIỆU CHÂU**

PHÂN ƯU

Vô cùng xúc động được tin :

*Bác sĩ **TÔ DƯƠNG HIỆP***

*Giám đốc Biện viện Tâm trí Biên Hòa, Trưởng nam Nhà văn
Bình-Nguyên-Lộc, đã mệnh chung ngày 21-11-1973 hưởng dương
38 tuổi.*

*Xin trân trọng chia buồn cùng văn hữu Bình Nguyên Lộc
và tang quyến.*

*Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Ngu Í, Lê Ngộ Châu, Võ Phiến, Vũ Hạnh,
Trần Văn Tích, Huy Lực, Minh Quân, Vũ Hoàng Chương, Mộng Tuyết.*

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH: 61-63-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.460 — 98.700

Chi-Nhánh	Cholon : 47-49 Tổng Đốc Phương Cholon	ĐT : 51.047
—	Cầu Ông Lãnh : 21 Bác-sĩ Yersin Saigon	ĐT : 99.386
—	Gia-Long : 121-123 Gia-Long Saigon	ĐT : 96.827
—	Biên Hòa : 10 Nguyễn Hữu Cảnh BH	ĐT : 36
—	Ban Mê Thuật : 80-82 Quang Trung BMT	ĐT : 148.083
—	Vinh Bình : 24 Gia-Long Vinh-Bình	ĐT : 092
—	Sa Đéc : 139-141 Tổng Phước Hòa Sa-Đéc	ĐT : 114
—	Đà-Nẵng : 197 Độc Lập Đà-Nẵng	ĐT : 21.077
—	Thị-Nghè : 22 Hùng Vương Thị-Nghè	ĐT : 96.251
—	Long An : 36 Thống Nhất Long-An	ĐT : 48
—	Vinh Long, 49 : Phan Thanh Giản V.L.	ĐT : 093

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM ĐỊNH-KỲ VÀ ĐỊNH-KỲ :

— Dưới 3 tháng	17%
— Từ 3 đến dưới 6 tháng	19%
— Từ 6 đến dưới 9 tháng	21%
— Từ 9 đến dưới 12 tháng	22%
— Từ 12 tháng	24%

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM :

- 17% mỗi năm : nếu không dự xỏ-sổ
- 13% mỗi năm : nếu có dự xỏ-sổ
- 4% mỗi năm : để xỏ-sổ
- Tiền lời tính theo kết-số dư hàng ngày
- Muốn rút vốn ra bất cứ lúc nào cũng được.

LÃI-XUẤT TÍN-DỤNG :

- Từ 14% đến 28%.

Thi sĩ Quách Tấn

hai tập thơ và một chứng bệnh

Tôi nghe thấy người ta thường nói hễ làm thơ hay thì viết văn không hay và người ta dẫn ra trường hợp Tản Đà. Lời đó không luôn luôn đúng. Trái lại theo tôi hễ làm thơ hay thì cũng dễ viết văn hay. Kỹ thuật thơ và văn không khác nhau bao nhiêu, mà kỹ thuật lại không phải là điều quan trọng ; quan trọng là cái tài, là cảm xúc, tư tưởng, tức cá tính của người cầm bút. Trong văn, học sử không thiếu gì nhà nổi tiếng cả về thơ lẫn văn. Như Trung Hoa có Lí Bạch, Hàn Dũ, Tô Đông Pha nước ta có Nguyễn Trãi, Cao Bá Quát... Thời Nam Phong, nhiều người thích cả thơ lẫn văn của Đồng Hồ ; tới thời Phong Hóa và Ngày nay, văn và thơ Xuân Diệu đều được thanh niên hoan nghênh và năm năm nay, từ khi thi sĩ Quách Tấn cho ra 2 cuốn *Nước non Bình Định*, *Xứ Trầm Hương* thì văn của ông cũng được nhiều người thưởng thức, cả già lẫn trẻ.

Tôi đã có dịp giới thiệu hai tập ấy với độc giả rồi trên tạp chí Văn mấy trăm trước.

Hôm nay xin giới thiệu hai tập thơ, một tập sáng tác, một tập dịch, mới xuất bản trong mấy tháng gần đây.

oOo

Tập đầu nhan đề là *Giọt trăng* gồm 60 bài thơ ngũ ngôn tuyệt cú. Thề đó dễ làm : không cần đối, muốn bỏ niêm cũng được, còn văn thì tùy ý ba hay hai ; nhưng khó hay : tình, ý, cảnh phải được lọc đã cho còn thoang thoang thôi, rồi chắt lại để thu gọn trong hai mươi chữ. Cho nên nó hợp với tuổi già hơn, mà phái tân học ít người biết thưởng thức.

Tôi xin dẫn vài bài :

Ao Trưa

*Bờ ao cọng cỏ chỉ
Lả lướt ngọn nồm đưa,
Con chuồn chuồn diềm nước,
Mong dừng chân nghỉ trưa.*

Chép thơ

*Thơ không người thưởng thức
Minh chép riêng mình ngâm.
Con bướm tìm hương lại,
Vô tâm mà hữu tâm.*

Say nắng

*Vườn rộng tiếng chim thưa
Bướm vàng say nắng trưa
Chờn vờn chân muốn đặt
Vội mượn gió dong đưa.*

Có cái giọng một ông lão nhàn tản, khoáng đạt mà nghệ sĩ.

Cả khi khóc con, giọng tuy ảm ức mà vẫn âm thầm, nhưng thấm thía

không nói mà chính là nói nhiều :

Khóc con IV

*Không nói, lòng đau khổ
Nói, không nói được gì.
Canh tàn năm nuốt lệ,
Thời loạn kiếp nam nhi.*

Nhà văn Bình Nguyên Lộc lúc này đọc bài *Khóc con III*, chắc càng thấy chua xót :

*Mừng tre già măng mọc
Ai ngờ tre khóc măng
Nuốt lệ nhìn di ảnh
Đêm hè cơn gió-băng.*

Quách Tấn làm tất cả 12 bài khóc con trai, trong tập chỉ in 6 bài, bài nào cũng là tiếng thồn thức của thời đại, của đất nước.

Giọt trắng xuất bản từ đầu năm (tháng ba 1973), hiện không bán ở Việt-Nam mà hình như cũng không bán ở Pháp. Ông Thi Vũ, giám đốc nhà xuất bản Rừng Trúc ở Paris, mà cũng là giám đốc nhà in VOV, 25 rue Jaffeux, 92230 Gennevilliers, vốn là một thi sĩ, một nghệ sĩ, vì yêu thơ và quý Quách Tấn, nên in toàn trên giấy Tuyết đào để tặng các bạn văn. Bìa là một phần bức họa cổ Nhật Nguyệt, thế kỉ XIV, vẽ một cảnh trăng trên núi, chỉ dùng màu xanh trên nền tím. Riêng 20 bản đặc biệt, in trên lụa bồi, ban đêm để dưới ánh đèn ống, coi linh lung, tưởng chừng có một giọt trắng lạc vào trong phòng, thật huyền ảo. Vì không có chữ Việt, ông Thi Vũ phải dùng một kiểu chữ của Đức, sắp được bài nào, vẽ bài đó rồi mới điếm

thêm những dấu \ / ? ~ ... lên, sau cùng chụp hình rồi mới in. Từ trước tới nay tôi chưa thấy ở Việt Nam hay ở ngoại quốc có cuốn nào mà in công phu như vậy. Người nào chơi sách mà được một bản đặc biệt cuốn đó, chắc sẽ quý như vàng.

oOo

Cuốn thứ nhì là cuốn *Tổ Như thi* mới phát hành ít tuần nay, do nhà An Tiêm xuất bản ở Sài Gòn. Ông giám đốc nhà An Tiêm cũng là một người rất yêu cái đẹp, lần này nhờ Thi Vũ trình bày bìa. Bìa *Giọt trắng* cổ kính bao nhiêu thì bìa *Tổ Như thi* mới mẻ bấy nhiêu : mấy ngón tay thắp bút của một mi nhân đặt nhẹ trên một trang giấy trắng. Sách in 3.000 bản toàn giấy tốt, dày, có phần hơi dày quá nữa, cũng đáng kể vào loại sách quý. Trong tình trạng xuất bản bị đất như lúc này, nhà An Tiêm phải quý *Tổ Như* và Quách Tấn lắm mới dám hi sinh như vậy.

Nguyễn Du lưu lại cho chúng ta ba tập thơ chữ Hán : *Thanh Hiên* làm từ 1786 đến 1795 *Nam Trung* từ 1805 đến 1808 và *Bắc Thanh* trong 2 năm đi sứ 1813, 1814. Nghe nói tất cả gồm trên hai trăm bài, đại đa số là thơ luật. Thơ chữ Hán của cụ cũng bình dị, tự nhiên và cũng buồn man mác như thơ Nôm của cụ, mà chứa tâm sự nhiều hơn.

Đời cụ sao mà long đong thế. Mới đậu tam trường năm 19 tuổi thì gặp tai biến đồn dập. Gia đình mỗi ngày một suy sụp anh em li tán, cụ phải về ở nhờ quê vợ tại Thái Bình.

Trong mười năm ăn gỏi năm nhờ, biết bao tủi nhục : phải giả ngu dại để người ta khỏi ganh ghét, phải kiêng nể mọi người để được toàn mạng. Không có một đồng một chữ mà đau ốm liên miên, «đành năm đợi chết với văn chương».

Sau cụ về quê nhà ở Hà Tĩnh thì nhà bị phá, gia sản bị tịch thu. Lại bị nhốt ngục bốn tháng.

Mãi đến năm 1802, ba mươi bảy tuổi, mới ra làm quan với nhà Nguyễn, nhưng thường bất mãn, có khi bị quở trách, khinh khi nữa. Và gần như suốt đời lúc nào cũng bị hai con ma bệnh và nghèo ám ảnh. Làm quan thì thanh liêm mà gia đình mười mấy miếng ăn, cho nên đàn con luôn luôn gào đói :

Thập khâu để cơ Hoàn linh bắc
và đĩa nào đĩa nấy xanh như lá rau.

Thập khâu hài nhi thái sắc đồng.
Đói tới cái mức suốt ngày bếp lạnh, phải hái hoa cúc ăn dở, như Tô Đông Pha hồi xưa ở Mật Châu :

Táo đầu chung nhật vô yên hỏa,
Song ngoại hoàng hoa tú khả xan.

Bọn cầm bút chúng ta ngày nay có ai phải ăn cháo thì cũng có niềm an ủi rồi đấy.

Ai muốn hiểu Nguyễn Du, nhất là các giáo sư dạy về Nguyễn Du, đều phải đọc ba tập thơ đó. Nghe nói ở ngoài Bắc, người ta đã dịch rồi từ bảy tám năm trước ; ở trong Nam chúng ta thì bản dịch của Quách Tấn

là bản đầu tiên. Ông lựa trong ba tập được 72 bài, nhờ bạn chép chữ Hán (để làm bản kềm) còn ông thì phiên âm», chú giải, dịch nghĩa, rồi dịch thành thơ, đa số theo thể luật, một số dịch thành lục bát, hoặc lục bát gián thất, (1)

Ông làm việc rất thận trọng, chẳng hạn câu cuối bài «Quỳnh hải nguyên tiêu»

Hải giác thiên nhai tam thập niên

Có người cắt nghĩa là : Ở nơi góc bể chân trời ba chục năm. Nghĩa đó sai vì bài đó làm khi Nguyễn Du lánh về quê vợ, chỉ ở đó nhiều lắm là mười năm, làm gì tới ba chục năm. Ông sửa lại tam thập niên đó phải giảng là ba mươi tuổi.

Nhưng cũng có điểm tôi còn ngờ, chứ chưa dám quyết. Bài Thăng Long cầm giả ca, ông chú thích «Giám hồ là hồ Hoàn Kiếm». Từ trước tôi cứ tưởng Giám hồ là cái hồ ở trước Quốc tự giám (Khổng miếu), Hà Nội; hồi tôi lớn, hồ đó chưa lấp hết.

Việc dịch ra thơ mới công phu nhất. Ông dịch sát, có khoảng mười bài đọc thú ngang đọc nguyên tác. Tôi xin đan cử bài :

Quí Môn đạo trung

Quí Môn thạch kính xuất vân côn (2)
Chinh khách nam qui dục đoạn hồn,

(1) Không hiểu tại sao bài cuối cùng : *Thăng long cầm giả ca* chỉ có bản dịch nghĩa, mà không có bản dịch thành thơ.

(2) Chính là căn (rễ) và viên (con vượn) ở câu tư, nhưng đọc như vậy cho có vần,

*Thụ thụ đông phong xuy tổng mã.
Sơn sơn lạc nguyệt dạ đề vân.
Trung tuần lão thái phùng nhân lãn,
Nhất lộ hàn uy trượng tửu ôn.
Sơn ở hà gia đại tham thụ,
Nhật cao do tự yếm sai môn.*

Ông dịch là :

Trên đường qua Quỷ Môn quan.
Đường Quỷ Môn quan mây ngút
xông.

Về nam chinh khách tái tê lòng.
Gió đồn chân ngựa cây xao xác
Trắng rụng đầu non vượn nào nùng
Lười việc đón đưa (1) già trước
tuổi

Đỡ cơn giá rét rượu đầy chung.
Nhà ai góc núi sao ham giấc ?
Nặng gọng hiên chưa mở cánh bông.

Tôi muốn trích thêm ít bài nữa,
nhưng giấy đắt quá, tòa báo nào cũng
ngại.

Trong một năm giữa lúc củi quế
gạo châu này cho ra được hai tập thơ
(sáng tác và dịch) tập nào cũng hay,
cũng đẹp, thật là một điều hiếm thấy.

oOo

Quách Tấn khoảng sáu mươi lăm
tuổi. Mấy năm gần đây ông đã chẳng
nghỉ ngơi mà còn âm thầm sáng
tác mạnh hơn thời trẻ nhiều. Ông
còn ba tập thơ và trên mười tập văn
chưa in, trong số này có ba tập thi
thoại : *Trong vườn hoa thơ*, *Hương
vườn cũ*, *Những bức thư thơ*, một
tập về lịch trình tiến triển thơ Đường
luật, nhan đề là *Giọng Hàn Thuyên*.
Tôi chắc những tập ấy có nhiều giai
hoại, nhận xét, phê bình lí thú và

bạn nào yêu thơ cũng mong sớm
được đọc, nhưng tình hình kinh tế
như vậy, ai là người dám hi sinh như
Thi Vũ với An Tiêm ?

Nghe nói mấy năm nay ông viết
bộ Hồi kí *Bóng ngày qua* (kể lại cuộc
đời của ông, chép chuyện các bạn văn
của ông...) đã được trên ngàn trang
rồi, mà còn nữa... Đáng phục ông
già này thật.

Nhưng đương viết dở thì ông phải
ngưng lại. Mấy tháng trước ông bị
một chứng mà các y sĩ nhãn khoa
cho là đáng ngại nhất : chứng *glau-*
come cấp tính. Huyết áp ở một con
mắt tăng lên trăm trọng, nhức nhối
vô cùng, không sao ngủ được, ông
phải vô Sài-gòn mổ ; bây giờ hết
nhức, nhưng con mắt đỏ kè như lò
rồi, bác sĩ cấm ngặt đọc sách, viết
lách, suy nghĩ.

Khi báo tin cho tôi, giọng ông đi
dòm như một triết nhân :

«Tôi nay đã thành người «nhứt
mục thập hàng» và phải «bế môn tạ
khách» «bế sương tích thư» để dưỡng
bệnh. Tôi có bài thơ tức sự, xin
chép (2) để ông cười cho vui :

*Duyên văn chương đương thắm,
Thân già bông đảo điên.
Một đêm đầu nhức nhối,*

(1) Bài này làm trong khi Tổ Như lên Nam
quan tiếp sứ Tàu rồi trở về Quỷ Môn quan
ở Chi Lăng (Lạng Sơn) là một hiểm địa
đã mấy lần quân Trung Hoa bị ta phục
kích ở đó mà phơi thây đầy đất.

(2) Ông không viết được, phải đọc cho
một người cháu chép

Suốt tháng bệnh triển miên.
Thành nĩa cụ Đồ Chiêu
Không hai chàng Vân Tiên.
Nên đường hoa chỉ thoáng
Những bán diện thuyền duyên.

Ngày 20 tháng 8-1973

Bệnh Glaucome là bệnh khó trị nhất, hễ một con mắt bị rồi thì gần như chắc chắn rằng con kia sẽ bị nốt. Có bác sĩ khuyên nên mờ trước mắt kia đi, có bác sĩ cản, bảo đợi nó bị rồi

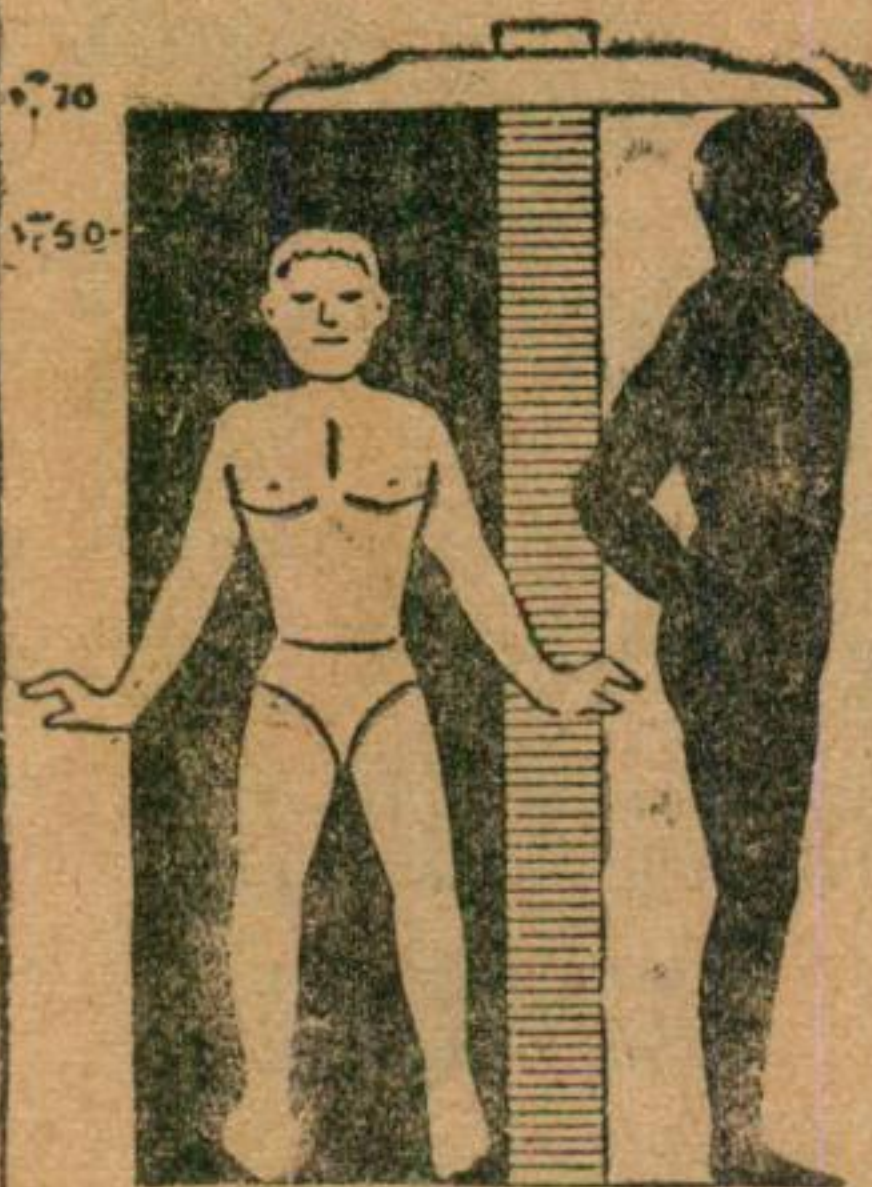
mới mờ. Một Đông y sĩ bảo có thể trị được (chứ chưa chắc) mà phải lâu - 5, 6 tháng — và mỗi tháng tới 10.000\$ vì nội một chỉ tê giác cũng phải 6.000\$ rồi !

Nghĩ vậy tôi càng thấy hai tập Giọt Trắng và Tổ Như Thi ra đúng lúc này an ủi ông được nhiều, nhiều lắm !

NGUYỄN HIỂN LÊ
Saigon 27-11-73

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NIT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯƠNG.
MẠNH KHOẺ.
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHÔI.
MỆT MỎI.

LABGHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BÔ?

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Điện thoại : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương-vị hảo-hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài-lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc

Góp ý với bài

«Tủ sách xã thôn» của Toan Ánh

Nhắc đến Toan Ánh người ta không thể nghi ngờ giá trị những điều ông viết, nhất là về các quyển sách của ông nói về xã thôn Việt-Nam, về những phong tục tập quán của dân quê Việt-Nam.

Người viết là một độc giả đã từng có cơ hội sống ở xã thôn, nhân đọc bài « Tủ sách xã thôn » của tác giả, trên Bách-Khoa số 396 (Q) 8/73, rất cảm kích sự lo lắng của tác giả về món ăn tinh thần ở xã thôn. Ở bài trên, tác giả đưa ra sự hô hào phải thiết lập một tủ sách cho mỗi xã và đưa ra một mẫu tủ sách cùng một vài phương tiện tối thiểu để thiết lập được tủ sách đó. Giá trị của bài trên chỉ tới đó. Còn việc làm sao cho dân chúng tới mượn và đọc sách tác giả đã nói quá sơ lược. Thiển nghĩ, chúng ta phải làm cho dân chúng thích đọc sách, ham tìm hiểu, cái đó mới là cần và mới là khó. Do vậy, người viết xin góp vài lời với tác giả «Tủ sách xã thôn».

1.— Trụ sở Hội-đồng xã có thích hợp cho việc đặt 1 tủ sách không ?

Những năm về trước khi ngọn lửa chiến tranh còn mãnh liệt các xã ấp xa xôi luôn luôn mất an ninh. Việt Cộng thường trà trộn về các trụ sở xã ấp để phá hoại, đặt chất nổ... Do đó, các trụ sở trên phải lập tuyến phòng thủ, đào hào, rào kẽm gai... như một đồn lính. Tình trạng đó vẫn còn duy trì cho đến ngày nay ở những nơi an ninh không được bảo đảm lắm. Vì lý do trên, việc ra vào của dân chúng để viếng tủ sách không phải là việc dễ dàng gì ! Đó là đặt trường hợp dân chúng có thiện chí tới xem. Dân quê Việt Nam đã sống từng ngày với sự đe dọa của súng đạn do đó chắc họ không vui thú gì khi tới một nơi mà cảnh súng đạn

bày ra trước mặt họ. Trước khi góp ý với tác giả về trụ sở của tủ sách, một điều mà chúng tôi cũng cần nói lên là trong Ủy ban Hành chánh xã hiện thời có 1 ông được gọi là « Ủy-viên Văn-hóa Giáo dục Xã » và ở ngay trụ sở xã nơi chúng tôi từng cư ngụ, chúng tôi thấy các tấm biển treo trước trụ sở như sau. Ngay chính giữa có 1 biển lớn đề : « Trụ sở xã... », bên phải 1 biển khác đề là : « Phòng Y-tế xã... », bên trái 1 biển khác đề là « Phòng đọc sách xã... » Như vậy trong tổ-chức hành-chánh mỗi xã có cả việc thiết lập 1 phòng đọc sách cho dân chúng chứ không phải không có đề tác-giả «Tủ sách xã thôn» phải lo lắng tìm cách thiết lập 1 trụ sở. Nhưng than ôi, khi bước vào phòng đọc sách thì chả thấy sách

đâu chỉ thấy mấy cái ghế bố cùng mùng màn của mấy chú lính dân-vệ phòng vệ trụ-sở xã!

Không biết ngân sách xã dành cho «Phòng đọc sách xã» được dùng để làm gì? Ông Ủy-viên Văn-hóa Giáo-dục xã được bầu ra mỗi tháng lĩnh lương của dân, ông làm gì cho cái Văn-hóa Giáo-dục của xã? Ngay ở các ấp, chúng tôi tận mắt trông thấy những trụ sở xây gạch xinh xắn trên có hàng chữ đỏ được vẽ to tồ bố lên tường: «PHÒNG ĐỌC SÁCH». Ở phòng này có kê cái bàn giấy của ông Trưởng-Ấp và hàng ngày các anh Nhân dân tự-vệ tới đây canh gác. Chỉ có thế! Trường hợp «Phòng đọc sách» ấp này có người nói đó là một nguy trang của chính quyền để tránh sự phá hoại?

Trở về trụ-sở của một tủ sách xã, theo như chúng tôi được biết, đã có trong ngân sách xã. Bằng chứng hiển nhiên là dân chúng đã đi bầu 1 ông Ủy-viên Văn-hóa Giáo-dục cho họ! Có điều chỉ có vỏ mà không có ruột. Trách-nhiệm ông Xã-trưởng phải nhận lãnh!

Một khi có ngân-sách xây trụ-sở, chúng ta cần gì phải xây trong hàng rào Hội-đồng Xã. Chúng ta sẽ xây cạnh Hội-đồng Xã cho dân chúng dễ dàng lui tới.

2.- Cần tập cho dân chúng có thói quen đọc sách.

Công việc đồng áng là một công việc vất vả, khổ sở và tốn nhiều giờ giấc của dân chúng. Trong thời-dụng-biêu

hàng ngày của dân quê là sáng dậy sớm mang trâu ra đồng cày cuốc, đến xế trưa về ăn uống nghỉ ngơi một chút rồi tiếp tục những công việc nông tang khác như sửa lại cái cày, đan lại cái lò cái lợp để bắt cá, trồng thêm luống cà luống ớt... Thế là hết cả ngày rồi! Trong thời-dụng-biêu đó ta không thấy khoảng nào để giải trí cả.

Thực ra những lúc sau này, với sự bành trướng của chương-trình vô-tuyến truyền-thanh, những chiếc radio nhỏ nhỏ vừa túi tiền của dân cũng đã tràn về đến các nơi xa xôi. Bác nông phu mang cái radio để ở góc bờ khi làm ruộng. Tiếng hát vang lên khắp cả đồng lúa xanh. Chúng tôi cũng từng chứng kiến cảnh ba tôi vừa ở đồng về là ôm ngay cái radio trong khi ăn cơm và cả khi nghỉ ngơi nữa!

Tiếng hát, lời ca, nhất là những bài vọng cổ, những tuồng cải lương rất được dân quê ưa chuộng! Vì nó dễ nuốt, không phải nhọc công suy nghĩ sau cả ngày mệt nhọc như khi đọc sách. Đó là lý do khiến sách báo không được dân quê cầm đến!

Chính vì thế mà chúng ta thấy cần phải tập lại từ đầu. Nhớ ngày xưa khi còn học Trung-học nhà trường vẫn có một tiểu thư-viện nhưng nó vắng hoe không được học sinh chiều cổ đến! Chúng tôi là học sinh, bạn bè của sách vở, mà còn ngán sách vở huống hồ dân quê! Do đó ta phải tập cho họ có thói quen đọc sách.

Ai có thể tập cho dân quê thói quen đọc sách ?

Xin thưa : Các nhà giáo trẻ ở miền quê. Họ là những người có rời rào thiện chí nhưng tiếc thay những thiện chí đó không được ngó ngang tới. Nếu được khuyến khích, mỗi tuần một, hai lần, họ sẽ cùng với ông Ủy-viên Văn-hóa Giáo-dục Xã đến thăm viếng từng gia đình. Lúc đầu họ sẽ mớm cho dân quê các tin tức mới lạ xung quanh các thắc mắc, lo âu, của dân trong đời sống của họ. Dần dà họ sẽ bàn về các đề tài rộng rãi hơn, thuộc các địa hạt như văn-nghệ, báo chí, chính trị và nhất là giáo dục việc giáo dục con em họ. Với tài ăn nói sẵn có của nhà giáo, cộng với sự hợp tác của ông Ủy-viên Văn hóa Giáo-dục Xã, chúng tôi tin chắc họ sẽ thành công trong giai đoạn này.

Giai đoạn tiếp theo, khi mà dân chúng đã đề tâm đến những vấn đề xung quanh họ, ngoài việc cày sâu cuốc bẫm, nhà giáo cùng ông Ủy-viên sẽ mang đến cho họ những quyền sách đồng thời giới thiệu với họ vô số sách báo hữu ích khác hiện đặt tại "Tủ sách xã thôn" của họ nữa. Khi quyền sách đến tay dân quê một cách đúng lúc, hợp tình, hợp lý, chúng tôi tin rằng họ sẽ không thờ ơ. Những chiếc radio đã từng được họ yêu dấu, những quyền sách sẽ được họ nâng niu hơn nếu họ thấy được những ích lợi của nó.

Lời Kết : Cuộc chiến đã kéo dài quá lâu, mọi người đã mỏi mệt vì chiến đấu. Nền giáo dục đã bị bỏ bê

một cách thậm tệ, chỉ ở Saigon người ta mới thấy được sự tìm tòi học hỏi ở các Thư viện nhất là Thư viện Quốc gia. Còn ở tỉnh sự hoạt động của các Thư viện hầu như không có, nhất là ở các tỉnh lẻ. Phòng đọc sách tỉnh chỉ là căn nhà hẹp, sách vở bày ngổn ngang. Ông Thủ-thư chỉ là người giữ sách chứ không cho ai mượn đọc bao giờ. Lại thêm cái nạn nay dời chỗ này mai dời chỗ khác, riết rồi dân chúng không buồn tìm xem "Tủ sách" nằm ở đâu nữa.

Rồi đến sinh hoạt của những Thư viện các trường Trung học tỉnh lỵ lại thế thảm hơn ! Nay mở cửa rồi mai đóng cửa, có thể nói học sinh bây giờ rất thờ ơ với sách vở. Lỗi ấy do ai ? Do tất cả chúng ta ! Bây giờ phải làm lại từ đầu tức là phải lập lại cho các em thói quen đọc sách cũng như tập cho dân quê thói quen đọc sách vậy.

TRƯƠNG VĂN THANH

9-1973

Tìm đọc :

Tập San Sử Địa. Số 26

Xuân Giáp Dần

Nhiều bài vở đặc sắc

Hoàng Xuân Hãn với bài : « Đúng Ba Trăm Năm Trước » ghi chuyện ngưng chiến năm xưa thời Nam Bắc Phân tranh.

קניין

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Lá thư nước ngoài

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Căm-Bốt 9-10-73

Anh Ch.

Lại rời quê hương. Lại đến đất Căm-Bốt. Đời dài được bao nhiêu, sao cứ phải chia ly mãi ! Sáng nay ngồi đợi máy bay ở phi trường tôi thấy cuộc đời đi làm « ký » xứ người thật vất vả. Bỏ lại những gì mình quen thuộc, thương yêu để đi tìm những ngõ ngàng mới lạ. Gian phòng trọ, chiếc máy bay, cái va-li và những khuôn mặt mình chưa hề gặp.

Kể anh nghe một chuyện, ở phi-trường Tân-sơn-nhất tôi gặp một anh chàng ký giả đi săn hình ảnh, người Pháp. Anh chàng đòi tiền, ham lời nên bị lừa : gói bạc chỉ có hai tờ giấy một nghìn ở trên, còn dưới toàn là giấy hai chục. Anh chàng đưa tờ một trăm đô-la ra, tưởng vợ được sáu chục ngàn V.N., ai ngờ !

Vì máy bay muộn nên hành khách được mời lên phòng giải khát ăn phần « xăng-uyt » mà đáng lẽ phải ăn trên máy bay. Tôi ký xăng-uyt nên đi tìm món Việt-Nam. Anh chàng ký bị lừa trách tôi sao không nhận xăng-uyt để trao cho anh ta. Thế là tôi chạy đi đòi về. Khi người ta mang món hủ tiếu bò kho cho tôi, thấy anh chàng còn đói, tôi lại mời anh chàng ăn luôn. Lúc ấy anh chàng mới bảo suốt từ hai hôm nay chỉ ăn chuối nên phải tìm đường về xứ.

Cổ nhiên là trước cái liên-hệ đồng nghiệp—Nói cho có vẻ quan trọng chứ đồng nghiệp hay không đồng nghiệp, đứng trước những hoàn cảnh như vậy thì chắc mọi người đều hành động giống nhau—anh chàng ngạc nhiên quá và từ đấy chỉ lo khênh hộ cái xách cho một bà Miên có thai, vì nếu anh không khênh thì tôi khênh. Mọi người đều vui vẻ và cổ nhiên tôi là người vui nhất vì anh chàng ký hết dám nghĩ xấu về

người Việt Nam ta. Nếu anh chàng bị lừa là tại anh chàng ham đòi tiền ăn lời nhiều chứ !

Anh đừng phê bình là vô duyên nhé, ở đời phải có người khôn kẻ khờ chứ. Hồi xưa mẹ tôi cứ lo mãi rằng ra đời chắc tôi sẽ bị lừa, nhưng rồi tôi khờ quá chẳng ai nỡ lừa.

Đến Căm Bốt kỳ này tôi được tiếp đón nồng nhiệt, chẳng bù với hồi 1966. Tòa báo gửi đi làm cái phóng-sự bà Jackie «ex» Kennedy mà tôi thật khờ sở, không dám khai nghề nghiệp sợ bị trục xuất vì không có bang giao giữa Miên-Việt.

Anh biết tại sao tôi lại bỏ lên cái xứ dễ ở khó về này không ? Tại sang Đài-Loan bị báo China-Post phỏng vấn nên các ông ở tòa Đại sứ Căm-Bốt đi tróc cho ra, họ gọi đến tòa Lãnh-sự Việt Nam. Các ông đâu có biết gì phải hỏi Bộ Thông Tin mới tìm ra địa chỉ của «Ký». Thế rồi họ nhất định là kỳ này thế nào tôi cũng

phải sang lại xứ Căm-Bốt. Nề quá nên phải nhận lời. Có người từng nghe Cô Ký chất vấn ông Hoàng Sihanouk qua đài phát thanh ngày xưa và còn nhớ «Ký» bị ông hoàng trách một câu rất cay cú :

«Người thì dễ thương mà hỏi thì ác». Họ cố tưởng tượng về cô Ký, bây giờ mới gặp.

Tôi hỏi có thất vọng không? Họ trả lời biết trước rồi nên không thất vọng, làm ký giả không thể nào như mình tình được vì giờ nào điếm trang, giờ nào làm việc.

Hôm qua đi ra tiền đồn, chỗ này là một ngọn đồi họ mới chiếm lại được, mà các ngọn đồi kia cao hơn thì còn là của «bên tề». Nghe đạn ào ào cũng vui tai, biết trước số mình còn nặng nợ, phải sống để viết cho đủ 50 quyển sách mới chết nên không sợ, còn 30 quyển nữa!

Anh có biết tại sao tôi đi làm cái nghề «nói láo ăn tiền» này không? Để có chất liệu mà viết mấy quyển tiểu thuyết, chứ nếu không thì cứ đào bới mãi ở con người mình với chung quanh họ hàng rồi hết đi thì sao.

Kể thêm anh nghe một mẩu chuyện nhỏ mà đã có một vài lần tôi đề cập đến, đây là chuyện những người Việt ở Căm Bốt tản cư. Họ sống nhờ trong đền Cao Đài, chẳng mấy ai biết đến, chỉ có sự giúp đỡ khẩn cấp của tòa Đại-sứ V.N mà thôi. Cả mấy năm rồi xin mở cái trường mà mãi không được. Hình như tòa Đại-sứ đã can thiệp rất nhiều lần, quân

đội Miên mới trả lại cho một nửa đất, chứ trước kia ở còn chật chội nữa.

Tình cờ hôm nay người ta đưa tôi đi viếng mấy cái trại tản cư của người Miên. Sau đó trong bữa ăn có một ông người Hoa Kỳ ở Liên Hiệp Quốc, ông ta muốn ăn chung để xem Ký Việt ăn nói ra sao. Nhân tiện tôi đưa vấn đề trại tản cư Việt ra, thế là ăn xong chúng tôi đi ngay đến trại ấy. Vào tìm ông trưởng trại ra, tôi làm thông dịch, hỏi trại cần gì? Ông ta chỉ xin mở một ngôi trường cho trẻ em mà thôi. Mấy lần cũng chỉ xin có thể. Ông bạn Hoa-kỳ nghe nói liền hứa sẽ can thiệp. Nhưng hứa là một chuyện, chắc tôi còn phải viết thư nhắc thêm nữa.

Ông ta bảo là không biết, chứ biết thì đã làm ngay rồi vì kinh nghiệm ở Hoa Kỳ đã cho thấy không cho người da đen học hành thì kết quả như thế đấy. Ông trưởng trại còn nói là đã có đủ thầy, có cái đình, không xin gì ngoài việc xin phép được mở trường mà thôi.

Anh xem đấy, người Việt Nam oai hùng không? Không xin lương thực, tiếp tế, tiền nong, áo quần, mà chỉ xin cái giấy phép để được học hỏi. Ông Trưởng trại là thầy Cao Đài, gặp tôi, ông nhìn ra ngay. Cô là cô Ký đã đến đây và hiện làm đâu bên Pháp phải không?

Từ nay cho đến ngày mai, trước khi lên đường đi Thái Lan tôi phải vào thăm trại một lần nữa. Anh đừng vội lên án tôi rằng tình cảm, sao lại có biên giới nhé. Người tản cư thì

ai cũng khờ giống nhau nhưng đây là xứ người, dân Miên tản cư được chính phủ Miên săn sóc, các tổ chức quốc tế săn sóc. Đến cái nhà vệ sinh mà cũng được Nhật Bản viện trợ. Còn dân mình thì chẳng ai nhìn đến.

Ngày nào tôi về, sống yên một chỗ (lạy trời cho cái chỗ ấy phải là ở Việt Nam nhé, trời) chắc tôi sẽ có nhiều chuyện để kể cho con cháu nghe lắm.

Hôm qua nói chuyện với một ông Tướng chỉ huy các mặt trận ở con đường số 4. Ông ta thân hành lái xe cho «Ký» đi quan sát khắp nơi. Một người đặt câu hỏi, như vậy có nguy hiểm không? Ông ta bảo, nguy là chỗ của Tướng, kệ, cứ đi. Ngồi trên xe lắc lư như xe ủi đất vì đường lên núi mới làm, thế mà vẫn vui, kể anh nghe cho anh thêm.

Tôi hỏi ông ấy, nếu bây giờ Si-hanouk trở về thì ông sẽ làm gì? Đi ra nước ngoài trốn hay ở lại để chui vào rừng kháng chiến. Ông ta bảo, chắc phải chui vào rừng vì bỏ bao nhiêu công lao vào đây mà nếu mất hết thì sống ở nước ngoài vô duyên quá.

Quên không nói cho anh nghe chuyện «mấy ông trí thức» ở đây. Họ là một nhóm người được huấn luyện ở xứ ngoài, rất nhiệt thành với xứ sở. Họ chưa chịu tham chính, cho rằng nước mạnh thì phải có kinh tế mạnh, thế là ông nào cũng chạy đi lo khai khẩn các thứ đất đai màu mỡ.

Họ có vẻ nâng đỡ nhau chứ không

ganh ghét nhau, nói xấu nhau. Một ông đi thì cả đoàn đi tiễn, ngồi lại cho đến khi máy bay cất cánh, phi trường đóng cửa. Cái sự kiện này coi bộ xứ nhà hơi hiếm, chắc tại xứ mình quá nhiều nhân tài chẳng?

Ở đây tôi gặp lại một ông Thụy-sĩ quen hồi ở xứ nhà, hồi ấy tôi chỉ cho ông ta một bản đàn của Bach, ông ta đàn cũng khá. Hôm qua tôi hỏi thăm đàn đến đâu rồi? Ông ta cúi mặt ngượng ngịu trả lời, tôi không có đàn.

Tôi rất ngạc nhiên, còn ngạc nhiên hơn khi nghe ông ta kể chuyện rằng khi rời V.N. ông ta đã mang quá nhiều đồ đạc nên đã gửi cây đàn lại cho một người bạn gái. Hẹn rằng sẽ trở về mang đi. Thế rồi bao nhiêu bạn bè mà ông ta nhờ về tìm cô bạn. Thì người nói không gặp, người nói gặp, mà không nghe giải thích gì cả. Cuối cùng nghe bảo rằng cô ta đã bán cây đàn đi rồi, và ông ta nhận được cái phong bì có 30 đô-la!

Anh nghe câu chuyện có kỳ dị không? Ông ta còn phàn nàn rằng cây đàn ấy mua một trăm đô-la. Cô ta thật chẳng biết buôn bán gì cả.

Tôi đã trách ông ta rất nặng. Không bao giờ đi mà để đàn lại, thà bỏ một ký vàng chứ không bỏ đàn. Trừ phi mình yêu người đẹp thì lại là một chuyện khác. Ông ta cãi một hồi nhưng cũng phải chịu là đã làm một cái tính sai.

Cuối cùng ông ta hỏi tôi có cho phép ông ta mượn cây đàn của tôi về nhà một tiếng đồng hồ không? Cổ

nhiên là một trăm nghìn lần không. Với con người có cái tác phong bỏ đàn lại để ôm các thứ ngọc ngà khác thì có thể nào tôi để cho ôm cây đàn của tôi.

Nhắc lại hôm qua đứng trên ngọn đồi Sambour, nhìn những khẩu súng 105 ly nhả đạn, một lát sau tiếng đạn nổ lần thứ hai vọng về. Chung quanh toàn đồi với núi tôi cố ý quan sát cả ngoại giới lẫn nội tâm để xem mình nghĩ gì và thấy gì. Ngày xưa chiến tranh coi bộ vui hơn, ngày nay hai bên bắn nhau mà chẳng thấy mặt nhau, mất vui.

Tôi cứ trèo lên cao đứng, trong khi mọi người gọi bắt xuống. Họ sợ giùm cho tôi.

Lên đường đi Bangkok : Tôi ngấy mấy cái phòng trọ lên đến cỡ. Chắc chúng nó cũng ngấy tôi, gặp nhau hoài mà không ngấy sao được. Mới rời Saigon có hơn một tuần đã muốn quay trở về. Anh thấy cái số tôi có kỳ dị không, đến Bangkok đúng vào ngày sinh viên nổi dậy, nghe súng nhìn xác chết, kính xe hơi vỡ vụn đầy đường. Tội nghiệp nhất là những du khách đến Thái Lan có mấy ngày, chưa kịp mua bán gì đã nghe bị lệnh giới nghiêm, két của khách sạn lớn nhất cũng hết tiền không có để đổi. Chỉ có hai hôm mà coi bộ chịu không nổi. May quá chính phủ chịu thua sinh viên vì dân chúng đều một lòng với sinh viên. Giờ này ngoài đường vẫn chỉ có hướng đạo sinh giữ trật tự cảnh sát không dám đứng lẻ tẻ. Hôm qua có mấy ông đứng lẻ bị sinh viên đánh đến chết.

Ai cũng cười, chê xứ Thái chưa

biết mùi vị thế nào là sinh viên xuống đường. Các xứ khác người ta xuống đường cả chục lần mà chẳng ai chết. Xứ này mới có hai ngày mà số người chết và bị thương đến cả nghìn. Báo chí gào thét xin máu để cứu các nạn nhân không ngớt.

Theo tôi thì người Thái có tiếng là dữ nên khi có sự tranh đấu thì cả hai bên đều dữ ngang nhau. Mạnh ông nào ông ấy quật, có thể thôi.

Hôm nay yên, hết giới nghiêm; xứ của họ đêm mà giới nghiêm 10 giờ đêm thì làm ăn với ai. Chỉ có hai ngày mà con số thiệt hại của các hiệu buôn cộng lại đã khá nhiều.

Hôm qua mọi người còn sợ là phi trường sẽ đóng cửa đấy, may quá nếu không lại giống như hồi ở Cẩm Bốt. Anh có thấy cái số của tôi hay gặp những sự phức tạp đó không?

Cả đời không đi dự Thế-vận-hội, vừa đến thì có vụ Ả-rập giết và bắt cóc các lực sĩ Do Thái ! Không đi xem biểu diễn máy bay bao giờ, mà đi thì chiếc Tupelev nổ. Đến Cam Bốt kỳ trước, thì gặp lúc người tình của con gái ông Hoàng ném bom xuống trại gia binh; lần này sang Bangkok thì nhằm dịp sinh viên xuống đường v.v... Có vậy mới viết được, anh sẽ nghĩ thế chứ gì.

Còn những dịp lẻ lạc thì hoặc là bị ốm, hoặc là phải di chuyển gấp. Nói chung là cái số vô duyên.

Thôi không thêm than nữa. Kiếp sau sẽ đổi nghề, Thăm anh và các anh em Bách Khoa.

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Những vòng hoa xương rồng

Lê bảo rằng anh yêu hoa hướng dương trong khi tôi nhất định chỉ thích hoa xương rồng. Không rõ có bao nhiêu thành thật trong câu nói của Lê vì tên tôi cũng là «*Hướng Dương*» và tôi ngờ rằng anh có một chút đùa cợt trong đó.

— Dù sao thì chúng ta cũng gặp nhau ít nhất ở một điểm : cả hai loại hoa đều cùng nở dưới ánh sáng mặt trời. Đồng ý không cô bé bướng bỉnh ?

Chúng tôi cười lên vui vẻ sau câu nói của Lê.

Lê hơn tôi bốn tuổi, đủ để tôi chịu nhận anh là một người lớn đối với tôi và nghe lời anh một cách khá ngoan mà không tìm cách cãi lại, dù rằng cãi-chỉ-đề-mà-cãi.

Thật ra Lê già dặn hơn số tuổi anh có. Anh rắn rỏi như một cây trắc bách diệp và trưởng thành như một người ba mươi. Tôi tìm thấy ở anh nhiều hình ảnh : một người chú, một người anh, một người bạn. Anh đóng các vai trò đó một cách hoàn hảo trừ việc anh không chịu tỏ ra chịu đựng tôi. Và như vậy tôi rút ra một kết luận khôn ngoan là tốt hơn là càng ít giận hờn càng hay đối với những người không thừa nhiều thì giờ như Lê. Cách duy nhất để tôi đo lường tình cảm của Lê là những lần sóc kín đáo anh dành cho tôi.

Bàn tay nâng đỡ qua những cơn đường gập ghềnh khi công tác, thái độ ân cần dưới những mái hiên qua cơn mưa lớn, những nhắc nhở dịu dàng về việc học hoặc đôi khi cả những kỷ niệm thời thơ ấu của anh. Tôi cũng đủ thông minh để hiểu rằng không phải tự dưng mà một người bản tính ít nói như anh lại chịu khổ ngồi kể chuyện đời xưa với một kẻ mình chẳng có tí cảm tình nào. Và vì vậy, tôi cố tỏ ra xứng đáng, nghiêm chỉnh làm theo những gì Lê khuyên dù rằng việc đó ban đầu không thích thú gì cho cái tính ngang ngạnh của tôi.

... Thỉnh thoảng tôi gặp Lê trên các đường phố. Khi thì anh đang đeo một anh hay một chị ôm thùng lạc quyen trên chiếc xe gắn máy, khi thì anh ngồi trên chõ phảm vật cứu trợ với một đám bạn trông giống một đoàn di dân. Cũng có khi Lê đi bộ. Trông thấy tôi đang hối hả chặn một bộ hành hoặc đang hăm hở ghim huy hiệu lên vai áo một người khác, anh thường reo lên :

— A, gặp cô bé rồi. Cố lên nghe ! Sẽ có màn tuyên dương nữa đó.

Tôi thừa biết anh nói đùa nhưng cũng hăng hái thêm lên một tí. Chúng tôi làm việc và cầu mong cho ngày đi học lại càng đến trễ càng tốt. Làm sao chúng tôi yên ổn ngồi trong lớp học khi có từng đoàn các đồng bào

khốn khổ của chúng tôi đang chờ đợi một cứu giúp thật khiêm nhường. Họ cần có một ít gạo và một bộ áo quần đủ để chống lại những cơn gió tàn nhẫn đang rít lên ngoài kia. Họ cần một thời gian để khôi phục lại tâm trí đang bị khủng hoảng nặng nề. Gia súc mà họ tung tiu, hoa màu mà họ chăm bón, nhà cửa mà họ gây dựng, của cải mà họ đã đổ bao mồ hôi mới tạo được, tất cả đã vượt khỏi tay họ chỉ trong chớp mắt. Trên những năm mồ chưa kịp xanh của những con trai họ đã phải ra đi, họ đã bắt lực xuôi tay nhận chịu cái hèn yếu của tuổi già trước bạo lực của đất trời. Nhưng họ chưa hề tỏ một dấu hiệu nào của sự đầu hàng. Sức mạnh vẫn còn tiềm ẩn trong trí óc đơn giản của họ. Tôi đã nghe một bác nông dân nói khi tôi đến một ngôi chùa ở ngoại ô thành phố:

— Lo chi cô. Năm mô lại chẳng có bão lụt. Mà cô coi có ai chết đói luôn đâu. Quen rồi cô ơi.

Đó không phải là một thái độ chấp nhận mà là một phản kháng ôn hòa, từ tốn. Và cũng chứa đựng một thách thức kín đáo nữa. Tôi nhận thấy mỗi đường nhăn trên mặt bác có một giá trị riêng của nó. Trong đôi mắt hiền từ kia có một đám lửa, trong hai cánh tay rám nắng kia có sức mạnh của một ngọn giáo bén.

Bác nông dân sáu mươi tuổi ấy nói tiếp khi bác co ro ôm lấy đầu gối, trong manh áo nâu cũ của bác:

— Cô đã về quê lần mô chưa? Cô đã thấy cảnh làm ruộng chưa?

— Dạ có chứ. Nhưng lúc còn đi lại được kia. Cũng bốn năm rồi cháu không còn dịp nữa.

— À !.... Cô thấy người mình họ sống ra rãng chứ. Thức khuya dậy sớm, mót từng củ khoai từng hột đậu mà họ có than thở chi đâu. Hễ còn đất thì còn sống được, không lo. Cô có biết Đại Lộc không? Quê tôi ở đó.

Đại Lộc, Quế Sơn, Thanh Thủy, Duy Xuyên... những địa danh thân yêu quá với tôi. Những miền quê của sức cần lao, của sự phấn đấu không ngơi nghỉ nằm trong những bàn tay gân guốc của dân tôi. Đôi khi nghèo cũng là một điều ích. Nó khiến người ta thăm định được khả năng và ý thức được kết quả việc làm của mình. Mỗi hạt thóc là một bằng chứng hùng hồn tỏ rõ người nông dân đã thắng được biết bao địch thủ. Họ đã đạp dưới hai gót chân nứt nẻ những gì dám ngạo nghễ thách thức họ. Họ đã ôm trong hai cánh tay rám nắng cả một tương lai cho con cháu họ sau này.

... Trên đường về nhà, tôi đi ngang những quán nước có kính trong và đèn thật mờ ấm cúng. Tiếng nhạc êm vọng ra nhẹ nhẹ. Những thanh niên mặc blouson hay mantcau đủ kiểu ngồi trầm ngâm trước những tách cà phê bốc khói. Họ huyết gió khi tôi đi ngang qua.

oOo

Vì ban ngày không có thì giờ, Lè thường đến nhà tôi mỗi tối trong suốt thời gian anh lưu tại Đà-nẵng.

Chúng tôi được hưởng một chút thoải mái bên những tách trà nóng trong khi bên ngoài mưa gió rít lên phần nọ. Lê thường hỏi các nhận định của tôi về những quyển sách anh đưa tôi đọc. Đó là cách khéo léo nhất để anh buộc tôi phải nghiền ngẫm kỹ càng. Có lần tôi đùa cợt hỏi anh :

— Có phải anh định «đào tạo» Dương không ?

— Đâu có. Chúng ta chia sẻ, Dương à.

Anh trả lời ngay.

— Dương không thấy tự em, em đã có sẵn những ý tưởng giống anh rồi à ? Bởi vì chúng ta cùng sinh ra lớn lên ở một mảnh đất, cùng chịu chung những tai ương và chung hưởng những niềm vui.

Rồi Lê kể về những miền quê anh đã đến tận nơi để công tác. Qua giọng anh, tôi nhìn thấy gương mặt hãi hùng, nghe được từng tiếng rên than thống khổ của đồng bào, của ruộng đất.

— Họ yếu đuối và xơ xác quá. Và đói meo nữa. Chỉ gồm toàn người già và trẻ nít. Thấy bọn anh bơi xuống đến, họ khóc rần lên. Ba bốn ngày dầm mưa giữa một biển nước mênh mông cứ tiếp tục dâng lên mãi, em hãy tưởng tượng nỗi hãi hùng mà họ phải chịu. Có những người già đã chết rét trên các ngọn dừa, có những bà mẹ buộc cả năm con vào một sợi dây để cùng chết với nhau, có những người không chịu lạnh nổi đã đốt lửa trên các mái tranh để

sưởi và chết cháy trong vùng nước lụt...

Hôm bọn anh đến, nước đã rút bớt nhưng chỉ để lộ rõ thêm nỗi đau thương của đồng bào. Không còn một ngôi nhà toàn vẹn. Bùn và rác quện chặt những gốc tre hay những bờ tường hiểm hoai còn sót lại. Đến hôm nay vẫn còn những xác chết sinh vương đầy trên các ngọn cây mà không có người chôn cất. Nhiều làng người ta chết hết cả. Ghê gớm quá phải không Dương ? Nếu có em, chắc là em sẽ khóc.

Tôi mím môi, quả quyết :

— Không, Dương sẽ không khóc. Nước mắt không ích chi trong những trường hợp đó.

— Đúng, em đã biết chọn một thái độ thích hợp. Em là một cô bé cứng cỏi.

— Có tốt không, anh Lê, cho một cô gái ?

— Tại sao không. Đã đến lúc phái nữ cũng cần những cá tính của phái nam. Thời của các tiểu thư suốt đời không bước ra khỏi cửa đã qua rồi.

Nhìn hai tay Lê để thờ ơ trên mặt bàn, bất giác tôi liên tưởng đến bàn tay bác nông phu hôm nọ. Cũng những ngón tay xương và những đường gân xanh nổi rõ. Có gì khác biệt đâu dù họ thuộc hai thành phần khác nhau do sự phân loại của xã hội : trí thức và lao động. Có gì khác nhau giữa họ đâu khi Lê cũng đã mặc áo bà ba nâu và ăn những chén cơm sống sít với những người chắt

phác kia trong một sân nhà còn chưa rút hết nước. Sinh ra, họ đều là con người và chết đi, họ đều trở về với đất.

— Anh đã lên Ngũ-hành-sơn chưa, trong lần về ni ?

— Có lẽ anh sẽ đến đó một lần trước khi trở lại Saigon. Tại sao em hỏi câu đó ?

— Bởi vì Dương thích leo lên những bậc đá cao, nhìn xuống con đường mình đã vượt qua bên dưới. Dương thích ngồi ở một đỉnh núi, nhìn ra ngoài biển rộng đàng xa. Bao la và xanh ngắt, biển có vẻ mời gọi một chuyến đi.

— Một chuyến đi ? Với những tàn dư xanh trong những bình minh rực rỡ, với những đêm trăng mờ mênh vì những mỹ-nhân-ngư ảo huyền. Thơ mộng thật đó. Nhưng rất tiếc anh lại phàm tục đến độ không dứt bỏ được cái xã hội xấu xa này để tìm quên trong giấc mơ quá đẹp để đó. Có phải là điều em đang định nói đến không ?

— Không,

Tôi giận dữ lắc đầu.

— Đừng tưởng Dương viên vông tới mức đó. Dù chỉ đi nữa Dương cũng đã lớn lên ở cái thành phố chiến tranh ni và thấy một đôi điều đủ cho mình biết thích đi trên đất hơn là trên mây. Nhưng làm răng cấm mình rung cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên. Dương thích được sống trong một khung cảnh đơn sơ, có cỏ xanh, cá

bóng cây và nước trong hơn là phải chung đụng với tiếng động, với khói bụi ở thành phố.

— Ai lại chẳng muốn như thế. Và em thấy gì ? Cỏ đâu, hoa đâu, bóng mát đâu ? Tội nghiệp em. Chỉ có nước mắt và mồ hôi.

— Anh chưa chán quá.

— Thật đó, Dương à. Anh cũng thèm được ngắm trăng thưởng hoa như bất cứ một người có mắt, có tim và có tình cảm nào khác. Nhưng làm sao anh có thì giờ, có can đảm. Trăng có đẹp không hả Dương, với những đồng bào đang sống ở các trại tạm trú.

Lê nói đúng quá, tôi lặng thinh. Trời ơi, sao chúng tôi bị bắt buộc phải khắc kỷ đến như vậy.

oOo

Trên chuyến máy bay hai giờ chiều, tôi không ngớt tự hỏi chẳng biết Lê có nhận được điện tín của tôi không. Chúng tôi sắp gặp nhau sau nửa năm xa cách. Trong sáu tháng dài đó, thư đã bay từ Đà-nẵng đến Sài-gòn chỉ có vài ba bức. Dù Lê đã gọi tôi là cái-gạch-nổi-xinh-xắn — giữa anh và Đà-nẵng — tôi vẫn không biết phải viết gì cho anh. Trong những bức thư hiếm hoi đó, tôi kể cho Lê nghe về cái đời đi học quá bình lặng của tôi, với những việc phải làm ở nhà và ở trường. Tuyệt nhiên tôi không hề đề cập đến nỗi trống vắng trong tôi từ khi anh đến chào từ giã vào một đêm trời mưa thật nhẹ. Ờ hay, mình làm sao thế này, tôi vẫn thường

tự hỏi như vậy những lúc bắt gặp mình thẫn thờ. Có một đôi thay nào đó rất dịu dàng đã xâm chiếm tôi một cách thật âm thầm mà tôi nhận biết được. Nó giống như một đóa hồng màu tím, bé bỏng và huyền bí. Đôi khi, tôi nổi giận vì tình cảm của mình và cố tìm cách chống lại nhưng chưa lần nào tôi chiến thắng kẻ địch vô hình kia.

Khi đặt chân xuống phi trường Tân-sơn-nhất, lòng tôi không khỏi thốt lên một tiếng than thầm: Thôi, thế là mình đã xa Đà-nẵng thật rồi. Hình ảnh cha, mẹ, chị Thục, hai em hiện ra rõ ràng trước mắt khiến bước chân tôi rung rung. Con đường dẫn về ga hàng không với những biệt thự im lìm sau cánh cổng cao đầy vẻ kiêu hãnh, đường thật đông đúc các loại xe du lịch khiến tôi thấy Sài Gòn thật giàu có và xa lạ.

Vừa thấy Lê đứng ở sân ga qua cửa kính xe, tôi bỗng nhiên lúng túng. Chắc là anh sẽ quan sát tôi để tìm những thay đổi và như vậy thật đáng mắc cỡ. Biết nói câu gì để mở đầu bây giờ. Chần chừ mãi, cho đến lúc người khách cuối cùng đã bước ra thì tôi không còn lý do để ngồi lại nữa. Đứng lặng một lát, tôi nhìn về phía Lê, anh đang chậm rãi đi tới.

— Trời Sài Gòn hôm nay đẹp quá! Đón Hường Dương đó.

Thật là tự nhiên và dễ dàng. Vậy mà tôi đã mất công để chuẩn bị tinh thần. Lê đỡ chiếc va li trên tay tôi.

— Anh đã chờ Dương suốt sáu tháng nay. Cô bé làm gì ở Đà-nẵng

mà không thấy nhắc đến trong thư?

— Đâu có làm chi. Dương đi học, về nhà học bài, đọc sách, nói chuyện với chị Thục.

— Hết rồi hả?

— Thỉnh thoảng Dương đi chơi biển hay đi cắm trại với đoàn. Vui lắm. Nhưng Dương không kể ra vì sợ anh thích quá bỏ học đi về thì nguy. Nhớ lại kỳ cứu trợ vừa rồi, mau ghê anh Lê hì?

Lê đi lùi lại một chút. Tôi có cảm tưởng Lê đang nhìn ngắm tôi và sắp nói ra những ý nghĩ, nhưng anh không đề cập đến việc đó.

— Ở đây sẽ không thiếu việc làm cho Dương. Bây giờ Dương đã là sinh viên rồi đó.

— Chuẩn sinh viên thôi chứ. Dương chưa đi học ngày mốt hết mà. Hình như không có một sự liên tục nào giữa chương trình trung và đại học phải không anh Lê?

Lê gật đầu.

— Và cả lẽ lối giảng dạy, thi cử nữa. Dương sẽ tự học và lo lắng cho mình, tự khế vào một kỷ luật do chính mình đặt ra. Người lớn rồi mà.

Tôi mà cũng người lớn sao? Mới xa mẹ có mấy giờ đồng hồ chớ mấy. Nhưng có lẽ Lê nói đúng. Bao giờ anh cũng có lý cả. Tôi sắp tham dự vào một cuộc sống hoàn toàn mới mẻ, sắp hòa mình với những người hoàn toàn xa lạ. Tôi sắp là sinh viên rồi mà.

— Bây giờ Dương về đâu ?

— Về nhà bác của Dương, số 14, đường NTC. Xa không anh Lê ? Chưa khi mô Dương gặp bác cả. Sợ ghê.

— Có gì mà sợ. Nhưng bây giờ mình đi một vòng Sài Gòn đã.

Một chiếc tắc-xi trờ tới, chúng tôi leo lên. Lê chỉ cho tôi những khu phố lớn, những đại lộ chính, các công trường, các cơ quan chính phủ. Mắt tôi mở lớn để thu nhận những hình ảnh đầu tiên của Sài Gòn. Đã đọc nhiều sách báo viết về thành phố này, tôi vẫn còn một chút ngỡ ngàng trước nhịp sống quá rộn rịp của nó. Từng đám thanh niên thiếu nữ gần như chen vai nhau trên các hè phố. Đường thì không lúc nào vắng xe. Hình như ai cũng có vẻ vội vã.

Tóc tôi bay lên, rối tung trong gió.

— Này Dương, em có mái tóc dài nhất Sài Gòn đó.

— Tội quá. Anh khiến Dương mắc cỡ, Dương cắt ngắn cho coi.

Lê cười :

— Đừng làm vậy, cô bé. Có lý nào.

Tôi hất tóc ra sau :

— Đừng có kêu Dương là cô bé nữa. Anh vừa bảo Dương là người lớn mà.

Đầu Lê gục gặc, mắt sáng lên :

— Ờ há. Vậy người lớn có định sẽ làm những chuyện gì từ ngày mai không ?

Tôi ngồi thẳng người nói với vẻ trang trọng :

— Dương soạn lại sách vở, giấy tờ, đến các trường xem thông cáo. Mà Dương cũng chưa biết đường chi cả. Anh Lê này...

Quay sang anh, tôi bắt gặp một vẻ trêu chọc trên mặt anh nên tôi giả vờ nhìn sang phía khác, nín thình để anh biết là tôi đang giận. Lê tăng hăng :

— Mai anh sẽ đến Dương, có gì bất tiện không ? Anh mong là bác của Dương sẽ rất vui vẻ đón cô cháu gương mẫu và ngoan ngoãn như Dương. Đâu phải ai cũng có thể tìm được một người cháu như Dương há ?

Câu nói đùa của anh khiến tôi hết có lý do để giận anh lâu hơn. Tôi cười làm hòa. Nhưng mà... Tôi sắp phải ở đây một mình, lạc lõng giữa những người thân chưa hề quen biết. Lê sắp bỏ tôi lại rồi. Tôi kêu :

— Ờ !

Và ngay lập tức tôi thấy mình vô lý. Ánh mắt ái ngại của Lê khiến tôi thẳng được nỗi lo. Tôi đọc rõ trong mắt anh những lời dỗ dành : «Thôi mà cô bé, tập cho quen dần đi. Chả lẽ định làm con nít mãi.» Lòng tự ái nổi lên và tôi mạnh dạn trở lại.

Đến trước căn nhà số 14, tôi cười một cái để làm vui lòng Lê và nói thêm :

— Thôi anh Lê về. Mai gặp. Anh có cần Dương cảm ơn không ?

— Chúc Hướng Dương vui thật

nhiều. Anh cười thật tươi sau câu nói.

«Mình sắp phải tỏ ra chững chạc rồi đây.» Tôi nghĩ thế khi bước vào cổng nhà bác.

oOo

— Tại sao có bao nhiêu loại hoa Dương không thích, lại thích hoa xương rồng ?

Lê hỏi khi chúng tôi ngồi ở một quán nhỏ trong trường anh. Tôi không trả lời ngay.

— Tại rằng anh thích hoa hướng dương ?

— Vì hoa hướng dương luôn luôn hướng về phía mặt trời mà anh thì thích mặt trời. Này, cô bé chưa bao giờ trả lời anh, chỉ thích đặt những câu hỏi ngược lại. Tại sao !

— Có chi đâu, tại vì Dương thấy rõ là hoa ấy đẹp. Mọc lên giữa một vùng khô khan, hoa đã có biết bao cố gắng để nở ra. Hoa đã thắng được bao nhiêu thử thách để có một màu sắc riêng của mình — Anh đã trông thấy hoa xương rồng lần mô chưa ?

— Hình như một hai lần gì đó. Bây giờ, thêm lần nữa, qua lời Dương.

— Anh thấy đẹp không ?

— Đẹp chứ. Nghe Dương tả đã thấy đẹp rồi. Em có những ý tưởng là lạ.

Mắt anh lơ đãng nhìn vào đám sinh viên đang qua lại. Nhiều người chào anh, mắt sáng lên về ranh mãnh cố ý cho tôi nhìn thấy. Hình như Lê

không quan tâm mấy đến những nụ cười hóm hỉnh đó.

— Đâu có chi là lạ. Chỉ vì người ta không để ý đến thôi. Dương đã bắt gặp một hoa xương rồng trên dốc cao của ngọn Thủy sơn. Hoa màu vàng trông thật kiêu hãnh và cô độc trên một vùng toàn sỏi đá. Dương đã leo lên đó, sờ vào những cánh hoa đầy gai li ti, dòm sâu vào trong lòng nhụy, mà không hái...

— Không nở hay không dám ?

— Dương cũng chẳng biết nữa. Chỉ thấy giống như mình có tội nếu tách đoá hoa kết tinh bằng bao nhiêu phấn đấu kia rời khỏi mạch sống đang nuôi dưỡng nó. Dương rất sợ những cái chết, dù chỉ là cái chết của một đoá hoa nhỏ. Chết ! Nhắm mắt lại, xuôi tay xuống, không nghe và không nói, không thở. Nằm im. Nằm dưới lớp đất đen. Gâê gớm quá.

Một vài hoa sứ đang rụng rơi trên mặt đất. Mắt Lê sáng quá khiến tôi cảm thấy sợ sệt như một cô học trò. Anh ngồi thẳng lên.

— Phải, không có gì ghê gớm bằng cái chết. Nhưng đâu phải chỉ những người nằm dưới mặt đất mới chết. Có những kẻ đang thở, đang ăn uống, đang làm việc mà cũng vẫn đang... chết. Người ta gọi là chết dần chết mòn. Cái chết đến một cách từ từ và chắc chắn là gây nhiều đau đớn. Nhưng có thể chính kẻ ấy cũng không biết và không tự tìm cách cứu mình cũng nên. Em có tưởng tượng là anh hay em sẽ chết hay không ?

Tôi suy nghĩ một chút:

— Có thể. Nhưng không phải là bây giờ... Bây giờ, làm răng mình chết cho được, anh Lê.

— Dương tưởng bọn mình sẽ bắt tử chắc?

— Không phải. Nhưng mình đâu có đầu hàng một cách dễ dàng như rứa. Mình còn muốn sống, muốn thở và muốn làm việc mà. Dương còn thích làm sinh viên mà.

Câu cuối của tôi khiến Lê bật cười và những người ngồi gần đó quay lại. Thốt nhiên, trong óc tôi, một câu hỏi hiện ra: những người này đang nghĩ gì về Lê và tôi? Họ tưởng chúng tôi là anh em? Hay giống một đôi nhân tình hơn? Tôi nóng cả mặt vì ý nghĩ ấy. Nhưng mà... có những người yêu nào nói với nhau những gì chúng tôi đang nói hay không?

Tâm hồn chúng tôi gần gũi nhau đến nỗi mỗi câu nói chỉ cần thốt ra một nửa, phần còn lại do người kia tự hiểu lấy. Vậy mà chưa bao giờ chúng tôi vượt quá cái giới hạn đã vạch ra. Luôn luôn chúng tôi dừng lại đúng lúc như có một ám hiệu riêng biệt mà chỉ hai người thấy được.

Tại sao? Tôi thường tự hỏi mà không cắt nghĩa được. Đóa hoa xương rồng gai góc kia vẫn còn ở tít xa trên đỉnh núi cao.

oOo

— Có việc rồi Dương ơi.

Lê chờ tôi ở sân trường và kêu lên khi thấy tôi. Trời nắng. Mùa thi đang

về trên những cánh phượng lác đác rụng trong sân trường. Một lần đứng ở trên lầu, bất chợt bắt gặp một đóa hoa phượng đỏ cuồn cuộn bạo phản lại hoàn toàn nền xanh của da trời và những vòm cây sẫm màu chung quanh, tôi đã gần như sững sờ. Có nghĩa là tôi đã qua một năm ở đại học. Thời gian trôi thật nhanh mà tôi thấy mình vẫn chưa có một đổi thay nào cả.

Tôi nhìn Lê đề thay cho một câu hỏi. Anh nói tiếp:

— Buồn chứ không phải vui. Dương đọc báo có đề ý không? Hỏa hoạn ở Khu NT. Khoảng vài trăm căn nhà bị cháy. Bọn mình sẽ đến làm công tác ở đó, bắt đầu từ ngày mai.

— Có người chết không anh Lê?

— Không. Chỉ có khoảng mười người bị phỏng nhưng tất cả các gia đình ở đó hiện không còn bất cứ cái gì. Đó là một trong những khu lao động đông đảo nhất ở đô thành. Toàn là nhà vách gỗ nên dễ bắt lửa thì rất khó dập tắt. Với lại, những con hẻm chật hẹp và tăm tối đó...

Anh hít mạnh và thở ra một hơi dài. Trước cổng, rất đông người đang đứng chờ bãi học. Họ đến đón các nữ sinh viên. Ở chỗ gọi xe, tiếng nồ của động cơ xe gắn máy vang lên ầm ỹ. Trong một quán cơm, các sinh viên đang hối hả lựa vội những bát cơm cho kịp giờ học buổi trưa.

— Sáng mai, mấy giờ hả anh Lê?

— Bây giờ, em đến trường. Nhớ mặc đồ gọn.

Chúng tôi được đồ xuống bãi hoang tàn ấy vào lúc tám giờ. Rõ ràng tôi vừa đi qua các đường phố đầy người và xe cộ, phố xá và hàng quán vậy mà ở đây không có gì cả. Trên một khoảng đất rộng cả ngàn thước vuông chỉ ngồn ngang toàn gỗ cháy và than đen. Rất đông những người lớn tuổi lẫn các em bé đang lui cui bươi đào trên những đống hỗn độn ấy như tìm kiếm cái gì đó. Họ ngẩng lên, ném một cái nhìn tò mò và không tình cảm về phía chúng tôi rồi tiếp tục cúi xuống.

Các anh đang giở những dụng cụ từ trên xe xuống: cuốc, xẻng, quang gánh... trên đầu mỗi người có một chiếc nón hay mũ cũ. Các chị thì mặc quần đen với áo bà ba. Tôi cũng thế.

Một số các anh trong ban tổ chức đến tiếp xúc với bác đại diện đồng bào. Nét mặt bác lúc đầu đầy những nghi ngại dần dần trở nên vui vẻ tươi tắn. Bác vỗ vào vai các anh và cười thật lớn giọng:

— Quý hóa quá. Các anh chị giúp đỡ được chừng nào chúng tôi cảm ơn chừng ấy. Thật không còn biết phải làm sao nữa, chúng tôi rối trí quá.

Chúng tôi tập trung lại để nghe anh Trưởng đoàn Lê phân công:

— Chúng ta sẽ bắt đầu từ khu vực này và tiếp tục về phía trong. Phải dọn sạch một khu để cất một trại tạm trú cho đồng bào. Các anh

sẽ giúp các bác ở đây thu dọn những mái nhà chưa cháy hết, các chị làm những việc khác tùy theo khả năng.

Mọi người chia tay và đi tìm những dụng cụ thích hợp cho công việc của mình.

Chiếc máy thu băng nhỏ đặt trên đất phát ra những bài nhạc sinh viên. Giọng ca của người nhạc sĩ như có chất thép và căm hờn. Anh đang nghiêng rặng chuyền những đau thương thành âm thanh và nhịp điệu. Anh hát, có nghĩa là anh đang làm việc và đang phấn đấu.

Mặt trời càng lên cao, mồ hôi càng vã ra nhiều trên gương mặt mọi người. Các lưng áo đều ướt đầm. Nhìn các anh chị làm việc tôi không dấu được ngạc nhiên. Họ nhanh nhẹn và thành thạo như những lao công lành nghề. Không còn anh với những chồng sách dày trong giảng đường hay thư viện, không còn chị với tà áo dài thướt tha hay bước chân thông thả. Họ chen vào giữa các bác các thím kia, không phân biệt được. Họ đang vung tay lên và đổ mồ hôi xuống lớp đất tro than này.

Một em bé gái đứng cắn ngón tay nhìn chúng tôi. Ngược lên, tôi hỏi để làm quen:

— Nhà em lúc trước ở đây hả?
Ba má đâu rồi?

Và tôi nở một nụ cười mà tôi cho rằng dễ thương nhất. Nhưng em bước lui, tay vẫn ngậm trong miệng, nhìn tôi với vẻ lạ lùng lẫn sợ sệt. Rồi em

quay lưng, chạy khuất vào một hóc hẻm nào đó.

Qua giây phút chứng hứng đầu tiên, tôi dần dần nghiệm ra được lý do. Thật đơn giản : cho đến bây giờ tôi vẫn chưa phải là-một-người-đề-cho-em-thân-mật-được. Tôi vẫn còn lặn lặn trong khi em rách rưới, tôi vẫn còn đến trường trong khi ngày mai em chưa chắc đã được ăn no. Làm sao tôi đòi hỏi ở em niềm thương và tình thân ái khi tôi còn quá cách biệt với em, còn quá đầy đủ so với những thiếu thốn mà em đang gánh chịu.

Tôi sẽ phải làm gì đây ? Câu hỏi hiện ra như một tra vấn chua xót vừa dâng lên trong tôi. Phải làm gì để danh từ sinh viên tôi vừa được khoác lên sẽ không phải mang một ý nghĩa mỉa mai ?

oOo

Khi đêm đã phủ xuống cảnh vật, chúng tôi ngừng tay để sửa soạn ra về. Cả một vùng rộng lớn chìm trong bóng tối. Lê và tôi đi qua vùng đất đồ nát đó mà không nói với nhau một lời. Những ngọn đèn cây leo lét sáng lên ở một vài xó, hình như một vài gia đình đang dùng bữa tối. Tôi không biết trên mâm cơm sẽ có những thức ăn gì. Ngày mai các em bé như em bé lúc này sẽ chui vào đâu để tránh cái nắng bỏng da của Sài Gòn và đêm nay các em sẽ ngủ đâu

nếu không phải dưới màn trời với bày muỗi đặc nghệt trong lòng các ống cống.

Tôi nhìn sang Lê. Tôi không trông thấy mắt anh. Anh đang cúi đầu, nhìn mặt đất hay nhìn chính bước chân anh. Trên cao, sao trời nhấp nháy như làm dáng. Gió lướt qua mang theo mùi khen khét. Ờ hay, sao chúng tôi chẳng nói gì cả. Sao Lê không lên tiếng, sao tôi vẫn im lặng. Không còn gì bày tỏ hay sao ? Không còn cả ngôn ngữ ?

Bỗng nhiên, Lê dừng lại :

— Này Dương, em có thấy ? Đêm yên tĩnh như một lời nói dối.

Có, tôi có thấy. Sự im lặng này bất ổn quá, giả trá quá. Đó không phải là một im-lặng-chết.

— Giống như một sân khấu khi cuộc vui tàn. Nhưng với chúng ta, không hề có cuộc vui mà chỉ có sân khấu. Chúng ta vừa là diễn viên vừa là khán giả. Một sân khấu chưa bao giờ buông màn cả. Em có thấy thế không ?

Lê đã chọn đúng lúc để tỏ bày điều đó. Anh đặt tay lên vai tôi. Gió thổi tóc tôi bay về một hướng. Và tôi chợt biết, ấy là lúc Lê đã quàng vào cổ tôi vòng-hoa-xương-rồng-cay-đăng.

VÔ ƯU

SÁCH MỚI

Đã phát hành :

- Cuộc săn tìm vũ khí bí mật của HITLER
- Cuộc mưu sát các lãnh tụ Đồng Minh

Sắp phát hành :

- HITLER và các danh tướng Đức quốc xã
- Các tên ác quỷ của Y khoa dưới thời đệ II thế chiến.

Người Sông Kiên và Lê Thị Duyên dịch
Sông Kiên xuất bản — Nguyên Nhiều phát hành

HỌC THI TRẮC NGHIỆM



- * **TRUNG HỌC 74** Chương trình cập nhật hóa, hướng dẫn làm bài thi trắc nghiệm, cho đề thi trắc nghiệm.
- * Ban giáo sư tu nghiệp tại Hoa-kỳ nắm vững phương pháp học và thi theo lối trắc nghiệm.
- * Đầy đủ các lớp trung học, đặc biệt lớp 12 A B C cho những người chưa có *Tú Tài I* nay được học thăng thi Tú Tài Phổ Thông Toàn Phần Mới.
- * **GIÁO DỤC TRẮNG NIÊN ĐẠI HỌC :** Ghi danh và lấy cours, **LUẬT, VĂN KHOA.**
- * Các bạn lựa trường có thể đặt tin nhiệm nơi trường hàm thụ đầu tiên tại Việt Nam có uy tín nhất:

TRƯỜNG TÂN HÀM THỤ

23 Nguyễn văn Giai, Đakao (gần Cầu Sắt) Saigon I, Đ.T. 95.753

Cắt hay chép phiếu dưới đây gửi về đề lãnh thẻ lệ, mẫu đơn.

Thỉnh cầu Ban Giám Đốc Trường Tân Hàm Thụ 23 Nguyễn văn Giai, Đakao, Saigon I — Gởi ngay (kín/không kín) thẻ lệ và đơn.

Tên _____ Địa chỉ _____

TH/lớp _____ VK hay LK/năm _____

(Hội thẻ lệ Trung học, Đại học miễn tem)

- ★ Các bạn ở bất cứ địa chỉ nào trong và ngoài nước cần mua đủ loại sách xin liên lạc với **BAN THƯ PHẦM T.H.T.** (cùng địa chỉ trên). Hội thẻ thức hướng dẫn mua sách kèm 45đ tem (trong nước) hay 1 coupon bưu điện (ngoài nước) *Mua Thư Mục Tổng Hợp Chỉ Nam* (ghi đầy đủ sách hay lựa chọn kỹ càng) giá 180đ hay 6 coupons (Thư từ nên gửi bảo đảm để tránh thất lạc.)

Thơ MINH ĐỨC HOÀI TRINH
MÂY BAY

Tôi đi tìm anh
Trong đám rừng người
Trong đám rừng cười
Trong màu tóc xanh

Nhưng anh không đến
Vì sao hờ anh
Tình như tơ nhện
Vương vương mong manh

Cái nhện chẳng tơ
Để bầy cánh ruồi
Người ta chẳng tơ
Để vương bước người

Hỡi sao anh ơi
Cửa đời khép chặt
Nẻo đời muôn nơi
Hoa mùa ủa sắc

Trong đám rừng người
Tôi nghe xa xôi
Trong đám rừng cười
Nức nở mà thôi

Bao giờ sao rụng
Cho tôi nhặt về
Kết vòng hoa sao
Nghe lòng tái tê

Tôi chờ hôm nay
Tôi mong ngày mai
Mây bay, mây bay
Màu đêm chưa phai

Bao giờ anh ơi
Cho ta gặp nhau
Cho buồn ra khơi
Cho ngừng thương đau

Mây vẫn còn bay

Mây bay hoài, sao mây vẫn còn bay
Người đi hoài sao chưa ngừng nơi đây
Tình cảm hoài bao giờ tình mới nói
Rượu vui hoài sao mình vẫn chưa say

Xin hãy quên đi cuộc tình dang dở
Tự kiếp nào sao chẳng nói yêu nhau
Tự kiếp nào sao tim còn bỏ ngỡ
Nước mắt xanh, xanh mãi tận ngàn sau

Xin hãy nhìn nhau sâu vào đáy mắt
Xin hãy ghi nhau cho nhau nát thịt da
Còn một giờ thôi vì sao đêm chợt tắt
Người lối đi người, ta theo lối đi ta

MINH - ĐỨC HOÀI - TRINH

Thơ BÙI KHIẾT

Tình yêu tiên kiếp

Thời đã qua rồi những tháng năm
tình yêu tiên kiếp đến âm thầm
Anh như mây trắng bay ngoài nội
soi xuống hồn em đáng tuổi trong

Mơ ước ngàn xưa chợt trở về
trong tim hơi thở cháy đam mê
Lời yêu thần thánh vang kinh nguyên
Theo bóng người yêu thoáng hiện về

Ôi đáng kiêu sa em hiện đến
tóc mây hong sẫm một mùa thu
trời xanh thấp mắt em bừng sáng
niu kéo hồn anh thoát ngục tù

Thời đã qua rồi những tháng năm
lá me theo gió xuống âm thầm
Nghe câu tình tự mùa xuân trước
Em đến làm sao hết ái ân !

*Nhà SÙNG CHÍNH, HUẾ vừa phát hành
1000 ấn bản đặc biệt*

NGHIÊN CỨU VIỆT NAM

Niên san 1973. tập I

Niên san nghiên cứu Văn minh Việt nam

*một tập hợp rộng rãi các nhà nghiên cứu,
một nội dung phong phú, một hình thức trang trọng*

với

— **Nguyễn văn Hai**, Giáo dục thường xuyên tại Việt nam — **Nguyễn Toại**, Nhớ lại hội hè đình đám — **Tôn thất Hanh**, Văn đề nước — **Tạ Chí Đại Trường**, tiền kềm và cuộc khủng hoảng tiền tệ ở Nam hà vào hậu bán thế kỷ 18 — **Sơn hồng Đức**, Thủy học niên Trị Thiên — **Vũ Khánh**, các thể loại dân ca Thanh hóa — **Nguyễn hữu Châu Phan**, chính sách cai trị của Tây Hán và Đông Hán tại Việt nam — **Nguyễn Phương**, Đại cổ Việt — **Phan Thuận An**, công cuộc kiến trúc phòng thành Huế — **P.J. Honey**, Trương Ngọc Phú, Bối cảnh lịch sử Việt nam. Phần I: Việt nam vào thế kỷ 17 — **Nguyễn Hữu Đính**, Lâm phần miền Nam Việt nam và vai trò trước mắt của rừng rú chúng ta một khi hòa bình được thật sự văn hồi — **Phạm Cao Dương**, **Nguyễn Thế Anh**, Hội nghị quốc tế các nhà Đông phương học lần thứ 29 tại Paris — **Nguyễn Thế Anh**, Bản qui chế giáo dục năm 1906 — **Trần Anh Tuấn**, giới thiệu một tác phẩm về Việt nam vào thế kỷ XVII của giáo sư Philippe Langlet — **Trần Đức Tường**, về tác phẩm «Lịch sử chính trị và bang giao quốc tế thế giới hiện đại» của giáo sư Hoàng Ngọc Thành.

Chủ biên : NGUYỄN HỮU CHÂU PHAN

Nhà xuất bản Sùng Chính

8 bis Nguyễn Huệ — Huế

hay 68/12 Trần quang Khải (Đakao) — Saigon 1

Đàm thoại với PHẠM THẾ MỸ nhạc sĩ của Tin yêu, nhạc sĩ của Tình thương



- * Phạm Thế Mỹ sinh năm 1932 tại Qui-nhơn.
- * Cựu sinh viên trường quốc-gia Âm-nhạc Sài-gòn.
- * Trước 1971 dạy Việt văn tại Trung học Bồ Đề Đà Nẵng.
- * Từ 1971 trở đi : Trưởng phòng Văn mỹ nghệ Viện Đại học Vạn-hạnh Sài-gòn.
- * Đã đăng thơ và viết khảo luận về Âm nhạc trên các tạp chí : Mai, Đất nước, Đối diện, Hải-triều-âm...
- * Đã xuất bản :

- Ca khúc : Trên 20 ca khúc (còn gấp 4,5 lần chưa xuất bản được)
- Trường ca : Con đường trước mặt, Trang sử mới, Lửa thiêng, Thêm một lần hoa nở, Gió...
- Nhạc kịch : Sắc lụa Trữ-la (2 màn), Tiếng hát dậy từ lòng đất.
- Tuyển tập : Hòa bình ơi hãy đến (Nhà x.b. Thơ) Trái tim Việt-nam (Nhà x. b. Đối diện)

— BÁCH KHOA : Xin anh cho biết những bước đầu sáng tác của anh vì nghe nói anh được giải âm nhạc từ khi còn 15, 16 tuổi ?

— PHẠM THẾ MỸ : Tôi yêu thích âm nhạc từ thuở nhỏ và cũng tập tành sáng tác. Tôi được một giải thưởng âm nhạc năm 16 tuổi, nhưng bản nhạc đầu tiên được nhiều anh em hát là bản «Nắng lên xóm nghèo» viết năm 1956 - 57. Thời kỳ học ở trường Quốc gia Âm nhạc Sài-gòn chúng tôi không được phép sáng tác. Phải học cho có đủ căn bản đã. Sau đó, khi đi dạy học ở Đà Nẵng tôi mới

ại sáng tác và những bản nhạc của tôi từ đó trở đi đều được viết ra theo hoàn cảnh của đất nước qua từng giai đoạn.

— Vậy anh có thể phân định chiều hướng sáng tác của anh biến đổi như thế nào qua các giai đoạn chính trị của đất nước không ?

— Trước đây (1969) anh Lê Trương một cây bút phê bình của Tổng hội Sinh viên Sài-gòn, có phân định khuynh hướng (lúc đó) của mỗi nhạc sĩ như Phạm Duy : Tâm ca, Trịnh Công Sơn : Da vàng ca khúc, nói lên thân phận của nước nhược tiểu, còn

nhạc Tôn Thất Lập và nhạc của tôi là nhạc tranh đấu ở thành phố miền Nam.

Nhận định như vậy cũng đúng nhưng chỉ đúng với giai đoạn đó mà thôi. Đó là giai đoạn tranh đấu Phật giáo. Những bài trong thời kỳ ấy chưa được phổ biến rộng rãi. Năm 1966 tôi bị bắt giữ ở Đà-nẵng và sau khi bị tạm giam về, nhạc của tôi chuyển hướng hẳn về Hòa bình, nằm trong tinh thần tranh đấu Hòa bình của Phật Giáo. Thời kỳ này tôi đã làm được những trường ca: *Con đường trước mặt*, *Trang sử mới*, *Lửa thiêng* (lửa Quảng Đức) những trường ca trên đây đã được trình diễn nhiều lần ở rạp Thống nhất và có dịch ra ngoại ngữ nữa.

Tới thời kỳ những ca khúc: *Thương quá Việt Nam*, *Hoa vẫn nở trên đường quê hương*, *Trái tim VN*. thì cũng nói về hòa bình nhưng bằng bậc tình thương. Nét nhạc không còn hẳn học như hồi xưa nữa mà thanh thoát tươi mát hơn. Hiện nay tôi sắp cho xuất bản một tuyển tập gồm 18 ca khúc: *Hát lên đi ôi quê hương yêu dấu*.

— Tôi thấy rất nhiều ca khúc của anh đã được xuất bản và nhiều ca khúc đã được thu vào 2 cuộn băng mang các tên: *Tiếng hát Việt Nam*, và *Thương quá Việt Nam*. Vậy những bản nhạc được xuất bản và băng nhạc đã thu đang nào mang lại tài chánh cho anh nhiều hơn?

— Các bản nhạc đã được xuất bản mới nuôi sống gia đình tôi hiện nay

và phổ biến nhạc của tôi rộng rãi. Điều an ủi là khi xưa tôi muốn in nhạc thì phải đi điều đình với các nhà xuất bản nay thì ngược lại...

— Tôi nghe nói những ca khúc như *«Hoa vẫn nở trên đường quê hương»* *«Thương quá Việt Nam»* chẳng hạn là anh phát triển từ *«Dân ca Nghệ Tĩnh»* Vậy xin anh cho biết tại sao anh lại chọn *Dân ca nghệ tĩnh*, và *Dân ca* của anh và *Dân ca* của anh Phạm Duy khác nhau ra sao?

— Ông Bố tôi trước đây làm việc ở Vinh nên từ hồi nhỏ tôi đã được nghe dân ca Nghệ Tĩnh và nghe rồi thắm hời nào không hay. Sau này tôi có nghe lại qua băng nhạc Hát dặm Nghệ Tĩnh do anh Phạm Duy thu. Tôi thấy Dân ca Nghệ Tĩnh thật hợp với tôi hơn là các bài *Hò lơ* Miền nam *Cò lả* miền Bắc hay chính những bài dân ca của quê hương tôi như *Hò hê* (Hò cấy lúa) *Hát bài chòi* Bình định v.v... Âm điệu của dân ca Nghệ Tĩnh không rữ (buồn) như *Vọng Cỏ* của miền Nam cũng không mạnh mẽ, tươi vui như dân ca miền Bắc, nó có cái láy, cái lượn khi xuống thì xuống thật êm, khi lên thì lên thật thanh thoát, thoải mái, dễ thương, gợi niềm tin yêu... Ở đây tôi không phân tích giai điệu, tiết tấu mà chỉ nói tới hồn nhạc, và chỉ có cái hồn nhạc gợi tin yêu của dân ca Nghệ Tĩnh là rất gần gũi với tôi mà thôi.

Tuy nhiên lối phát triển dân ca của tôi có khác với anh Phạm Duy. Anh Duy lấy chất liệu của dân ca, anh phát triển mà còn giữ nguyên

gốc, nếu nghe và phân tích thật kỹ. Những bài như *Ru con*, *Tình tự tin* chẳng hạn còn hoàn toàn âm điệu của các bài dân ca thuần túy. Tôi thì lấy hơi đó nhưng phát triển nhiều hơn, đôi khi hoàn toàn khác đi. Tuy vẫn còn âm hưởng nhưng phải nghe kỹ mới thấy được.

Tôi biết rõ nếu làm nhạc tình yêu thì tôi không qua mặt được Trịnh Công Sơn mà làm dân ca thì không qua mặt được Phạm Duy. Trịnh Công Sơn sống hoàn toàn ở thành phố, anh viết nhạc tình yêu có cái thoải mái lãng mạn của người thành thị một cách dễ dàng. Anh Phạm Duy, trên chiều dài của Đất nước, anh đã đi từ Bắc đến Nam và dân ca 3 miền anh đã khai thác hết vì thế mình không còn chỗ nào để đặt chân nữa. (?)

Tôi sống ở những giai đoạn tranh đấu, giam cầm, đời sống khắc khổ, ít hưởng thụ được hạnh phúc gia đình, không mấy thoải mái trong tình yêu nên tôi nói về quê hương, nói về những bất công đau khổ của con người thấy dễ dàng hơn. Vì vậy có thể nói đời sống của tôi đã tạo cho tôi một nét nhạc riêng biệt không giống anh Duy mà cũng không giống anh Sơn. Anh Duy chẳng những là thiên tài lại gặp nhiều may mắn. Tôi không có những may mắn đó, cũng không phải thiên tài...

Cái gì tôi sáng tạo được cũng đều do đời sống của tôi tạo ra hết. Đời sống khắc khổ của tôi làm cho tôi muốn thoát ly thực tại và có những ước mơ: Ước mơ « Con đường trước mặt »

sẽ bước tới, Ước mơ một « Trang sử mới » cho tương lai dân tộc.

Ước mơ cái gì thì viết cái đó, ước mơ gì thì nét nhạc theo đó mà vươn lên. Bởi thế nét nhạc của tôi khi thì hần học, khi thì thoải mái...

Tuy nhiên phải nói ngay rằng không dám bước theo anh Duy nhưng tôi học hỏi được kinh nghiệm sáng tác ở anh Phạm Duy rất nhiều, và nhờ đó mà sau này nhạc của tôi không còn bị gò bó, gượng ép, như trước, mà tiến bộ vượt bậc. Anh Duy viết thật dễ dàng, chẳng hạn anh thấy : « Một cành củi khô, một tờ giấy úa, một hạt sương rơi... » Anh ghi lại rồi phổ thành nhạc, ý tưởng và nhạc hầu như cùng ra một lần. Với tôi hiện nay, thơ và dòng nhạc quyện với nhau như thế.

— *Như vậy, thường thường anh hay có thói quen sáng tác vào những lúc nào trong ngày hay nói khác đi, trong một ngày thì lúc nào anh thấy thuận tiện nhất cho việc sáng tác ?*

— Tôi sáng tác vào lúc nào và ở chỗ nào cũng được; khi đề tài đã « chín » rồi thì tôi viết ở nhà giữa lúc bày trẻ đùa nghịch, ở trường, trong lớp học, trên đường đi... và cũng nhờ sống nhiều, đi nhiều nên hình ảnh chợt hiện, một ý thơ chợt loé là tôi xúc cảm ngay như :

« Cho mía lau ngọt lịm đường dài » hoặc : « Uống nước dừa hay nước mắt quê hương » là nhạc thành hình liền, gần như hình ảnh tạo ra thơ và nhạc cùng một lần.

— *Tôi có được nghe anh đọc một số bài thơ của anh — thơ không có phổ*

nhạc — trong một buổi trình diễn văn nghệ tại Đại học Vạn hạnh, và thính giả bữa đó rất xúc động. Vậy chắc anh cũng mê làm thơ như mê viết nhạc?

— Tôi cũng có làm thơ và nếu về nhạc tôi chịu ảnh hưởng của anh Phạm Duy thì về thơ tôi chịu ảnh hưởng của anh ruột tôi, anh Hồ. Anh tôi làm những bài thơ rất tình cảm với những lời thơ thật trong sáng. Anh Hồ rất thương tôi. Anh đã làm những dòng thơ sau đây đề nói về tôi lâu lắm rồi, nhưng tôi vẫn còn nhớ:

... Nhưng may sáng nay hân về
Ba lô nhỏ nhỏ gọn gàng hân cồng
trên lưng

Chiếc đàn xinh xinh quý yêu hân ôm
trong nách

Hân đi tung tăng bước cao bước
thấp, đường ruộng gồ ghề

Hân nheo đôi mắt hân cười.

Quanh mình gió nắng cũng cười theo
Có con chim trắng tí teo,
hót giữa cành xoài lá lưa

Tôi nghe vui dậy mùa xuân
trong lòng đứa em trai nhỏ...

...

Thơ tôi cũng như thế, đầy tình cảm và tôi hy vọng cũng trong sáng như thơ anh tôi.

— Anh có viết những ca khúc, những trường ca, nhạc kịch. Vậy cách làm việc của anh khi sáng tác một ca khúc hay khi thực hiện những công trình dài hơi này ra sao?

— Nói chung thì các bài ngắn tôi viết theo xúc cảm, còn các bài dài thì tôi viết theo sự sắp đặt, theo niềm ước muốn sôi động của mình với kỹ

thuật mình có. Tôi đã nói với anh, tôi không phải là một thiên tài như anh Phạm Duy. Tôi chỉ do chịu khó học hỏi, cần cù làm việc đều đặn rồi hoàn thành được những tác phẩm lớn mà thôi.

Về ca khúc, có một số bài cũ tôi không còn thích nữa như bài "Trăng tàn trên hè phố" chẳng hạn, lời đẹp nhưng nét nhạc thấp quá, không có chất nghệ thuật; mặc dầu nhiều người vẫn còn thích bài này và đáng lẽ tôi có được khá nhiều tiền mà tôi không nhận. Lại có một số bài khác chỉ được sinh viên học sinh hát thôi chưa được phổ biến rộng rãi ngoài.

Các trường ca của tôi thì hầu hết đều được thai nghén trong không khí trẻ, không khí hăng say của sinh viên, của môi trường Đại-học cả.

Con đường trước mặt, viễn ảnh tương lai của Việt-Nam, tôi viết cho Đoàn sinh viên Văn nghệ, Vạn hạnh dự định 3 tháng phải xong để kịp trình diễn. Tôi viết mỗi tuần được một trang và viết xong sau 18 tuần lễ với xúc cảm liên tục. Trang sử mới thì đặc biệt, tôi lại chỉ viết trong có 2 đêm. Anh cũng thấy những trang sử đã qua, các anh Hoàng Quý, Phạm Duy v.v... đã viết hết cả rồi. Tôi phải tìm cái mà chưa ai làm, nên trường ca "Trang sử mới" của tôi mang ý mới, chất liệu mới, và kỹ thuật mới. Lửa thiêng là lửa Quảng Đức, phải 2 năm mới hoàn thành. Tôi xúc động trước hết vì cái chết của T.T Thích Quảng Đức và sau đó

nhờ bài thơ «Lửa từ bi» của thi sĩ Vũ Hoàng Chương gợi hứng mới viết tiếp cho xong. Thêm một lần hoa nở là một tác phẩm kỹ thuật, nghiên cứu về lối «tán» và «tụng» của Phật giáo. Gió cũng viết với Miên Đức Thắng do một bài thơ kêu gọi tình thương của Pablo Neruda gợi hứng và tôi xúc động nhất ở hai câu:

*«Trong tim không giọt hận thù
Ta rải chùm nho theo gió»*

tôi đổi thành:

*«Trong tim không giọt hận thù
Ta rải lúa vàng theo gió»*

«Gió» ở đây đem lại tình người...

Sắc lụa Trữ la là một nhạc kịch làm từ năm 1956-57, thời Đệ-nhất Cộng-hòa, nói về việc tự túc kinh tế đem lại giàu mạnh cho đất nước hơn là sự nhận viện trợ nước ngoài. Nhạc kịch nhẹ nhàng này đã được Đoàn văn nghệ Sinh viên Vạn hạnh trình diễn nhiều lần tại rạp Thống nhất Saigon, tại Nha trang và Đà lạt.

Tiếng hát dậy từ lòng đất là một nhạc-kịch lấy theo tích Kinh Kha và Cao Tiêm Ly trong Sử-ký Tư-Mã Thiên mang ước vọng đem lại Tự do cho đất Yên, cũng được trình diễn 1 lần ở Đà lạt và 1 lần ở Saigon.

— Những sáng tác của anh có được phổ biến ra ngoài nước không?

— Trường ca «Con đường trước mặt» có được đoàn sinh viên Phật tử Tây Đức in lại trong tuyển tập: «Tiếng hát dân tôi» được dịch ra Anh

ngữ, Pháp ngữ và Đức ngữ. Trang sử mới cũng được đăng lại trong tuyển tập «Chim về trên không» của GHPGTN hải ngoại, tại Pháp.

— Theo anh thì các ca sĩ, những người nào trình diễn các bản nhạc của anh đã làm anh hài lòng hơn cả. Và anh có những kỷ niệm gì đặc biệt về sáng tác hoặc trình diễn không?

— Nhạc Phạm Duy thì có Thái Thanh diễn tả, nhạc Trịnh Công Sơn thì có Khánh Ly, còn nhạc của tôi thì có Đăng Lan, về giọng nam thì có các anh Miên Đức thắng, Xuân An. Nhạc của tôi, nếu được phổ biến rộng rãi như ngày nay, là nhờ các anh Thắng anh Ân và nhất là cô Đăng Lan đã hết sức tận tâm, chịu khó tập luyện trong mọi buổi trình diễn nhạc của sinh viên mà không hề nhận một khoản thù lao nào.

Về kỷ niệm sáng tác tôi không có bao nhiêu nhưng kỷ niệm trình diễn thì khá nhiều. Không kể những lần cùng với các anh em bị «hốt» trong những đêm trình diễn nhạc của sinh viên ở Nha trang, ở Đà năng, lo mà cũng vui, tôi nhớ có mấy kỷ niệm đặc biệt sau đây:

Một lần trình diễn nhạc kịch «Sắc lụa Trữ la» ở Nha trang anh Thoại, hồi đó còn là sinh viên, đẩy cái thuyền bằng cây trên đó có Đăng Lan. Chàng may có cái đinh ở thuyền đâm vào chân anh, làm máu phun ra xối xả mà anh vẫn điềm nhiên đẩy thuyền và chịu đựng sự đau đớn cho khỏi trở ngại việc trình diễn.

Một lần nữa cũng ở Nha trang, khi đương trình diễn trường ca «Con đường trước mặt» thì cầu chì bị cháy, điện tắt. Muốn cho có điện ngay để việc trình diễn được liên tục, anh Sơn, hồi đó là sinh viên, vội lấy ngay miếng giấy thiếc ở bao thuốc lá, gấp lại nhét vô cầu chì, và anh đã phải nhét luôn cả ngón tay anh vô cầu chì nữa để giữ tấm giấy thiếc khỏi buột ra cho tới trình diễn xong bản trường ca trên đây, đến nỗi lúc rút ngón tay ra, chỗ giữ giấy thiếc bị cháy nám đen lại.

Tinh thần của các anh Thoại, anh Sơn thật chỉ trong môi trường sinh hoạt của sinh viên mới có được và mỗi lần nghĩ đến tôi vẫn còn xúc động.

Trong dịp vừa qua ra Nha Trang, tôi cũng được các anh em học sinh và sinh viên đón tiếp rất nồng nhiệt — bữa đó có anh Võ Hồng — họ gọi tôi là nhạc sĩ của quê hương, và đêm ở trại, họ vừa kiệu tôi lên vừa hát các bài của tôi. Thực tôi chưa bao giờ cảm động đến thế...

BÁCH KHOA ghi lại



Nhức đầu
Mỏi
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
 lưng, đau nhức lúc có
 Kinh Kỳ

TRANG
 CIENTE

HN 1211/811/2001

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Sách bỏ túi thứ bự

Nhà xuất bản Gallimard vừa cho ra một cuốn sách bỏ túi (loại *Idées*) cuốn *Un théâtre de situation*, tập trung tất cả các bài nhận định của Jean-Paul Sartre về kịch : kịch của thiên hạ và cả kịch của J.P Sartre nữa.

Cuốn *Le hasard et la nécessité* của Jacques Monod, giải Nobel sinh vật học, cũng vừa được nhà Le Seuil xuất bản vào loại bỏ túi (Points).

Gây rối

Năm 1971, Thủ tướng Pháp Jacques Chaban-Delmas thành lập một Hội đồng Văn-hóa (*Conseil culturel*), gồm 32 hội viên.

Đây cũng là một hội đồng có tính cách tư vấn như Hội đồng Văn hóa và Giáo dục ở xứ ta, nhưng thành lập sau chúng ta một năm (cóp sáng kiến của ta chẳng ?)

Hội viên Văn hóa Pháp gồm đại khái những vị như ông hàn lâm Pierre Emmanuel, kịch sĩ Jean Desailly v.v... Sau hai năm trời hội họp, làm việc trong không khí bỡ ngỡ, trong cảnh thiếu thốn phương tiện (ngân sách), đối đầu với thái độ lạnh nhạt và rất ít thông cảm của Bộ Văn hóa (Bộ trưởng là M. Druon, một ông hàn lâm khác), rốt cuộc Hội đồng Văn hóa Pháp quốc đã đồng loạt từ chức tập thể. Lý do : «Chúng tôi là những kẻ gây rối vì chúng tôi chứng tỏ rằng không có một chính sách toàn bộ nào về Văn hóa mà có thể đem ra thực hiện vào lúc này.»

Cái phiền hà nhất cho chính phủ Pháp là Hội đồng lại cho công bố các bản chỉ trích, nhận định của mình. Phải chăng đó là hành động «gây rối» cuối cùng ?

Hồi ký

Phong trào sách hồi ký bắt đầu phát đạt ở Tây phương : *Piaf*, *Papillon*, v.v... Bây giờ nó lan rộng đến tận Bắc Kinh. Tại đây ít nhất đã có hai người hưởng ứng : phế đế Phỗ Nghi và Giang Thanh.

Phỗ Nghi là vị hoàng đế cuối cùng của Trung hoa, lên ngôi năm 1908 hồi ba tuổi, bị truất phế hồi sáu tuổi, bị Nhật giam giữ, rồi bị Nga cầm giữ, trả về chính quyền Mao hồi 1950, bị lên án, rồi được ân xá. Bây giờ phế đế đang làm kẻ giữ vườn. Cuộc đời thăng trầm ấy chép vào bộ hồi ký gồm ba tập, đã in bản tiếng Đức, sẽ cho ra bản tiếng Pháp.

Còn cô đào Giang Thanh, bây giờ hóa thành một nhà cách mạng ngày đêm sát cánh với Mao, hồi ký của bà sẽ xuất bản ở nước «đế quốc» Hoa kỳ. Bởi vì sách do một nữ y sĩ Mỹ, giáo sư ở viện đại học Harvard, viết theo lời tâm sự của Giang Thanh.

Thêm một K. nữa

«Một tác phẩm lớn», «tác phẩm, cừ nhất trong năm» v.v..., giới phê bình Tây phương có kẻ đã trầm trồ như thế về cuốn «*La vie est ailleurs*» của một nhà văn Tiệp Khắc : Milan Kundera.

Tác giả trước kia là một đảng viên Cộng-sản, bị khai trừ năm 1948,

chống lại chính quyền Tiệp khắc từ sau cuộc chính biến «Mùa xuân ở Prague». Tuy nhiên tác phẩm vừa ra đời không giản đơn là một bản lên án chế độ chính trị. Nó đề cập tới tình cảnh bất an của tuổi trẻ đó đây, dưới mọi chế độ xã hội. Nó vừa thi vị, vừa hài hước, vừa ngộ nghĩnh, vừa bí hiểm... Người ta liên hệ M. Kundera với một nhà văn Tiệp khắc lỗi lạc khác là Kafka.

Tên của cả hai đều bắt đầu bằng chữ K.

Có một nền văn hóa Úc

Giải Nobel văn chương cấp cho Patrick White vừa rồi dường như để xác nhận là đã có một nền văn hóa Úc. Bởi vì bấy lâu Úc như thề là một tiếp nối của văn hóa Anh.

Thế thì trước mắt thế giới, từ P. White, Úc có sự độc lập tinh thần, có đặc tính văn hóa. Mặc dù P. White vẫn là người... Anh, sinh ở Anh quốc, học ở Anh quốc, bắt đầu viết sách ở Anh quốc. Mãi sau thế chiến thứ 2, vào năm 1948, ông mới sang ở hẳn bên Úc với gia đình.

Không sao! Có lẽ như thế ông càng tiêu biểu cho Văn hóa Úc.

Thời trang

Giới làm ăn về «Sách thời trang» ở ta có lẽ nên chú ý một chút đến Richard Brautigan. Sau E. Segal với «Love Story», bây giờ đến lượt R. Brautigan đang được thanh niên Mỹ mê như điên đảo.

Bộ dạng anh chàng híp-py này

trông cũng ngộ nghĩnh: 36 tuổi, hai nhóm râu mép sum suê, tóc xõa ngang vai, đầu đội mũ dạ. Chuyện anh chàng viết ra càng ngộ nghĩnh hơn: nó vừa ngây ngô kỳ cục lại vừa thơ mộng. Chẳng hạn một cô nàng thật trẻ thật đẹp, cảm thấy mình bị khốn khổ vì cái nạn... thừa nhan sắc, bèn chạy vào thư viện kê khổ. Và ở đây có anh chàng thủ thư biết cách an ủi cô ta về sự thừa thãi nọ. Cô nàng có thai, rồi.v.v...

Đó là đại khái chuyện xảy ra trong cuốn «L'avortement» do nhà Le Seul in bản tiếng Pháp. Chỉ có 192 trang, thật nhẹ nhàng, dễ đọc. Các tác phẩm trước là: *Trout Fishing, In Watermelon Sugar*.

TRÀNG THIÊN

Tưởng-niệm nữ sĩ Trương P. ó

Cuối năm 73, làng văn miền Nam đã mất 2 nhà văn nhà thơ tiền chiến: Đỗ Tồn tên thật là Đỗ Đình Tồn, tác giả «Hoa vông vang» trang nhóm Tự lực Văn đoàn hồi xưa đã từ trần ngày 22-10-73 và nữ sĩ Trương Phổ, tên thật là Đỗ thị Đàm, tác giả *Giọt lệ thu*, (1) *Mưa gió sông Tương* (thơ) *Trúc mai* (truyện dài bằng thơ), đã từ trần ngày 8-11-73 tại Đà-lạt hưởng thọ 76 tuổi.

Đề tưởng niệm nhà thơ nổi tiếng một thời và thiết tha với văn thơ đến khi đầu bạc, Trung tâm văn bút V.N. có tổ chức một buổi Hội-thoại tại trụ sở của Văn Bút vào sáng Chủ nhật 16-12-1973. Các diễn giả gồm

(1) «Giọt lệ thu» do Nam-Chi Tùng-Thư tái bản năm 1967.

có : Thanh Lãng, Vũ Hoàng Chương, Vi Huyền Đắc, Mộng Tuyết, Tam Lang, Nguyễn Vạn An, Đặng Đức Hiền, Phạm Việt Tuyền và Nguyễn Công Kiêm.

Được biết nữ sĩ Mộng Tuyết thất tiều muội sẽ nói về : « Những giọt lệ không là giọt lệ thu của nữ sĩ Trương Phổ » và nhà thơ Vũ Hoàng Chương sẽ nói về những

kỷ niệm của nữ sĩ Trương Phổ với Bút Việt. Trước đây nhà thơ họ Vũ đã làm một bài thơ khóc Trương Phổ như sau :

*Lệ gửi sông rồi, thơ gửi non
Về đâu Trương Phổ cũng không còn
Còn mưa còn gió trời Nam Bắc
Còn tấm lòng thu đẹp với son.*

THU THỦY



Phạm Duy, Thanh Lan, Hikoyuki Nakagawa, và Chủ tịch hãng đĩa POP Record Company chụp tại Nhật bản tháng 11 vừa qua.

Lữ Đại-hội Nhạc POP toàn cầu tới sinh hoạt Victor Studio... ở Nhật-bản

Phạm Duy, Ngọc Chánh, Thanh Lan đã có mặt tại Tokio từ 12-11-73 để tham dự Đại hội Nhạc POP toàn cầu... Đây là Đại hội kỳ 4, do Yamaha Music Foundation tổ chức với sự đỡ đầu của Bộ Ngoại-giao, Văn hóa Vụ Nhật Bản và với sự ủng hộ của Tòa Đô chính Tokyo cùng

khoảng trên 30 cơ quan công tư khác.. Năm nay, số nhạc bản dự thi ít hơn năm ngoái nhưng phẩm chất thì cao hơn hết mọi năm. Trong số 850 nhạc bản dự thi, chỉ có 37 bản được vào chung kết... Và Tuổi biết buồn của Ngọc Chánh, Phạm Duy với giọng hát Thanh Lan đã được nằm trong số bài bản này...

Hai đêm đầu (đêm 16, 17) dành cho tất cả những bài vào chung

kết được hát lên trước một số trên 20.000 khán thính giả tại Budokan Hall, một sân khấu lớn nhất Nhật Bản, nằm trong khu Hoàng cung. Rồi chỉ còn 18 bản được hát trong đêm 19 và rút cuộc giá trị bài bản ngang nhau đến độ ban Giám khảo phải cho đến bốn giải Grand Prix. Bài mà Đại hội cho là hay nhất, lẽ tất nhiên là bài của Nhật Bản. Tác giả và đồng thời ca sĩ là một cô bé 16 tuổi: Akiko Kosaka. Bài hát nhan đề «Anata» với nội dung ca tụng đời sống giản dị và tình yêu thành thực thắm thiết. Ba bài đi sau là *All the kings and castles* do Shawn Phillips (Hoa Kỳ) sáng tác và trình diễn, *Head over heels* của Zack Laurence và do Keeley Ford hát, đại diện cho Anh Cát Lợi, *Parigi a volta cosa fa* (Ý Đại Lợi) của Alfredo Ferrari do Gilda Giuliani trình bày. Bộ ba Phạm Duy, Ngọc Chánh và Thanh Lan chỉ được một huy chương danh dự. Nhưng theo lời Phạm Duy thì Đại hội Nhạc POP toàn cầu 73 đã đánh dấu sự thăng hóa của loại *Nhạc bình dân*. Trước kia, ta cứ tưởng nhạc POP là phải dễ soạn, dễ nghe, dễ nhớ, dễ quên... Nhưng với 4 bài

trúng giải kể trên, nhạc POP đã có giá trị ngang với những bài bán-cổ-diễn. Đây là một bài học có ích để nếu sang năm có muốn tranh giải thì phải đổi lại xu hướng. Nhất là bài dự thi phải là vui mạnh, chứ không thể yếu buồn...

Tuy nhiên, thắng lợi đã đến với Phạm Duy, Thanh Lan trên một địa hạt khác *Victor Musical Industries*, một tổ chức lớn nhất Nhật Bản trong phạm vi sản xuất máy hát, tape recorder, Ti-vi, đĩa hát... đã mời 2 người ở lại để thu thanh bài Phạm Duy và giọng hát Thanh Lan với mục đích sẽ phát hành một đĩa hát mới trong năm 1974. Thanh Lan và Phạm Duy đã tới *Victor studio* để thu thanh bài *Tuổi mộng mơ* với lời Nhật nhan đề *Yume miru sedai* và bài *Ai no hi o kesianai de* (nội dung: Đừng phá vỡ nhân tình) của nhạc sĩ Nhật bản *Ley Nakanishi* và *Hiroyu-ki Nakagawa*. Victor Studio đã ký hợp đồng hai năm với Thanh Lan và mời Thanh Lan qua Nhật ba tháng để lancer đĩa hát đầu tiên này.

THẾ NHÂN

thu vẫn mơ màng...
xuân xanh xanh
hè sẽ thôi nóng
và đông sẽ ấm hơn...

NẾU CÁC BẠN ĐỌC :

TRUYỆN TÌNH

(Ý-đại-lợi)

Nguyên tác của ALBERTO MORAVIA

Bản dịch của : LÊ TẤN THẬN

Sẽ phát hành vào Hè 74

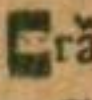
NHÓM BẠN HỮU — SAIGON — XUẤT BẢN.

HỘP THƯ

Bách Khoa đã nhận được những bài sau đây của quý bạn :

THƠ : Thanh Lăng Tử, Cao Trường Huy, Vinh Liêm, Vũ Hữu Định, Nguyễn An Bình, Trần Hoàng Vy, Dương Đỗ. Thập Cầm, Trần Ngọc Kim, Phạm Ngọc Lư, Lê thị Ái Niệm, Uyên Hà, Tôn Nữ Hỷ Khương, Nguyễn Kim Thanh, Võ văn Lê, Phan Trường luận, Trần Hữu Nghiễm, Huỳnh văn Dung, Phạm Kim Dung, Lê Sơn Tông, Phạm Lê Phan, Thanh Quảng, Hạnh Phương, Cao Đồng Khánh, Vương Lăng, Nguyễn Anh, Hoài Nam, Lê Văn Trung, Lê Đồng Yên, Huỳnh Kim Sơn, Nguyễn Tâm Thường Châu Uyên, Chinh Phục, Trần Lê, Trần Hữu Nghiễm, Xuân Hữu, Mai Vinh Hoàng, Hà Cơ, Lương Trọng Minh, Nguyễn Xuân Hòa, Phạm Phú Ba, Hoàng Niệm, Nguyễn Như Mây, Lộc Vũ, Phù Sa Lê Ngọc Viễn, Phan Trường Luận, Lê Nghị, Trần Dza Lữ, Nguyễn Miên Thượng, Băng Huynh Thảo, Hồ Thoại Ngữ, Võ Châu Cửu, Triều Nguyên, Trần Cỏ Sương, Phan Tấn Mỹ, Trần Thái Hòa

TRUYỆN : Trần Yên Hòa (Nề xưa) Nguyễn Khoa Tuệ (Tôi từ Nga xô trở về André gide), Mang Viên Long (Kỷ niệm với Trần văn Tèo),

Trần quang Thiếu (Tiếng hát lên trời)
Trần Yên Thảo (Chiều trên sông cửa Lấp), Lê Thị (Tiếng động), Lê văn Thiện (Cũng xong), Trần Tài (Một thoáng Nắng) Triều Nguyên (Ngày tàn cuộc chiến), Lê Quý Hiếu (Tâm sự loài rong), Kim (Những chiếc bóng mờ) Nguyễn Châu Thục (Đón giọt mưa nồng), Nguyễn Phúc Chu (Cửa trông lên hướng núi). Vũ Nhạc Thu (Một điều gì đó ệuanh đây) Trịnh Dương (Như cánh vạc bay)  Trầm phước Đại (Trong cơn say... Cao Trường Huy (Một ngày đầu mùa mưa), Nguyễn Hà (Trong cơn quay dài) Tần Hoa (Hoàng, tấm giấy, căn phòng...)Nguyễn Hoài (Chuyến xe cuối,) Nguyễn thị Kim Dung (Cát trắng Phù nghị (Chồn mù xưa), Nguyễn đình Hối (Hạ trường) Thanh quảng (Vùng đất lạnh)

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn đã gửi cho Bách Khoa những bài trên đây. Bài nào đăng được chúng tôi sẽ gửi thư riêng hoặc nhắn tin trên mục Hộp Thư này. Bởi vậy các bài gửi đến, ngoài bút hiệu, xin quý bạn nhớ đề thêm tên thật và ghi lại cho địa chỉ hiện tại để tiện liên lạc.

Ô Xuân Tùng (Tam-kỳ)... Đã nhận được bài đi thăm nhà thờ Cù Huỳnh cùng hình ảnh. Sẽ đăng và rất cảm ơn anh.

BÁCH KHOA 17 NĂM XUÂN GIÁP DẦN

Sẽ ra mắt bạn đọc sau số này, vào thượng tuần tháng 1/74, dày gấp đôi số thường. Với các bài của Từ Minh, Võ Phiến, Nguyễn Hiến Lê, Vũ Hạnh, Trần văn Tích, Nguyễn Mộng Giác, Trần Hoài Thư, Vũ Hoàng Chương, Bình Nguyên Lộc v.v...

Như thường lệ giá biểu quảng cáo trong số Xuân Giáp Dần cũng gấp đôi số thường.

MỤC LỤC THEO BỘ MÔN CỦA BÁCH KHOA

Từ số 395 (P) đến số 401 (V), từ tháng 8 đến tháng 12 năm 1973 (*)

Sự sắp xếp theo bộ môn dưới đây chỉ có tính cách hướng dẫn, giúp bạn đọc dễ tra cứu, bởi vậy nếu có những sai lầm trong sự phân loại, cũng mong bạn đọc lượng thứ cho.

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tap chí	Trang
BIÊN KHẢO-NGHỊ LUẬN			
<u>CHÍNH TRỊ</u>			
— Cuộc chiến Trung Đông và cuộc chiến V.N.	Hoàng văn Đức	401	09
— Cuộc chiến Trung Đông..	Đặng Trần Huân	399	71
— nt —	— nt —	400	09
— Tân chính thể Hy-lạp	Từ Minh	397	41
— Giấc mơ phi-liên-kết...	— nt —	398	09
— Uốn nắn tâm hồn...	Nguyễn gia Tường	399	09
— nt —	— nt —	400	37
— Vư Sakharov và Solzenitsyne	Đào Trường Phúc	401	14
<u>DÂN TỘC HỌC</u>			
— Những gương mặt sầu chai đá của châu Mỹ la-tinh	Dobamide	395	35
— Bàn lại với ô. B.N. Lộc về « Người Châu-giang »	— nt —	396	23
— Về « Người Châu-giang »	Bình Nguyên Lộc	398	43
— Ngữ lí học và cơ cấu Việt-ngữ	Trần Ngọc Ninh	395	21
<u>GIÁO DỤC</u>			
— Giáo dục Tiền-học đường trong ký-nhi-viện	Lê thị Mão	400	46
— Hướng về Sư-phạm Tiểu-học	Doãn Quốc Sỹ	395	09
<u>KHOA HỌC — Y-HỌC</u>			
— Khoa học không gian và đời sống con người	Vân Anh	401	35
— Khoa học thực nghiệm và y lý cổ truyền	Kim Dịch	397	09
— nt —	— nt —	398	23

(*) Bách Khoa số 395 (P) (01-08-73)	Bách Khoa số 399 (T) (15-11-73)
Bách Khoa số 396 (Q) (01-09-73)	Bách Khoa số 400 (U) (01-12-73)
Bách Khoa số 397 (R) (15-09-73)	Bách Khoa số 401 (V) (15-12-73)
Bách Khoa số 398 (S) (15-10-73)	

- Đông y qua nét chữ
- nt —
- Nhĩ-châm liệu pháp
- Di truyền, mặt mã và ám hiệu
- nt —
- Lão Trang và Đông y
- Thuốc chủng trừ bệnh Cúm

KINH TẾ

- Khủng hoảng nhiên-liệu trên thế giới
- Dầu hỏa : chính trị hay kinh tế ?

NGHỆ THUẬT

- Tìm hiểu Cổ đồ Huế
- Đàm thoại với Phạm Thế Mỹ
- Nghệ thuật Thư pháp

TIỂU SỬ — DANH NHÂN

- F. Franco
- M. Gaddafi

TÔN GIÁO

- Sống với ý-thức-hệ
- nt —
- nt —

VĂN HỌC — VĂN HÓA

- Tủ sách xã thôn
- Góp ý với bài « Tủ sách xã thôn »
- Hội nghị Đông-phương học Balé
- nt — (Phỏng vấn)
- nt — (Phỏng vấn)
- Xuất bản sách Nhã-ca ở Hoa-kỳ
- Nhân đọc truyện N.M. Giác
- Vụ Sakharov và Solzenitsyne
- Dịch thuật
- nt —
- Công sứ Oser ở Nghệ Tĩnh
- Hơn một bài thơ
- Phan Bội Châu niên biểu
- nt —
- Đàm thoại với Nguyễn văn Hàu
- Đàm thoại với Võ Phiến
- Đàm thoại với Lương văn Lựu

Kim Dịch	400	29
— nt —	401	29
Trần văn Tích	397	15
— nt —	399	31
— nt —	400	23
— nt —	401	23
Võ quang Yến	399	27
Vân Anh	398	33
Đào Trường Phúc	399	19
Thái văn Kiềm	400	17
Bách Khoa	401	73
— nt —	400	76
Từ Minh	395	44
— nt —	396	45
Trần Ngọc Ninh	395	29
— nt —	396	39
— nt —	397	33
Toan Ánh	396	17
Trương văn Thanh	401	57
Trần văn Sung	396	77
Võ Long Tê	399	37
Đỗ Trọng Huê	400	51
Thế Nhân	398	84
Võ Phiến	401	39
Đào Trường Phúc	401	14
Đoàn Nhật Tấn	395	15
— nt —	396	31
Đông Tùng	398	37
Hồ Hữu Tường	395	77
Nguyễn văn Xuân	396	09
— nt —	397	25
Bách Khoa	395	53
— nt —	398	73
Ngê Bá Lí	397	49

LINH TINH

— Nhân số và nạn đói

— nt —

— Nụ cười VN tại Hoa kỳ

Nguyễn Hiến Lê

398 17

— nt —

399 23

Thế Nhân

399 77

VĂN NGHỆ

LÁ THƯ NƯỚC NGOÀI

— Lá thư Paris (B.K. 395, 396, 397)
Saigon (398) Đài loan (399) Kim-
môn (400) Thái lan (401)

Minh Đức Hoài Trinh

LÁ THƯ TRONG THÁNG

— Bách khoa : 397, 398, 399

Thu Hippy

TÙY BÚT HỒI KÝ

— Vô tuyến truyền Kiều

Vũ Hoàng Chương

396 51

— Tự truyện giữa mùa hè

Hoàng Ngọc Tuấn

395 69

— nt —

— nt —

396 55

TRUYỆN NGẮN

— Một thoáng khói cay

Duli

398 65

— Người đèn nợ nước

Hồ Minh Dũng

398 57

— Niềm tin còn lại

Nguyễn Mộng Giác

396 65

— Công viên dạ khúc

Mường Mán

397 65

— Văn khoa, mùa xưa

Đào Trường Phúc

400 65

— Người trở về

Trần Hoài Thư

399 55

— Những vòng hoa xương rồng

Vô Ưu

401 59

THƠ

— Ba kiếp lang thang

Vũ Hoàng Chương

395 66

— Đăm đăm mây trắng

Võ Chân Cửu

397 75

— Một giờ trong làng

Luân Hoán

400 61

— Gã hàn sĩ ấy lại ra đi

Phạm Cao Hoàng

397 75

— Tình yêu tiền kiếp

Bùi Khiết

401 71

— Khi về phố hạ

Võ văn Lê

398 72

— Trầm tư

Tường Linh

395 67

— Trời xưa áo lục

— nt —

400 63

— Khi qua trường học cũ

Hoàng Lộc

397 74

— Tạ ơn

Tuệ Mai

399 65

— Mây bay — Mây vẫn còn bay

Minh-Đức Hoài Trinh

401 70

— Mái nhà xưa

Lê văn Trung

398 71

— Vọng âm

Tạ Ty

399 64

— Phát hành 22-12-1973 — Số lượng 3000

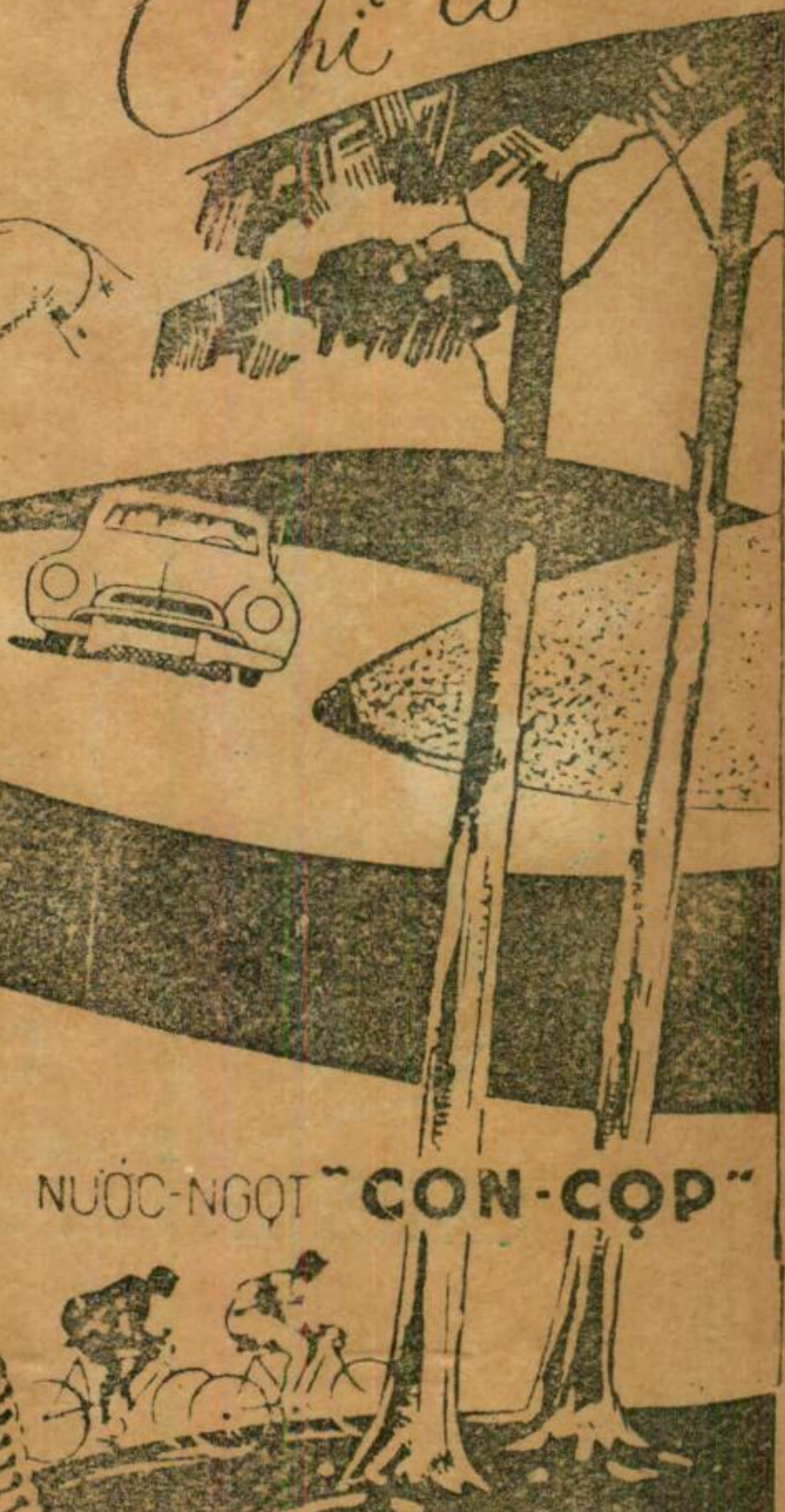
Giấy phép K.D. số 655 PTUDV/KSALP/GP ngày 18-12-1973

Trong Gia-đình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt

Chỉ có

NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"

Chai "HÒA TIỀN"!



CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương vị hảo hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc